



TRẦN THẾ HƯƠNG

Câu chuyện
tính dục

ĐÔNG TÂY



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Tuổi trẻ chưa lập gia đình, thời @ lại rất dễ tiếp cận các trang web XXX trên Internet, họ dễ bị kích dục. Những đốn nén ấy đi vào mộng mị và sẽ xảy ra cuộc tình yêu ma như Liêu Trai thêu dệt. Kẻ cô đơn bị sex thôi thúc, phải “tự xử” lâu ngày cũng dễ đi tới cuộc tình ảo hóa trong giấc bướm hỗn hoa. Thay vì sống biệt lập với các trang web XXX, kêu gọi ham muốn thân xác... tuổi trẻ rất cần tham gia sinh hoạt xã hội, thể dục, thể thao...

(Trích: *Tình ma sex quỳ*)

Ảnh bìa 1: Một phần lưng cụm tượng cẩm thạch Bất Cốc Nữ Thần Proserpina (*Ratto di Proserpina*), cao 255cm, do Gian Lorenzo Bernini (1598 - 1680), điêu khắc gia Ý, sáng tác năm 1624, trưng bày tại Viện Bảo Tàng Galleria Borghese ở Rome - Ý.

Ảnh bìa 4: Nụ Hôn (*Le Baiser*), tượng cẩm thạch (181,5cm x 112,5cm x 117cm), do Auguste Rodin (1840-1917), điêu khắc gia Pháp, sáng tác năm 1882, trưng bày tại Viện Bảo Tàng Rodin - Paris.

Câu chuyện
tính dục
ĐÔNG TÂY

TRẦN THẾ HƯƠNG

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc- Tổng Biên tập

ĐINH THỊ THANH THỦY

Biên tập : **TRẦN THI ANH**

Trình bày : **HOÀNG TRUNG**

Bìa : **LINH VŨ**

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

62 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

ĐT: 028.38225340- 028.38296764- 028.38247225- 028.38256713

Fax: 028.38222726- Email: tonghop@nxbhcm.com.vn

Sách online: www.nxbhcm.com.vn- Ebook: www.sachweb.vn

XNĐKXB số: 4934-2020/CXBIPH/3-338/THTPHCM

QĐXB số: 209/QĐ-THTPHCM-EBOOK2020 ngày 12/12/2020

ISBN: 978-604-312-457-6. Lưu chiếu năm 2020

ISBN: 978-604-312-457-6



TRẦN THẾ HƯƠNG

Câu chuyện
tính dục

ĐÔNG TÂY



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**BIỂU GHI BIÊN MỤC TRƯỚC XUẤT BẢN
ĐƯỢC THỰC HIỆN BỞI THƯ VIỆN KHTH TP. HCM**

Trần Thế Hương

Câu chuyện tình dục Đông Tây / Trần Thế Hương. - T.P. Hồ Chí Minh :
Nxb. Tổng hợp T.P. Hồ Chí Minh, 2020

176 tr. : tranh ảnh ; 19 cm

ISBN: 978-604-312-483-5

1. Tình dục học. I. Ts.

1. Sexology

306.7 -- ddc 23

T772-H96

MỤC LỤC

Lời nói đầu.....	7
1. Chén tình xuân dược.....	11
2. Dép giày lên tiếng.....	18
3. Đùng bỏ em một mình.....	23
4. Em không cần anh nữa.....	28
5. Giấc mơ vợ ngư phủ.....	34
6. Hương gậy mùi nhớ.....	41
7. Khi nàng khoe rốn.....	49
8. Khoe của.....	54
9. Kinh yêu đương.....	59
10. <i>Liêu trai chí dị</i> tù góc nhìn tính dục học.....	64
11. Một thắt lưng ong.....	70
12. Mượn mây vẽ trăng.....	76
13. Năm ngón chân thương.....	81

14. Nem chả cuộc đời.....	86
15. Phim hình sự pha tính dục.....	92
16. Phong thủy và yêu đương.....	97
17. Thú đau thương.....	103
18. Thú gian	108
19. Tính dục đồng giới ở Hy Lạp cổ.....	117
20. Tính dục đồng giới nam ở La Mã cổ.....	123
21. Tính dục đồng giới nam ở Trung Hoa cổ....	128
22. Tình yêu đồng giới là tội lỗi?.....	135
23. Tình ma sex quý	139
24. Tố nữ kinh	146
25. Xuân sự.....	150
26. Xuân họa Phù Tang	157
27. Yêu lúc thu sang	162
28. Yoga khóa thân.....	169

GHI CHÚ: Các bài viết đã đăng rải rác ở: Nguyệt san *Công Giáo và Dân Tộc* (CGvDT), Báo *Người Lao Động* (NLĐ), và Tuần san *Sài Gòn Giải Phóng* (SGGP) *Thứ Bảy*. Khi in lại thành sách, mỗi bài đều có sửa chữa.

LỜI NÓI ĐẦU

Mở đầu cho *Cựu Ước* nói riêng hay *Kinh Thánh* nói chung là *Sách Sáng Thế* hay *Sáng Thế Ký* 創世記 (*Genesis*). Gồm năm mươi chương, sách này nói về nguồn gốc của vũ trụ và nhân loại qua sự tạo dựng của Thiên Chúa. Theo sách này, thủy tổ loài người là ông Adam (Á Đương 亞當) và bà Eve (Hạ Oa 夏娃). Bộc lộ thân thể trần truồng giữa vườn địa đàng, hai người nam và nữ ấy lần đầu tiên nhận thức được giới tính (*sex*) của mình, nên biết e thẹn, bèn kết lá cây làm khố che đậy cho bớt lỏa lồ (Sáng Thế 3:7). Thế rồi Adam ăn ở với Eve không cần tiệc cưới (Sáng Thế 4:1).

Trên đây là sự kiện tính dục xa xưa nhất, xảy ra vào thời nguyên thủy loài người, theo văn hóa – tín ngưỡng Do Thái, và được chép lại trong quyển sách (hay kinh) rất cổ, mà có thuyết cho rằng đã sớm hình thành vào năm 950 trước Công Nguyên.

Nói như thế để thấy bắt đầu có con người là bắt đầu có *tính giao* 性交, *tính dục* 性欲 (*sex*), tức là có ham muốn về thân xác (*carnal desire*, *nhục dục* 肉欲). Ham muốn này lưu truyền suốt mấy ngàn năm lịch sử loài người để nhờ đó dòng giống con người trên trái đất không phải tuyệt chủng. Thế thì tính dục vốn chẳng hề mới mẻ chi, vậy mà nào phải con người đã hiểu biết nó rành rọt từng kẽ tóc chân tơ. Thành thử, chớ ngạc nhiên rằng khoa học tính dục (*sexology* 性欲學) đã ra đời rất muộn, mãi đến thế kỷ 19. Cho tới nay, các nhà tính dục học (*sexologists*) trên thế giới đã đóng góp rất nhiều sách vở nghiên cứu, kể cả phim ảnh; tuy nhiên, ở xã hội nước ta, nếu không lầm thì lãnh vực này vẫn còn là mảnh đất đang chờ nhiều cuộc xẻng đào xới, khai phá.

Thử mở mục từ *sexology* trong Từ Điển Bách Khoa Anh (*Encyclopedia Britannica*) danh giá, thì thấy Giáo sư Aleksandra Djajic-Horváth định nghĩa như sau: Tính dục học là môn khoa học liên ngành tập trung vào các khía cạnh đa dạng, nhiều sắc thái của hành vi tính dục và năng lực tính dục ở con người, bao gồm phát triển giới tính, các mối quan hệ tính dục, rối loạn chức năng tính dục, các bệnh truyền nhiễm do quan hệ tính dục, các bệnh lý như lạm dụng trẻ (ấu dâm) hoặc nghiện sex. (*Sexology*,

interdisciplinary science that focuses on diverse aspects of human sexual behaviour and sexuality, including sexual development, relationships, intercourse, sexual dysfunction, sexually transmitted diseases, and pathologies such as child sexual abuse or sexual addiction.)

Xem thể đủ biết tính dục học bao gồm một phạm vi rộng lắm; sách về lãnh vực này cũng có thể khô khan nếu được trình bày với văn phong của tài liệu khoa học. May thay! CÂU CHUYỆN TÍNH DỤC ĐÔNG TÂY trên tay quý bạn không phải là một chuyên khảo về tính dục học; đây chỉ là một số mảnh vụn có chút hơi hướm, có ít nhiều liên quan tới tính dục, được trình bày nhẹ nhàng và cẩn trọng; cốt mong sao bạn đọc vừa có thể vui vui, vừa có thể suy nghiệm thêm một vài góc cạnh của đời sống hằng ngày vốn trực tiếp hay gián tiếp chịu ảnh hưởng của tính dục từ vật chất tới tinh thần, trong nhiều phạm vi khác nhau, mà lắm khi chúng ta không ngờ, không nghĩ tới các ảnh hưởng đó.

Tính dục được xem là nhạy cảm, nên nhiều người cố ý né tránh trong câu chuyện thường ngày để khỏi mang tiếng sống sượng, thô tục... Bởi vậy, viết về tính dục dẫu là tản mạn vẫn cần tới uyển ngữ (*euphemism* 婉語), mượn chanh nói khế, mượn đào

nói mạn... Khốn nỗi! Để minh chứng cụ thể cho một số chi tiết trong các câu chuyện mà cần dùng hình ảnh thì buộc phải cắt xén, che chắn một vài tranh ảnh cho chỗ nọ chỗ kia không quá trần trụi hay lộ liễu, ngõ hầu khỏi vi phạm thuần phong mỹ tục. Quả thật, chẳng đáng dùng mà phải xâm phạm như vậy, dẫu chúng là danh tác mỹ thuật thế giới, được các viện bảo tàng tên tuổi trân quý.

Trước đây đã in rải rác ở nhật báo *Người Lao Động* (NLĐ), tuần san *Sài Gòn Giải Phóng* (SGGP) *Thứ Bảy*, nguyệt san *Công Giáo và Dân Tộc* (CGvDT), hai mươi tám bài viết ngắn ngắn tập hợp trong sách này - sau khi sửa chữa và bổ khuyết - tạm sắp đặt theo thứ tự con chữ mở đầu mỗi nhan đề, để cho tiện mà thôi. Vậy, quý bạn muốn xem bài nào trước hay sau cũng được, không nhất thiết lần giở từ đầu đến cuối. Người viết mong ước có thể chia sẻ với quý bạn đọc chút xíu “mùi hương trần thế” (*scent of the world*), gọi là “*mua vui cũng được một vài trống canh*” như cụ Nguyễn Du (1765 - 1820) xưa kia thổ lộ.

TRẦN THẾ HƯƠNG

1.

CHÉN TÌNH XUÂN DƯỢC

Người Trung Quốc từ xa xưa đã dùng chữ *xuân* (mùa xuân) để làm một uyển ngữ (*euphemism*) mỗi khi nói đến tính dục. Họ gọi thú vui chăn gối là *xuân sự* 春事, dâm thư là *xuân sách* 春册, *xuân thư* 春書, và các loại thuốc kích dục là *xuân phương* 春方, *xuân dược* 春藥...

Xuân dược trong tiếng Anh là *aphrodisiacs*. Từ này mượn tên nữ thần Aphrodite. Trong thần thoại Hy Lạp, nàng là thần tình dục, sắc đẹp, đam mê xác thịt... Nhưng người cổ La Mã lại mệnh danh nàng là nữ thần Venus.

Ở nhiều nước Đông Tây, từ xưa đến nay con người vẫn tin tưởng rằng một số loại thức ăn, thức uống (huyết nhục của động vật, côn trùng, cây cỏ,

nhất là rượu) có khả năng đặc biệt là làm tăng ham muốn tính dục, trợ giúp người ta kéo dài thú vui chăn gối. Các danh tác như *Kama Sutra* (Kinh Yêu Đương, thế kỷ 4 trước Công Nguyên, của Ấn Độ; người Hoa dịch là *Dục Kinh* 欲經), *Tổ Nữ Kinh* 素女經 (thế kỷ 1 - 3, của Trung Quốc; Anh Mỹ dịch là *The Sutra of Native Woman*), *Vườn Thơm* (thế kỷ 16, của Ả Rập; người Hoa dịch là *Hương Viên* 香園; Anh Mỹ dịch là *The Perfumed Garden*), v.v... đều dành một số trang để hướng dẫn về xuân dục.



Nữ thần Aphrodite, tượng cẩm thạch, người La Mã tạc vào thế kỷ 2, dựa theo nguyên mẫu Hy Lạp vào thế kỷ 4 trước Công Nguyên



Venus de Milo hay Aphrodite of Melos là một tác phẩm điêu khắc bằng đá cẩm thạch Hy Lạp cổ đại. Niên đại chính xác chưa chắc chắn, vào khoảng thế kỷ thứ 2 trước Công nguyên, có lẽ trong khoảng từ 160 đến 110 trước Công nguyên.

Một số thức ăn được xem là xuân dược là do sự liên tưởng về hình dáng của nó hao hao giống cơ quan sinh dục nam hay nữ. Hình dáng con sò gợi ra hình ảnh âm vật khiến người ta nghĩ rằng phụ nữ ăn nhiều sò thì gia tăng khoái cảm. Chiếc sừng tê vểnh ngược lên gợi ra hình ảnh dương vật sung mãn. Tính chất đặc thù của một số động vật cũng khiến người ta tin rằng loài động vật đó chính là xuân dược. Chẳng hạn, cọp rất dũng mãnh nên dương vật của cọp được cho là xuân dược. Rùa đen nổi tiếng rất dâm nên trứng rùa đen cũng được xem là xuân dược.

Một số thực phẩm được xem là xuân dược

- **Bạch quả** 白果 (*ginkgo biloba*): cũng được gọi là cây ngân hạnh 銀杏, mọc dại ở nhiều nơi của tỉnh Chiết Giang. Hạt bạch quả được người Trung Quốc dùng nấu cháo trong những dịp đặc biệt như ngày tết hay lễ cưới. Y học ngày nay dùng bạch quả chế tạo thuốc hoạt huyết dưỡng não. Tính năng của nó là trị liệu suy tuần hoàn não, các di chứng của tai biến mạch máu não và chấn thương sọ não, bệnh lý mạch máu ngoại biên, bệnh lý võng mạc, rối loạn tuần hoàn mắt-tai-mũi-họng, phòng ngừa và làm chậm tiến trình lão hóa giảm trí nhớ (thường gọi là

bệnh *Alzheimer*). Tuy nhiên dân gian cho rằng cây bạch quả có thể giúp hưng phấn tính dục.

- **Dương vật cọp**: Được xem là xuân dược tại Trung Quốc đại lục, Đài Loan và Hàn Quốc.

- **Hải sâm** 海參 (tên khoa học là *Stichopus japonicus*): Con đĩa biển (*sea cucumber*), trên mình có gai. Loại thực phẩm này có dinh dưỡng cao, được tin là giúp tráng dương bổ thận.

- **Kava** (tên khoa học là *Piper methysticum*): Loại cây mọc ở quần đảo Polynesia ở Thái Bình Dương, rễ cây được dùng chế thành rượu. Kava trị hiệu quả bệnh ung thư buồng trứng và bệnh bạch huyết (*leukemia*). Ngoài ra, nó cũng được dùng như một loại xuân dược.

- **Khoai tây**: Thời xưa khoai tây được xem là xuân dược. Ở Anh, thời Shakespeare (thế kỷ 16, 17) nó được gọi là “quả táo tình yêu” (*apples of love*). Các nhà nghiên cứu thảo dược cho rằng khoai tây có thể trị nhiều bệnh, từ tiêu chảy đến lao phổi.

- **Maca**: Thực phẩm truyền thống và cũng là thảo dược của dân Peru. Nó được xem là thực phẩm cao dinh dưỡng và cũng là thảo dược giúp tráng kiện, sung mãn trong sinh hoạt tính dục.

- **Măng tây** (*asparagus*): Chứa ít calories, ít muối, không có cholesterol, chứa nhiều chất xơ.

- **Nấm đất** (*truffle*): Người Hy Lạp và La Mã xem nó là xuân dược vì mùi xạ hương của loại nấm hiếm này gây kích thích và họ nghĩ rằng ăn nấm đất thì làn da nhạy cảm hơn.

- **Nhân sâm** 人參 (*ginseng*): Có nhiều loại nhân sâm của Trung Quốc và Hàn Quốc, Triều Tiên. Thân rễ của nhân sâm dùng trị bệnh tiểu đường loại hai; ngoài ra nó còn giúp hưng phấn tinh dục và trị rối loạn cương dương của nam giới.

- **Rượu thuốc Mama Juana**: Một thức uống ở Cộng Hòa Đô-mi-ni-ca (*the Dominican Republic*) làm bằng vỏ cây và thảo dược ngâm trong rượu đỏ pha mật ong, tương truyền có thể gia tăng sinh lực và hưng phấn tinh dục.

- **Sâm Ấn Độ** (*ashwaganda*, còn gọi là *ajagandha*, *kanaje Hindi*, *samm al ferakh*) thuộc một họ với cây cà độc dược (*solanaceae*, *nightshade*). Mọi bộ phận của cây đều dùng làm thuốc. Trước khi phơi khô, rễ tươi thường được nấu với sữa để loại bỏ các thành tố không tốt trong rễ. Quả của nó có thể dùng để làm đông sữa trong việc chế tạo phô mai.

- **Sò** (*oysters*): Thường được xem là xuân dược cho phái nữ.

- **Sô-cô-la** (*chocolate*): Được xem là xuân dược vì chất *phenethylamine* trong sô-cô-la kích dục ở mức độ nhẹ. Có lẽ đây là lý do các tình nhân hay chọn sô-cô-la làm quà tặng nhau.

- **Sừng tê** (*rhinoceros horn*): Người Trung Quốc không dùng sừng tê làm xuân dược; tuy nhiên một vài bộ tộc ở miền Bắc Ấn Độ thì dùng sừng tê để gây hưng phấn và giúp đàn ông dẻo dai trong giao hợp.

- **Thích cần biển** (*Eryngium maritimum*): Cây này thuộc họ thích cần (*Eryngium*) mọc ở vùng duyên hải của châu Âu. Ở nước Anh thời xưa, nó từng được xem là xuân dược.

- **Tinh dịch cá** (*fish milt*): Tinh dịch cá và tinh dịch của các động vật nhuyễn thể (*mollusks*: thân mềm) cũng được xem là xuân dược.

- **Tráng dương** (*damiana*): Loại cây mọc ở Trung Mỹ và Nam Mỹ; lá của nó thường được người dân Trung và Nam Mỹ làm trà uống để kích dục hoặc đốt lá xông khói để thư giãn.

- **Trứng rùa**: Ăn sống với muối và chanh, tương truyền giúp tráng dương.

- **Yohimbe:** Cây này nguồn gốc ở châu Phi, được chế thành thuốc làm giãn nở đồng tử và trị bệnh rối loạn cương dương (*erectile dysfunction*). Nó cũng được dùng làm xuân dược, tuy nhiên nghiên cứu lâm sàng cho thấy nó không trị hiệu quả bệnh bất lực, còn tính năng gây hưng phấn chỉ là do đồn đại.

Mặc dù một số người nghi ngờ, cho rằng xuân dược chỉ là một biện pháp tâm lý, nhưng phần đông dân gian vẫn tin rằng ăn gì bổ nấy. Những người quá chú trọng vào thú vui thân xác vì thế dễ mê tín, ăn cả những thứ “không giống ai”.

Ngày nay, mặc dù phương Tây đã có các tân dược giúp “ông uống bà khen”, nhưng phần đông các bác sĩ, nhà tư vấn hôn nhân đều khuyên rằng tình dục chỉ là một phần của tình yêu, không nên đồng hóa tình yêu với tình dục.

Báo *NLD*, 26-02-2007

2.

DÉP GIÀY LÊN TIẾNG

Thuật ngữ *bái vật* 拜物 (*fetishism*, tiếng Anh; *fétichisme*, tiếng Pháp) được tính dục học vay mượn của tôn giáo học. Năm 1757 quan tòa kiêm học giả Charles de Brosses (1709 - 1777, sinh tại Dijon, nước Pháp) tạo ra từ *fétichisme* để gọi tên hình thức tín ngưỡng sơ khai (thờ cục đá, đeo móng cọp, hay nanh heo rừng, v.v...).

Trong *Tây Du Ký* (hồi thứ hai mươi ba), Ngô Thừa Ân kể chuyện bà góa họ Giả kén rể cho ba nàng con gái. Bà bảo hễ Trư Bát Giới mặc vừa áo lót cô nào thì được phép cưới cô ấy. Khoái chí, Trư đòi thử luôn cả ba áo... Bà mẹ vừa mới chìa ra một cái, Trư lột phăng áo mình, chộp lấy áo lót con gái người ta, mau mắn trông ngay vào người... Nói theo ngôn từ các nhà tính dục học (*sexologists*), hành vi

ấy chúng tỏ họ Tru đích thị là người có xu hướng tính dục bái vật (*fetishist*).

Là tác giả quyển *Psychodynamics of Unconventional Sexual Behaviour* (Động Lực Tâm Lý Của Hành Vi Tính Dục Không Bình Thường), Tiến sĩ Paul J. Gillette nói rằng người đàn ông bái vật chỉ cần nhìn ngắm, sờ mó, mân mê những áo quần, giày dép... của phụ nữ là quá đủ để hưng phấn, nhất là khi tiếp xúc những quần áo lót gợi cảm. Các chuyên gia tiếp thị cho một hãng quần áo lót nữ danh tiếng đã nêu lên khẩu hiệu “*Còn hơn cả thời trang*”. Phải chăng họ nói xa nói gần tới hiệu ứng mà món hàng tác động tới những ai bị xu hướng tính dục bái vật chi phối?

Thời nay, trên đường phố thường xuất hiện nhiều cô thích mặc áo hở rốn và quần trễ cạp. Khi họ ngồi xuống, sau lưng dễ dàng lộ ra một tí “hàng hiệu” lấp ló bên trong. Có thể những người đó chưa từng đọc qua tính dục học để nắm được khái niệm bái vật, nhưng không hiểu bằng cái giác quan phú bẩm nào, họ đã biết tới những hành vi khêu gợi tính dục công khai giữa thanh thiên bạch nhật, đúng như bài bản trong sách khảo cứu chuyên ngành của các giáo sư, tiến sĩ, bác sĩ danh tiếng phương Tây.

Một lần nữa lại thấy các nhà quảng cáo phương Tây thường là cao thủ trong việc ứng dụng thành quả nghiên cứu tính dục vào thương trường. Thật vậy, ở một tờ quảng cáo (*poster*) dầu thơm *Opium* của Yves Saint Laurent, nổi bật trên nền phông sẫm tối là một cô gái trần trụi mang chiếc giày quá xinh. Qua hình ảnh không lời, Yves Saint Laurent thực ra đã hùng hồn phát biểu rằng trên đời này có lắm người ghiền dép giày, trang phục phụ nữ chẳng khác chi kẻ nghiện á phiện (*opium*).



Quảng cáo dầu thơm *Opium* của Yves Saint Laurent



"Người Đàn Ông Hôn Chiếc Giày", tranh của Salvador Dalí

Trong lúc quảng cáo nói trên của Yves Saint Laurent quá bộc lộ và “nóng” thì trái lại, một tờ quảng cáo của hãng Miumiu (Mỹ) chỉ có giày và chân dài phụ nữ. Ngoài dụng ý khai thác thêm xu hướng sùng bái bàn chân (*foot fetishism*) vốn là phân nhánh của tính dục báỉ vật, nhà quảng cáo đã khéo bố trí hai cô người mẫu trong một tư thế gợi cảm của phụ nữ yêu đương đồng tính (*lesbos*). Như thế, mặc dù không khai thác hình ảnh phụ nữ khỏa thân, quảng cáo của hãng Miumiu vẫn được xếp

vào loại quảng cáo gợi dục (*erotic advertising*) – loại quảng cáo xưa nay luôn xuất hiện nhan nhản trên các tạp chí phương Tây, nhưng quả không tiện sao chép nó lại nơi đây.

Để minh họa cho xu hướng tính dục sùng bái giày dép, có thể nhắc tới họa sĩ Tây Ban Nha lừng danh Salvador Dalí (1904 - 1989). Năm 1969 ông vẽ bức tranh *Người Đàn Ông Hôn Chiếc Giày (Homme Baisant la Chaussure / Man Kissing Shoe)*, dĩ nhiên là giày phụ nữ. Tác phẩm này hiện đang trưng bày tại Centaur Art Galleries (thành phố Las Vegas, bang Nevada, Mỹ).

Báo *NLD*, 30-7-2006

3.

ĐỪNG BỎ EM MỘT MÌNH

Ly rượu ngon nào rồi cũng cạn. Cuộc vui nào rồi cũng tàn. Trong chiến tranh, phép lui binh quan trọng chả kém cách thức chuẩn bị tiến công. Trong thú vui chăn gối cũng vậy. Theo các nhà tính dục học, ai không biết nghệ thuật “tiền chiến” (*foreplay*) và bí quyết “hậu chiến” (*afterplay*), họ sẽ làm bạn tình thất vọng. Thế mà khi soạn Từ Điển Tính Dục Đầy Đủ (*The Complete Sex Dictionary*, in năm 1969) gồm 1.500 mục từ, Tiến sĩ Paul J. Gillette chỉ dành bốn dòng giảng về nghệ thuật “tiền chiến”, và trong hơn 300 trang sách ấy lại chẳng hề nói gì tới bí quyết hậu chiến. Chẳng bằng ở phương Đông, trước ông nhiều thế kỷ, từng có ít ra hai tác giả sành điệu đã viết không ít lời về ngón nghề hậu chiến.

Vườn Thơm

Trong thế kỷ 12 (hay 15?), Sheikh Nefzawi (ở vương quốc Tunis) viết Vườn Thơm Cho Khuây Khỏa Tâm Hồn (*The Perfumed Garden for the Soul's Recreation*), gọi tắt là Vườn Thơm (*The Perfumed Garden*), người Hoa dịch là *Hương Viên* 香園. Tác phẩm gồm hai mươi chương, chỉ dẫn các bí quyết quan hệ thân xác nam nữ, trình bày qua hình thức các câu chuyện hấp dẫn, xen kẽ các đoạn thơ. Trong thế giới Ả Rập, Vườn Thơm danh tiếng cũng như những chuyện kể Ngàn Lẻ Một Đêm mà các bản tiếng Anh gọi là *Những Đêm Ả Rập* (*The Arabian Nights*).

Kết thúc Chương 5 của Vườn Thơm, sau khi luận về nghệ thuật tác chiến ở phòng the, Sheikh Nefzawi không quên dành một đoạn ngắn bàn về bí quyết hậu chiến.

Sheikh khuyên chiến sĩ đừng đột ngột rời bỏ mặt trận. Đừng bắt chước một con la, hễ xong việc mình thì lập tức rút lui, chẳng đếm xỉa tâm trạng bạn tình. Hãy làm khách anh hùng tao nhã, thông thả và thận trọng thu xếp mặt trận. Rồi nán lại, nằm sát phía phải của nàng để được dịp chiêm ngưỡng trọn vẹn niềm hoan lạc không dứt của bạn tình.

Kinh Yêu Đương

Xưa hơn Vườn Thơm, ở Ấn Độ, vào thế kỷ 4 trước Công Nguyên có *Kama Sutra* (Kinh Yêu Đương); người Hoa dịch là *Dục Kinh* 欲經 chỉ dạy cặn kẽ những nguyên tắc lý thuyết và kỹ thuật thực hành để người Ấn biết tận hưởng lạc thú trần gian, biết xây dựng hôn nhân phù hợp giáo luật Hindu.

Trong phần hai của Kinh Yêu Đương, để kết thúc Chương 10, tác giả Vatsyayana viết về bí quyết hậu chiến với những chiêu thức cầu kỳ và thơ mộng hơn tác giả Vườn Thơm.

Theo Vatsyayana, tàn cuộc thư hùng, hai chiến hữu nên giữ vẻ e lệ, đừng nhìn nhau, mỗi người lẳng lặng bước vào phòng tắm. Sau đó, trở về chỗ cũ, họ ngồi bên nhau nhai trầu, rồi đấng anh hùng dùng lòng bàn tay xoa nhẹ lên thân thể bạn mình chút dầu trầm tinh khiết hay một thứ dầu thơm nào khác. Tay trái ôm lấy bạn, tay phải nâng cốc và dùng lời lẽ ngọt ngào mời bạn giải khát. Kế tiếp, cả hai nhắm nháp những thức ăn họ thích. Vatsyayana kể ra khoảng một chục món. Thay vì ở trong phòng riêng, cả hai có thể ngồi trên sân thượng ngắm trăng, thủ thỉ trò chuyện. Trong lúc bạn má đào gối đầu lên đùi mình nằm nghỉ, đấng anh hùng có thể

chỉ cho bạn thấy các chòm sao, kể tên vài vì tinh tú trên vòm trời bao la.

Kama Sutra sớm được dịch ra tiếng Pháp, và chẳng rõ nhà văn Pháp Alphonse Daudet (1840 - 1897) có đọc kỳ thư này không, có chịu ảnh hưởng của đoạn ngối trên cao với người đẹp và kẻ nài nghe tên các vì sao không, thế mà viết truyện ngắn Những Vì Sao (*Les Étoiles*) ông cho chàng chăn cừu xứ Provence trong một đêm ngối ngoài trời, dưới trăng sao lãng mạn trên miền núi Luberon (gần dãy núi Alpes thuộc nước Pháp), đã lần lượt kể tên và chuyện tích các vì sao, ru cô chủ nhỏ Stéphanette hồn nhiên xinh đẹp ngả đầu vào vai mục đồng mà chìm dần vào giấc ngủ êm đềm.

Trở lại với bí quyết hậu chiến, một bản tiếng Anh Kama Sutra điện tử (e-book) minh họa lời khuyên “đừng bỏ em một mình” của Vatsyayana bằng bức tranh sáng tác khoảng năm 1874, vẽ phận hồng nhan bơ vơ vì bị “con la” của Sheikh Nefzawi bỏ mặc.

Tranh này của họa sĩ khuyết danh gợi nhớ cảnh huống nàng Kiều. Sau khi vùi dập “đóa trà mi” và “đã tỏ đường đi lối về” thì “con ong” Mã Giám Sinh liền biến thành “con la”. Hắn bỏ đi đâu mất (Nguyễn Du không nói rõ), mặc kệ cho Kiều bẽ bàng, tủi nhục:



Bức "Flaming June" (Tháng 6 rực lửa - 1895, họa sĩ Lord Leighton)

*Một cơn mưa gió nặng nề,
Thương gì đến ngọc tiếc gì đến hương.
Đêm xuân một giấc mơ màng,
Đuốc hoa để đó mặc nàng nằm trơ.*

Viết đến như thế, Tố Như tiên sinh quả là thấu đạt nỗi niềm thầm kín của khách hồng nhan.

Báo NLD, 25-6-2006

4.

EM KHÔNG CẦN ANH NỮA

Tiếng lóng *lesbo(s)* dùng thay cho *lesbian(s)* để gọi loại phụ nữ dành cho một phụ nữ khác tình yêu thương trìu mến mãnh liệt, kể cả ham muốn xác thịt. Người Hoa gọi họ là *nữ đồng tính luyện giả* 女同性戀者.

Lesbos trong tiếng Hy Lạp nguyên là tên một hòn đảo ở phía Đông biển Aegean (thuộc Địa Trung Hải). Theo thần thoại Hy Lạp, trên đảo chỉ toàn các nữ chiến binh Amazons kiêu dũng, tuyệt nhiên không có bọn nam nhi. Đảo này còn có nhà thơ nữ Sappho (thế kỷ 4 trước Công Nguyên), mở trường dạy học, yêu các nữ sinh và bộc lộ tình cảm này trong thơ của nàng.

Tiếng Anh (thế kỷ 18) vì thế gọi tình yêu đồng giới nữ là “nỗi đam mê của nàng Sappho” (*Sapphic passion*). Theo sử gia Hy Lạp Plutarch, tức là Mestrius Plutarchus

(khoảng 46 - 127), không riêng đảo Lesbos mà ở thành phố Sparta của Lacedaemonia (Hy Lạp cổ đại) các mệnh phụ quý tộc cũng rất sủng ái các cô gái trẻ.

Yêu đương đồng tính nữ cũng phức tạp như yêu đương đồng tính nam: Hoặc họ chỉ yêu những người cùng giới tính (*homosexuality*), hoặc vừa yêu người khác giới tính (*heterosexuality*) vừa yêu thêm người cùng giới tính. Xu hướng yêu đương lưỡng tính để huê được tính dục học (*sexology*) gọi là *bisexuality*.

Xu hướng yêu đương lưỡng tính ấy có thể thấy trong phim Bản Năng Gốc (*Basic Instinct*, phần một, 1992) của đạo diễn Hà Lan Paul Verhoeven (sinh năm 1938), với nhân vật nữ Catherine Tramell, vai diễn đã tạo nên danh tiếng cho cô đào Mỹ Sharon Stone (sinh năm 1958). Trong phim, Tramell được đào tạo tâm lý học rất bài bản trước khi chuyển sang nghề văn, chuyên viết truyện hình sự. Về đời sống tình dục, Tramell chung chạ với cả phụ nữ lẫn đàn ông.

Chả rõ Josef Eszterhas (sinh năm 1944, Mỹ gốc Hung) khi viết kịch bản *Bản Năng Gốc* đã hư cấu nhà văn nữ Tramell dựa theo nguyên mẫu nào. Tuy nhiên, trong lịch sử văn học thế giới không hiếm các nhà văn nữ danh tiếng, tài sắc vẹn toàn lại là những người yêu đương lưỡng tính: vừa có đức lang quân danh giá vừa có một mỹ nhân bầu bạn, mà mỹ nhân này hoàn toàn

tương xứng với họ trên phương diện nghề nghiệp và danh vọng. Thật vậy, có thể nhắc tới mối tình mặn nồng giữa hai nữ sĩ người Anh là Virginia Woolf (1882 - 1941) và Vita Sackville-West (1892 - 1962).

Năm 1922, Virginia Woolf được nhà phê bình nghệ thuật Clive Bell giới thiệu với Vita Sackville-West. Cả hai đều làm thơ và viết tiểu thuyết nên mau chóng kết bạn và quan hệ luyến ái thắm thiết trong nhiều năm. Virginia xuất bản tiểu thuyết *Orlando*⁽¹⁾ (1928), kể lại một mối tình đồng giới nữ dựa theo nguyên mẫu cuộc đời của bạn tình là Vita. Chẳng những để tặng Vita tiểu thuyết này, bà còn minh họa cho sách bằng những tấm hình Vita đang mặc y phục giả làm nhân vật Orlando.



Virginia Woolf (1882 - 1941)



Vita Sackville-West (1892 - 1962)

-
1. Cuốn tiểu thuyết này đã được Nxb. Tổng hợp TP. HCM tiến hành dịch và ấn hành.

Lesbos và yêu đương lưỡng tính không chỉ là nhân vật trong phim mà bản thân nhiều cô đào điện ảnh cũng có xu hướng như thế, chẳng hạn minh tinh Thụy Điển Greta Garbo (1905 - 1990). Cô được bình chọn là nữ diễn viên hay nhất trong nửa đầu thế kỷ 20 (1950), nhập tịch Mỹ (1951) và nhận giải Oscar đặc biệt (1954). Năm 1925, cô gặp nữ diễn viên kiêm ca sĩ Đức nổi tiếng Marlene Dietrich (1901 - 1992) và hai nàng tài sắc vẹn toàn này đã nhanh chóng phải lòng nhau. Nhưng Dietrich đâu phải là người tình duy nhất của Garbo, bởi Garbo vẫn đồng thời có nhiều bạn tình đàn ông. Thật ra, Dietrich nào kém: Nàng có nhiều người tình nữ lẫn nam, trong số bạn nam có tổng thống Mỹ hào hoa John Fitzgerald Kennedy (1917 - 1963).



Greta Garbo (1905 - 1990)



Marlene Dietrich (1901 - 1992)

Thần thoại Hy Lạp chúng tỏ yêu đương đồng giới nữ đã xuất hiện trong lịch sử cổ đại. Cũng vậy, thần thoại Ai Cập kể rằng nữ thần Mesenet (cũng viết Meskhenet, Meskhent, Meshkent) là một mẹ bà (*goddess of childbirth*), kết bạn tình với nữ thần định mạng (*goddess of destiny*) tên là Shai (cũng viết Sai, Shay, Psais).



Le Sommeil (Giấc Ngủ), sơn dầu trên bố, 1866,
của Désiré Gustave Courbet (Pháp, 1819 - 1877)

Tình yêu đồng giới nữ đã được tổ tiên người Trung Hoa sớm miêu tả trong bộ tranh tính dục Xuân Cung Đồ 春宮圖 (*Chungongtu*), làm mẫu cho người Nhật sáng tác loại tranh Xuân Họa 春畫

(*Shunga*). Xuân (*Chun, Shun*) ở đây là uyển ngữ, có nghĩa như sex. Các tranh ấy màu sắc rất sống động nhưng ít người dám treo công khai trong nhà vì chúng gợi dục quá táo bạo. Tuy nhiên, các viện bảo tàng lại khác. Chẳng hạn, Musée du Petit Palais nằm trên đại lộ Winston-Churchill, Quận 8, Thủ đô Paris (Pháp). Nơi đây đang trưng bày bức tranh *Le Sommeil* (Giấc Ngủ), rất đẹp và hoành tráng (1,35mx2m) mô tả hai phụ nữ ôm nhau ngủ, do họa sĩ Pháp Jean Désiré Gustave Courbet (1819-1877) vẽ bằng sơn dầu trên bố (1866).

Hiểu lịch sử lâu đời và phổ biến của các *lesbos*, người ta có lẽ thông cảm vì sao ở phương Tây xuất hiện phong trào *feminism* đòi nữ quyền, đòi cho phép kết hôn đồng giới nữ, cho họ quyền nhận con nuôi hay thụ tinh nhân tạo để kiếm mụn con hủ hỉ...

Báo *NLD*, 27-8-2006

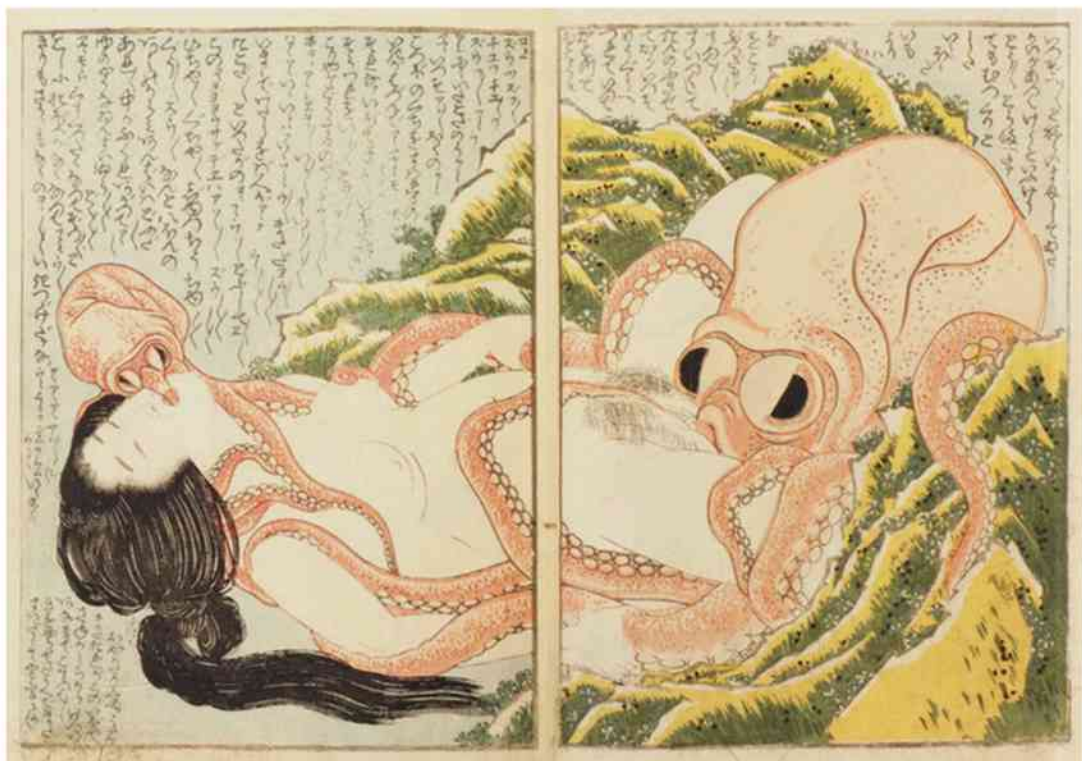
5.

GIẤC MƠ VỢ NGƯ PHỦ

Văn hóa tính dục khác nhau giữa các nước. Một số biểu hiện tính dục được chấp nhận ở nơi này thì bị lên án mạnh mẽ ở nơi khác. Đó cũng là lý do các nước khác thường rất dị ứng với nhiều cách thể hiện tính dục của dân tộc Phù Tang.

Thật vậy, từ mấy trăm năm trước, dân Phù Tang đã sớm bộc lộ sở thích tính dục dị thường trong quan hệ bạo lực với động vật có vòi (xúc tu, *tentacle*). Thời đại Edo (Giang Hộ 江戸), triều đại Tokugawa (Đức Xuyên Mạc phủ 徳川幕府, 1603 - 1867) sản sinh nhiều hình ảnh miêu tả tỉ mỉ và sinh động cảnh phụ nữ bị loài bạch tuộc (*octopus*) khổng lồ cưỡng bức. Tiêu biểu cho chủ đề bệnh hoạn này là một tranh khắc gỗ có tên Giấc Mơ Vợ Ngư Phủ của họa sĩ Katsushika Hokusai (Cát Sức Bắc Trai 葛飾北齋,

1760 - 1849), sinh tại thành phố Edo, nay là Thủ đô Tokyo (Đông Kinh Đô 東京都), sở trường về tranh mộc bản (khắc gỗ).



Bức tranh khắc gỗ Giấc Mơ Vợ Ngư Phủ

Bức tranh Giấc Mơ Vợ Ngư Phủ do Hokusai khắc gỗ năm 1820, miêu tả một phụ nữ trẻ đẹp

đang bị hai con bạch tuộc cùng lúc cưỡng bức. Cả hai quấn chặt lấy nạn nhân, con nhỏ thì hôn lên môi nàng, con lớn thì dùng miệng tấn công âm vật. Tranh này ra đời vào lúc Thần Đạo (*Shinto*, *Kami-no-michi* 神道) đang phục hưng sau một thời gian suy yếu, cũng là lúc mà tín ngưỡng vật linh (*animism*) chi phối tinh thần dân chúng và người ta có xu hướng mê tín, hay thích trộn lẫn những chuyện hoang đường được truyền tụng trong dân gian với hành vi tính dục. Chẳng hạn, họ tin rằng bạch tuộc cưỡng bức phụ nữ để gửi trứng vào cơ thể nạn nhân, trứng sống ký sinh để rồi sẽ nở thành bạch tuộc con.

Ảnh hưởng của tranh Hokusai

Có thể nói ảnh hưởng đó là sâu rộng và lâu dài. Năm 2001, họa sĩ Masami Teraoka (Mỹ gốc Nhật, sinh năm 1936) vẽ lại đề tài này, đặt tên tranh là Sarah Và Bạch Tuộc (*Sarah and Octopus*), hay Tầng Trời Thứ Bảy (*Seventh Heaven*). Ông cho in một bản trên giấy với hai mươi chín màu, kích thước 26,5cmx40cm, hơi lớn hơn nguyên bản của Hokusai một chút.



Bức tranh khắc gỗ Sarah Và Bạch Tuộc

Tranh Giấc Mơ Vợ Ngư Phủ cũng như tranh Sarah Và Bạch Tuộc phô bày hình ảnh quá nhạy cảm; vì vậy, ở đây chỉ nên trích phân nửa mỗi tranh mà thôi.

Họa sĩ hiện đại David Laity (sinh năm 1958, Úc) thổ lộ: “Tôi biết và yêu thích tranh Hokusai từ nhiều năm qua. Tôi luôn nghĩ tới việc vẽ một tranh lớn như thật thì ấn tượng sẽ rất mạnh mẽ. Bằng phong cách Pop Art [*Popular Art: nghệ thuật đại chúng*], tôi muốn tái tạo tranh này theo bút pháp của tôi. Tranh này đem mỹ thuật tính dục trần trụi của một truyền thống lịch sử xa xưa đi vào đời sống người Úc đương đại. Đây là nhịp cầu nối liền một truyền thống hội họa tính dục vượt qua các thế kỷ cũng như các nền văn hóa. Tranh này là một hình ảnh man đại tuyệt trần.”

Với chủ đích đó, David Laity đã vẽ lại tranh với kích thước 95cmx150cm trong lúc nguyên bản của Hokusai gần hai trăm năm trước chỉ nhỏ hơn khổ giấy A4 (21cmx30cm). Tức là David phóng lớn gấp năm lần.

Sex Nhật và tính dục xúc tu

Trở lại với Katsushika Hokusai, tranh của ông rõ ràng đã phản ánh một não trạng của thời đại ông.

Và đây là đề tài mà người Nhật vẫn luôn hâm mộ. Do đó khi nói đến sex Nhật, các nhà nghiên cứu thường có xu hướng đồng hóa nó với tính dục xúc tu, tính dục có vòi (*tenacle sex*). Những chiếc vòi quấn chặt thân hình phụ nữ cũng giải thích tính bạo lực của nhiều người Nhật với sở thích xiềng xích hay buộc trói bạn tình (*sexual bondage*) lúc hành lạc.

Đi xa hơn nữa, các nhà nghiên cứu tính dục học (*sexologists*) còn thấy rằng có mối liên hệ chặt chẽ giữa tính dục xúc tu với các thể loại phim ảnh, truyện tranh, phim hoạt hình, trò chơi điện tử của Nhật trong đó trộn lẫn sex với bạo lực.

Tóm lại, các thể loại văn học và nghệ thuật tính dục (*erotica*) của Nhật cũng có chung các chủ đề như phương Tây như quan hệ tính dục khác giới (*heterosexual*), đồng giới (*homosexual*), hành lạc tập thể (*group sex*), sử dụng nhục hình bằng cách xiềng hay trói bạn tình (*sexual bondage*), v.v... Con cháu Thái Dương Thần Nữ thể hiện đủ các phiên bản (*versions*) như tính dục bái vật (*fetishism*), sùng bái bàn chân (*foot fetishism*), v.v... Ngoài việc lồng tính dục vào bộ đồng phục nữ sinh (*burusera: khiêu dâm trẻ em*), hoạt hình (*anime*), truyện tranh (*manga, mạn họa 漫畫*) và trò chơi điện tử (*video games*), v.v... họ còn kết hợp tính dục với bạo lực, kinh dị.

Và tất cả những tính cách này đã có một lịch sử lâu đời, một truyền thống xa xưa trong văn hóa tính dục Nhật Bản, chậm lắm là vào thế kỷ 17, 18 trong thời đại Edo.

Báo *NLD*, 01-01-2006

6.

HƯƠNG GÂY MÙI NHỚ

Bông chi thơm lạ thơm lòng

Thơm cây, thơm lá, người trông cũng thơm.

Đây là phép dương Đông kích Tây của người xưa, vờ tấn công chỗ này (hư chiêu) nhưng thật ra là tấn công chỗ khác. Sách dạy binh pháp của người Hoa gọi nó là *thanh Đông kích Tây* 聲東擊西, được xem là một trong ba mươi sáu kế lưu truyền từ xa xưa. Các nhà Trung Quốc học (*Sinologists*) Anh, Mỹ dịch thành ngữ này là *threatening the East and striking to the West* (dọa dẫm bên Đông mà đánh đấm bên Tây).

Theo hai câu ca dao dẫn trên, nếu gặp một cô chưa quen mà nói rằng nàng thơm tho thì chẳng những vừa sỗ sàng, sống sượng, lại vừa có thể phản

tác dụng. Thế nên anh chàng nào đó khôn khéo mượn bông mượn hoa để nhập đề gián tiếp, rồi sau mới khen nàng một cách ý nhị ngõ hầu làm quen. Từ câu ca dao này có điều cần lưu ý: Ngày xưa người Việt chưa biết dùng dầu thơm; nông thôn thuở ấy cũng chưa có thị trường mỹ phẩm. Vậy, nếu nàng thơm, phải chăng chính là mùi thơm tự nhiên của da thịt?

Nhưng không hẳn luôn luôn là thơm, mà đúng ra nên gọi là hơi hướm, tức là cái mùi riêng bẩm sinh ở mỗi nàng. Cái mùi ấy có thể không vừa mũi lắm kẻ, nhưng đối với một đấng nam nhi nào đó, thì đấy lại là đặc trưng của nàng để anh không thể quên nàng. Ca dao vì thế còn bảo:

Chim quyên ăn trái nhãn lồng

Lia thia quen chậu, vợ chồng quen hơi.

Do đã gần gũi mà bén mùi quen hơi, chung sống lâu ngày trở thành ghiền mà chẳng hay. Chỉ khi nào lỡ xa nhau, đôi lứa hai phương trời cách biệt, thì bấy giờ kẻ ở mới bâng khuâng, nhưng nhớ hoài chút mùi riêng của người đi. Bản thân Nguyễn Du ắt hẳn từng trải nghiệm điều này, thế nên nhà thơ đa tình mới có thể khéo diễn tả trong *truyện Kiều* rằng:

Mành tương phơn phốt gió đàn

Hương gây mùi nhớ, trà khan giọng tình.

Thực vậy, hơi hướm của nàng dính lúu đến tính dục. Người xưa biết nó qua cuộc sống, trải nghiệm riêng tư, nhưng ngày nay khoa học đã xác định nó bằng những công trình nghiên cứu tỉ mỉ.

Mỗi tháng có vài ngày nàng thơm lạ lùng

Làm sao người chồng biết được trong mỗi tháng, vào giai đoạn nào thì vợ mình đang có khả năng dễ thụ thai nhất? Các bác sĩ thường tư vấn rằng đây là ba ngày quanh thời điểm rụng trứng (*ovulation*): hai ngày trước khi rụng trứng và một ngày sau khi rụng trứng. Nhưng việc xác định ngày rụng trứng lại không đơn giản vì rụng trứng là một quá trình phức tạp trong đó người vợ bị nhiều yếu tố tâm sinh lý chi phối. Ngay cả những phụ nữ có chu kỳ kinh nguyệt rất đều thì không phải chu kỳ nào cũng có rụng trứng mà thường chỉ có hiện tượng này trong khoảng 2/3 đến 3/4 chu kỳ.

Ngày nay, có một cách rất dễ cho các ông chồng. Các nhà khoa học bảo rằng người chồng hãy ngửi mùi của vợ đượm trên tấm áo nàng đang mặc. Thoạt nghe, điều này có vẻ hơi kỳ cục, tuy nhiên đây chính là kết quả một nghiên cứu khoa học nhằm xác định xem trong thời điểm phụ nữ rụng trứng, cơ thể các nàng tỏa mùi ra sao.

Các nàng phải ở đơ trong một thí nghiệm khác thường

Theo bản tin BBC (<http://news.bbc.co.uk/1/hi/sci/tech/...> ngày 03-4-2001), các nhà khoa học thuộc Viện Đại Học Texas (tại thủ phủ Austin của bang Texas, Mỹ) đã mời mười bảy phụ nữ tham gia nghiên cứu. Vào giai đoạn dễ thụ thai nhất (*most fertile*) trong chu kỳ hai mươi tám ngày của phụ nữ, mỗi nàng được yêu cầu mặc một áo thun (*T-shirt*) trong ba đêm liền mà không thay áo. Sau đó mỗi nàng mặc một chiếc áo khác trong giai đoạn ít có khả năng thụ thai nhất. Suốt thời gian thí nghiệm, các nàng phải cam kết tuyệt đối không xúc dầu thơm, không dùng xà bông thơm, các mỹ phẩm có mùi thơm. Chưa hết, các nàng còn không được uống thuốc ngừa thai và phải hy sinh thú vui chăn gối.

Vẫn chưa được giặt, tất cả các áo thun đã mặc ấy được đánh số thứ tự và trao cho năm mươi hai người đàn ông. Các ông phải hít từng chiếc áo còn nguyên mùi nồng nàn rồi đánh giá, xếp loại xem khi ngửi áo thấy thích thú thế nào, có mùi gợi dục ra sao, mức độ nhiều hay ít, v.v...

Kết quả nghiên cứu làm các nhà khoa học kinh ngạc, và họ đã công bố chi tiết công trình nghiên

cứu này trên một tập san nghiên cứu sinh học của Hoàng Gia Anh (*The Journal Proceedings of the Royal Society B*, viết tắt là *Proc. R. Soc. B*, địa chỉ website tại: <http://www.pubs.royalsoc.ac.uk>).

Theo kết quả ấy, có thể tóm tắt rằng vào thời kỳ phụ nữ dễ thụ thai nhất, ở người họ tỏa ra mùi đặc thù rất dễ chịu, thậm chí là gợi tình (*particularly pleasant, even sexier*) và mùi đó khiến chồng nàng thích thú hơn cả (*significantly preferable*). Cũng từ kết quả thí nghiệm này, người ta hiểu thêm vì sao trong những ngày trứng rụng, người vợ thường ham muốn được chăn gối với chồng.

Không chừng thí nghiệm này đã gợi ý cho nữ nghệ sĩ Judith Prays (sinh năm 1987) nảy ra sáng kiến tổ chức “bữa tiệc hẹn hò” mang tên *Pheromone Party* dành cho nam nữ độc thân bên Mỹ, và khởi đầu ở thị trấn Brooklyn (thuộc bang New York) vào năm 2010.

Pheromone là thuật ngữ kết hợp giữa *phero* và *hormone* (nội tiết tố). Phero (do gốc Hy Lạp là *pherein*) có nghĩa là mang theo. Người Hoa gọi hormone là kích tố 激素, và gọi pheromone là ngoại kích tố 外激素. Đây là một hóa chất do thú vật tiết ra, có tác dụng kích thích con đực và con cái tìm đến

nhau để duy trì nòi giống. Theo từ điển *Merriam-Webster* danh giá của Mỹ, thuật ngữ pheromone xuất hiện lần đầu tiên năm 1959. Sau này, tuy còn tranh luận, người ta tin rằng pheromone cũng có ở con người.

Trở lại với sáng kiến của Judith Prays. Theo một bản tin của hãng thông tấn CNN ngày 11-6-2012, sau khi đóng lệ phí 30 Mỹ kim, mỗi anh chị tham dự bữa tiệc pheromone đều mang theo cái áo thun họ đã mặc rồi mà chưa giặt. Áo ấy được ban tổ chức bỏ trong túi ny lông sạch, kèm theo mẫu giấy màu xanh lơ (áo của nam) hay màu hồng nhạt (áo của nữ). Chủ nhân mỗi áo chụp ảnh cùng với cái túi của mình. Sau khi một anh chọn được túi đựng áo của nữ (hay một chị chọn được túi đựng áo của nam) và hít lấy mùi, mà cảm thấy thích thú (hưng phấn), thì ban tổ chức sẽ giới thiệu cho gặp mặt chủ nhân chiếc áo để hai bên tiến tới việc tìm hiểu nhau và kết bạn.

Tiệc pheromone tổ chức lần đầu tiên ở Berlin (thủ đô nước Đức) ngày 19-4-2013. Kèm theo đây là ảnh một chàng trai dự tiệc hôm đó, đang hít mùi áo của một cô, đựng trong túi ny lông có kèm mẫu giấy màu hồng nhạt.



Ảnh mượn của: *The Pheromone Parties/Facebook*

Đời Đường bên Trung Quốc, Trương Tích 張籍 (khoảng 766 - 830) viết bài thơ *Tiết Phụ Ngâm* 節婦吟. Đây là lời tâm sự của người đàn bà đẹp, không dám phụ chồng mà cũng chẳng nỡ cự tuyệt nữ trang của người chậm bước đến sau. Rốt cuộc, nàng đành kín đáo ủ món quà trong áo lót lụa hồng để tẩm nhuận hơi hướm của nàng rồi sau đó mới len lén đem trả lại kẻ si tình. Ngô Tất Tố (1894 - 1954) dịch:

*Chàng hay em có chồng rồi
Yêu em chàng tặng một đôi ngọc lành
Vấn vương những mối cảm tình
Em đeo trong áo lót mình màu sen.*

(...)

Trả ngọc chàng, lệ như mưa

Giận không gặp gỡ khi chưa có chồng.

Tóm lại, mùi của nàng mang một thông điệp yêu đương. Hiểu được bí mật này, người ta hiểu thêm nguyên cớ sâu xa xui khiến Nguyễn Gia Thiều (1741 - ?), khi thương khóc người vợ lẽ quá cố là nàng Bằng, đã lưu lại cho đời hai câu thơ lãng mạn:

Đập cổ kính ra tìm lấy bóng

Xếp tàn y lại để dành hơi.

Báo NLD, 10-9-2006

7.

KHI NÀNG KHOE RỖN

Trong thập niên 1980, có dạo nổi lên một đàn ông một số nước mặc áo sơ mi bỏ ra ngoài quần và không thềm gài nút bụng. Vì đây chỉ là một nhất thời nên sau đó sở thích mặc áo lòi rốn trở thành đặc quyền không phải chỉ dành riêng trẻ con mà còn cho các cô gái.

Quả thế, những nhà thiết kế thời trang ngày nay thường cố ý làm cho lai áo các cô phải ngấn lên còn cạp quần phải trễ thấp xuống, cốt làm sao phơi bày được khoảnh da bụng nõn nà.

Thật ra, ở một số nước phương Tây, việc khoe rốn vẫn bị xem là cấm kỵ bởi lẽ người ta nhìn thấy chỗ lõm nơi rốn nổi lên giữa phần da bụng trơn láng, căng tròn mỡ màng của cô gái chính là một

hình ảnh gợi dục. Điều này hoàn toàn trái ngược với áo *sari* truyền thống của phụ nữ Ấn Độ và Pakistan, vì *sari* thường hào phóng chừa ra trọn phần bụng từ ngang eo cho tới sát phía dưới ngực. Chính vì tính cách khêu gợi của *sari* mà các họa sĩ Ấn Độ đã không thể bỏ sót nó mỗi khi vẽ tranh minh họa cho quyển *Kama Sutra* (Kinh Yêu Đương, người Hoa dịch là Dục Kinh 欲經) của Mallanaga Vatsyayana, hướng dẫn về thuật phòng the, viết từ thế kỷ 4 trước Công Nguyên.



Cô nàng khoe rốn.
Ảnh tài liệu



Cô gái mặc *sari* phơi rốn.
Ảnh tài liệu

Lần hồi, khi xã hội đã chấp nhận hình ảnh con gái mặc áo lòi rốn thì các cô bèn tiến xa thêm một bước, đó là đeo khoen cho rốn hay cần thêm vài cái hạt nho nhỏ, lấp lánh bao chung quanh lỗ rốn. Cách trang điểm cho rốn như thế mặc nhiên đã phản ánh thái độ khiêu khích của các cô. Các cô gái trẻ ngày nay chẳng thèm giấu giếm quyền năng khêu gợi tính dục của họ nữa. Dường như họ quan niệm rằng tuổi xuân chóng qua, sắc đẹp mau tàn, vậy dại gì mà không tranh thủ khoe của khi chị em đang còn cơ hội.

Về phương diện cơ thể học, cái rốn đơn giản chỉ là một vết sẹo nằm trên bụng. Nó hình thành sau khi đứa trẻ lọt lòng mẹ và được bà đỡ cắt lìa dây rốn. Rất nhiều người có rốn lõm (*innie*) nhưng không hiếm trường hợp rốn lồi (*outie*).

Dù lồi hay lõm, cũng không có hai cái rốn nào giống hệt nhau, ngay cả đối với trẻ sinh đôi. Tóm lại, cái sẹo ở bụng chả có chức năng gì đặc biệt. Nhưng rồi người ta lại thấy dường như không hẳn vậy.

Có một thời ở vài địa phương miền Nam người ta từng ngheu ngao rằng:

Tóc em dài anh cài bông bí

Rốn em lồi anh để ý anh thương.

Tuy bông phèng nhưng câu hát ấy dường như có liên hệ tới tính gợi dục của cái rốn.

Chính người Ấn Độ thời cổ đại đã sớm phát hiện ra cái rốn có tính năng hậu thuẫn cho đời sống phượng tác chiến được thêm hứng thú. Vì thế trong lúc bày vẽ các bí quyết chăn gối, tác giả quyển Kama Sutra khuyên đàn ông Ấn Độ hãy biết dùng lòng bàn tay vỗ nhẹ lên rốn của bạn tình vào hai ngày mùng 7 và mùng 9 âm lịch để tạo ra hiệu quả đáp ứng được lòng ham muốn của khách hồng nhan tri kỷ.

Ở phương Tây, các bậc thầy trong nghề quảng cáo thương mại chẳng hề lơ đãng chút nào trong việc nắm bắt xu hướng tính dục của con người. Cái rốn các cô sớm lọt vào tầm ngắm, và họ đã khai thác hình ảnh rất gợi cảm của nó để quảng cáo cho một sản phẩm chẳng liên quan tí gì tới cái rốn.

Thật vậy, năm 2004 trên khắp nước Đan Mạch xuất hiện những tấm bảng to tướng quảng cáo bia *Cult Shaker*. Trong tên gọi này, *Shaker* (người lắc) do động từ *shake* (lắc), thế nên trên quảng cáo hiện rõ ba chữ “*Shake it baby!*” (Lắc nó đi cưng!) màu trắng, tương phản với nước da nâu giòn của một cô gái. “Nó” ở đây là chai bia cô gái đang nắm chặt ở cổ

chai. Nàng bị giấu mặt vì nhà quảng cáo chỉ muốn nhấn mạnh ở phần ngực quá gợi dục và vòng quanh lỗ rốn được cấn khá nhiều hạt be bé.



Một quảng cáo bia *Cult Shaker* đã bị tháo dỡ tại Đan Mạch (đã che bớt chỗ nhạy cảm).
Ảnh tài liệu

Đan Mạch là một nước Bắc Âu thường được xem là xứ sở có quan niệm tính dục rất thoáng. Thế nhưng quảng cáo này đã gây nên xì-căng-đan. Dân chúng phản nản và kiến nghị ráo riết. Cuối cùng chính quyền phải ra lệnh tháo dỡ hết các quảng cáo bia *Cult Shaker*.

Báo *NLD*, 16-7-2006

8.

KHOE CỦA

Có những người bị thôi thúc vì nổi Cham muốn chủ động phô bày cho người xa lạ xem những góc cạnh nhạy cảm trên thân thể. Thuật ngữ chuyên môn gọi nó là *exhibitionism*; người Hoa gọi nó là *khỏa lộ phích* 裸露癖 (bệnh thích phô bày cơ thể lỏa lồ). Người mắc bệnh này được gọi là *exhibitionist*; người Hoa gọi họ là *khỏa lộ phích hoạn giả* 裸露癖患者.

Tâm lý bệnh học

Các phóng sự về webcam sex thường kết luận theo hai hướng: (a) Đây là cách tự tiếp thị của các cô chào bán thân xác trong thời @; và (b) nó còn là lối sống buông thả và sa đọa của một lớp trẻ miệt mài hưởng thụ dục lạc. Kết luận như thế

hoàn toàn chính xác, nhưng chưa đầy đủ, bởi vì còn bỏ sót một khía cạnh thuộc về tâm lý bệnh học (*psychopathology*) – một thuật ngữ dùng để nói tới khoa nghiên cứu về bệnh tâm thần (*mental illness*) và các hành vi biểu hiện của người mắc bệnh tâm thần hoặc bị suy giảm, bất toàn về tâm lý (*psychological impairment*).

Nhìn từ góc độ tâm lý bệnh học, việc dùng webcam sex là hành vi bộc lộ sự lệch lạc tính dục (*a sexual disorder*) của người mắc bệnh khoe của. Ở đây không gọi khoe hàng để phân biệt với những người lạm dụng webcam nhằm mục đích sau cùng là chào bán thân xác.

Khoe của là bệnh

Có những người bị thôi thúc vì nổi ham muốn chủ động phô bày cho người xa lạ xem những góc cạnh nhạy cảm trên thân thể. Khi chưa có webcam, người bệnh phải tìm cách khoe của ở nơi công cộng, trước mắt người qua đường (đặc biệt là trước mắt người khác phái). Khi có webcam, người mắc bệnh có thể thoải mái phô bày thân xác trong chính phòng riêng của họ nếu không muốn ra ngoài tiệm Internet.

Khác với những người khoe hàng qua webcam để chào bán thân xác, người mắc bệnh khoe của thực ra không có dụng ý tìm kiếm sự chung đụng xác thịt (*physical contact*) và cũng không có mục đích làm tiền. Họ chỉ cố ý bày ra đủ trò gợi dục và khi biết rằng có người lạ đang sững sốt theo dõi phần biểu diễn táo tợn của họ thì bản thân họ đã đủ hưng phấn (*sexually aroused*) lắm rồi.

Đa số người mắc bệnh khoe của là nam giới, tuy nhiên không loại trừ phái nữ. Đối với người bệnh phái nữ, họ còn có thể thỏa mãn chứng bệnh này bằng cách hành nghề múa sexy trong các hộp đêm (*nightclubs*). Nói như thế không có nghĩa tất cả vũ nữ thoát y đều mắc bệnh *exhibitionism*.



Người đàn ông khỏa thân, mặc áo khoác để ngụy trang, khi có cơ hội khoe của thì mở phanh áo trước mắt một phụ nữ.
Ảnh tài liệu

Triệu chứng và trị liệu

Hội Tâm Lý Trị Liệu Hoa Kỳ (*American Psychiatric Association*) từ năm 1994 tới năm 2000 đã bốn lần hiệu đính và phát hành quyển Cẩm Nang Chẩn Đoán Và Số Liệu Thống Kê Về Các Rối Loạn Tâm Thần (*Diagnostic and Statistical Manual of Mental Disorders*). Theo cẩm nang này, trong khoảng sáu tháng, nếu một người vì bị thôi thúc mãnh liệt mà hay tái diễn hành vi khoe của trước người lạ, thì đây chính là triệu chứng mắc bệnh (*symptom of exhibitionism*).

Theo các nhà tâm lý trị liệu (*psychiatrists*), nếu không được chữa trị sớm và đúng cách, bệnh khoe của có thể kéo dài cả đời, tuy nhiên mức độ nghiêm trọng thường giảm bớt khi người bệnh bước vào tuổi tứ tuần. Nếu bị cảnh sát bắt tại trận, người bệnh khoe của sẽ bị luật pháp nhiều nước khép vào tội công xúc tu sỉ (công khai làm cho kẻ khác thẹn thùng, vi phạm thuần phong mỹ tục) và tòa án sẽ cưỡng bách họ phải trị bệnh.

Bệnh khoe của không những phá hoại sự nghiệp người mắc bệnh, làm hại thanh danh đương sự mà còn ảnh hưởng xấu tới thân nhân, gia đình họ. Tệ hơn, khi người bệnh lạm dụng webcam và các hình

ảnh đời bại ấy bị phát tán trên Internet thì vừa phá hoại thuần phong mỹ tục trên phạm vi rộng, vừa làm nghiêm trọng thêm những mất mát mà chính họ và thân nhân phải gánh chịu.

Vì vậy, ngay khi phát hiện triệu chứng mắc bệnh, người bệnh hay thân nhân họ phải sớm tham vấn các nhà chuyên môn có uy tín để được chữa trị đúng cách, kịp thời, và được bảo mật thông tin về đời tư.

Báo *NLD*, 01-10-2006

9.

KINH YÊU ĐƯƠNG

Tri thức khôn ngoan của người Ấn Độ từ xưa sớm xác định đời người phải phấn đấu để đạt được *trivarga*, tức là hoàn thành một mục đích bao gồm ba phương diện pháp - tài - ái. Pháp 法 (*dharma*) là những giá trị đạo đức, tâm linh làm nền tảng cho gia đình, xã hội. Tài 財 (*artha*) là của cải, sản nghiệp giúp con người sống sung túc. Ái 愛 (*kama*) gồm những lạc thú yêu đương phải biết hưởng cho đúng điệu trong cuộc sống. Dạy về yêu đương, Mallanaga Vatsyayana viết *Kamasutra*, hay *Kama Sutra*, người Hoa dịch là Dục Kinh 欲經 (dục là ham muốn). Nhưng *kama* có cả hai nghĩa ham muốn (*desire*) và yêu đương (*love*), nên có thể dịch là Ái Kinh 愛經, hay Kinh Yêu Đương. Vì thế, một bản tiếng Anh in năm 1926 của Haldeman-Julius

Company, do Leo Markun chủ biên (*editor*) đã dịch Kama Sutra là *A Hindu Book of Love* (Một kinh yêu đương của người theo Ấn Giáo).



Một bản Kama Sutra do Pierre-Eugène Lamiaresse (1817 - 1898) dịch ra tiếng Pháp, xuất bản tại Paris năm 1891, dày 332 trang, lưu trữ tại Thư Viện Quốc Gia Pháp

Kinh Yêu Đương xác định rằng một người phải sống sao cho để huê cả ba mặt *dharma*, *artha*, và *kama* thì kiếp này mới có ý nghĩa, sướng vui để sang kiếp sau cũng sẽ tốt đẹp như thế.

Nắm được then chốt này thì hiểu Kinh Yêu Đương không nhằm khuyến khích con người chạy theo đòi hỏi xác thịt và đắm chìm trong dục lạc mà bỏ mất giá trị tinh thần, tâm linh (*dharma*), quên đi nhiệm vụ phải tạo ra phương tiện vật chất sung túc

cho gia đình (*artha*). Nói cách khác, vì yêu đương (*kama*) là chuyện đáng làm thì hãy biết làm cho khéo, đó là phương châm của tác giả Vatsyayana.

Biết làm cho khéo tức là nắm vững các nguyên tắc lý thuyết và kỹ thuật thực hành đồng thời đừng lạm dụng mà cũng đừng đè nén, ức chế. Điều này phải chăng cho thấy nhân sinh quan của người Ấn Độ là tâm vật để huê, không vì tâm bỏ vật, chẳng vì vật quên tâm?

Các học giả cho rằng, tác giả Kinh Yêu Đương (dường như là một thầy tu Bà La Môn) chỉ đúc kết và cô đọng những kinh nghiệm lâu đời trong truyền thống Ấn Độ; nói như Đúc Khổng Tử (*Thuật nhi bất tác, tín nhi hiếu cổ. 述而不作, 信而好古.*) thì Vatsyayana chỉ tin tưởng mà thuật lại kinh nghiệm của cổ nhân chứ bản thân không sáng tác Kinh Yêu Đương.

Niên đại ra đời Kinh Yêu Đương không thể biết chính xác. Chỗ chép là thế kỷ 4 trước Công Nguyên, chỗ bảo thế kỷ 2 trước Công Nguyên, chỗ đoán chừng trong khoảng sáu thế kỷ đầu Công Nguyên. Nói cách khác, không thể xác định năm sinh, năm mất của tác giả Vatsyayana.

Kinh Yêu Đương có lẽ mượn tên thần tình ái Kama (*Kamadeva*), mang hình ảnh một người nam,

cưỡi chim vẹt (kéc), tay mang cung tên. Kẻ nào bị mũi tên này bắn trúng, tất phải đem lòng yêu thương đắm đuối ai đó (cũng giống như bị trúng mũi tên bằng vàng của nam thần Cupid trong thần thoại La Mã).



Thần tình ái Kama

Đối với người Ấn cổ xưa, Kinh Yêu Đương có nguồn gốc thiêng liêng. Thoạt đầu, kinh do thần sáng tạo Prjapati thuyết. Sau đó, thần Shiva tối cao soạn thành mười ngàn chương, rồi giáo sư triết học Shvetaketu rút gọn còn năm trăm chương. Cuối cùng Vatsyayana cô đọng còn ba mươi sáu chương như các bản hiện lưu hành.

Từ Ấn Độ rồi lan rộng ra các nước, dịch và in bằng nhiều ngôn ngữ, Kinh Yêu Đương không bị xếp vào loại dâm thư (*porno*). Kinh được viết bằng tiếng Sanskrit theo thể văn xuôi nhưng các nghệ nhân

và họa sĩ dân gian Ấn Độ trong nhiều thế kỷ đã tạc tượng, vẽ tranh để minh họa sáu mươi bốn chiêu thức gối chăn bài bản mà Vatsyayana đã miêu tả tỉ mỉ.



Đền thờ Kamasutra ở thị trấn Khajuraho. Ảnh tài liệu

Nhiều đền thờ Ấn Giáo được trang trí rất hoành tráng ở bên ngoài bằng hàng loạt tượng sống động. Tại thị trấn nhỏ Khajuraho (thuộc quận Chhatarpur District trong bang Madhya Pradesh), người Ấn khi xưa đã dựng lên một đền thờ mang tên *Kamasutra* (Kinh Yêu Đương), và đền này trở thành điểm du lịch hấp dẫn du khách quốc tế vì những cụm tượng sống động diễn tả sinh hoạt tình dục giữa người và người, người và thú. Vì ảnh chụp những cụm tượng ấy quá nhạy cảm, không tiện in lại đây.

Tuần san *SGGP Thứ Bảy*, 14-01-2006

10.

LIÊU TRAI CHÍ DỊ TỪ GÓC NHÌN TÍNH DỤC HỌC

Bồ Tùng Linh 蒲松齡 (1640 - 1715) người huyện Truy Xuyên (tỉnh Sơn Đông), tự là Lưu Tiên 留仙 và Kiếm Thần 劍臣, hiệu Liễu Tuyền Cư Sĩ 柳泉居士. Sinh trong một gia đình nhà Nho sa sút, Bồ học thức uyên bác nhưng khoa cử lận đận, dạy học nuôi thân trong cảnh nghèo, đến bảy mươi hai tuổi mới đậu Cống Sinh (1711), bốn năm sau tạ thế. Tương truyền khoảng ba mươi một tuổi, ông viết bộ *Liêu Trai Chí Dị* 聊齋志異, hơn ba mươi năm mới xong. Nhan đề mang ý nghĩa là những chuyện rất lạ kỳ (*chí dị*) chép ở gian nhà cất tạm để kẻ học trò đọc sách (*liêu trai*, người Việt có khi đọc chệch đi là *liểu trai*). Bộ tiểu thuyết nổi tiếng này có vài bản dịch tiếng Việt, có lẽ gây ảnh hưởng ít nhiều

tới giới sáng tác ở Việt Nam. Chẳng hạn, Vũ Hoàng Chương (1916 - 1976) viết:

*Gặp gỡ chùng như truyện Liễu Trai
Ra đi chẳng hứa một ngày mai
Em ơi, lửa tắt bình khô rượu
Đời vắng em rồi say với ai?*



Bồ Tùng Linh hư cấu nhiều cuộc tình giữa người và loài khác giống, trong đó có chồn cáo (*hồ ly* 狐狸)

Những cuộc tình kỳ dị

Phổ biến trong bộ Liễu Trai là những cuộc ái ân, giao hợp dị kỳ giữa người nam và nữ nguyên là thú vật (thường là chồn cáo, sói lang...), kể cả côn trùng. Chẳng hạn, truyện *Anh Ninh* kể tích chàng

Vương Tử Phục (người huyện Cử) cưới vợ là Anh Ninh; cô dâu do cáo sinh ra và được hồn ma nuôi dưỡng. Truyện *Cô Gái Áo Xanh* kể tích chàng Vu Cảnh (người Ích Đô) ở nhờ chùa để học. Một đêm chàng đang đọc sách, có nàng áo xanh, rất xinh xắn tìm đến, bèn ngủ chung. Khi cởi áo lót thấy eo lưng nàng nhỏ xíu; sau này mới biết mỹ nhân vốn là con ong hóa ra.

Liêu Trai không phải là tiểu thuyết duy nhất của Trung Quốc nói đến giao hợp giữa người và thú. Truyện *Thanh Xà Bạch Xà* kể chuyện chàng học trò tên Hứa Tiên cùng yêu đương mặn nồng với hai con rắn (một xanh, một trắng). Thần thoại Grimm (Đức, thế kỷ 18) kể chuyện người đẹp phải chung chạ với quái thú. Thần thoại Đông Nam Á có nhiều mô-típ về người nam lấy vợ cóc. Nguyễn Đồng Chi (1915 - 1984) với công trình *Kho Tàng Truyện Cổ Tích Việt Nam* (năm tập, 1959) cung cấp nhiều mẫu chuyện tương tự. Qua khảo dị, ở nước ta, người Nghệ An có chuyện *Vợ Cóc*; dân tộc Tày có chuyện nàng Kim Quế (là khi) làm vợ Chúa Ba; người Mèo cũng có chuyện *Nàng Tiên Khi*. Văn học dân gian Việt Nam có truyện thơ *Lâm Tuyên Kỳ Ngộ* kể tích chàng học trò Tôn Các cưới vợ là vượn trắng (Bạch Viên).

Sự giao hợp giữa người và vượn còn là huyền sử nổi tiếng của dân tộc Trung Hoa. Thật vậy, vì Hung Nô ở phương Bắc hay vượt sang biên thù quấy nhiễu, Hán Vũ Đế (156 - 87 trước Công Nguyên) cử Tô Vũ 蘇武 (tự là Tử Khanh 子卿, người đất Đổ Lăng) đi sứ cầu hòa. Vua Hung Nô đày Tô lên phương Bắc giá lạnh hoang vu chặn dê đực, giao hẹn chừng nào dê đực đẻ con mới thả về Hán. Ở nơi cô quạnh không người, Tô kết bạn với một con vượn cái trong mười chín năm, sinh được một con (xem thêm bài *Thú Gian*).

Không phải hoàn toàn hư cấu

Ngày nay, các nhà tính dục học (*sexologists*) hiểu rằng các thần thoại hay truyện tích tương tự như lược kể trên kia hoàn toàn không phải hư cấu. Nó là chuyện thật (*non-fiction*) éo le của hành vi thỏa mãn tính dục, nhưng để tránh né công luận, cổ nhân phải chép thành cổ tích, hay Liêu Trai. Một vài hồi ký tù nhân hay tiểu thuyết nổi tiếng cũng có nói phớt qua cảnh kẻ ở tù lâu năm khi được giao chăn gia súc, cũng đã vướng vào việc oái oăm này.

Thuật ngữ tính dục học gọi hành vi này là *bestiality* (người ta có khi viết sai là *beastiality* vì lẽ lẫn lộn với *beast* là thú vật). Tính dục học cho rằng

hành vi này là biến thái cực đoan của lòng quá yêu thích loài vật (*zoophilia*, hay *zoophilism*).

Hành vi tính dục giữa người với thú rõ ràng có một lịch sử rất lâu đời. Thần thoại Hy Lạp có tích hoàng hậu Leda, vợ vua Tyndareus (nước Sparta), từng quan hệ tính dục với thiên nga (do thần Zeus hóa thân). Kinh Thánh Cựu Ước còn là một bằng chứng cho thấy hành vi tính dục giữa người với thú được người Do Thái ghi chép rất sớm trong sách Lê-vi, ở hai chương 18, và 20 (xem thêm bài *Thú Gian*).

Trở lại với bộ *Liêu Trai Chí Dị*, các cuộc mây mưa cùng thú vật, côn trùng đều diễn ra khi mấy gã thư sinh đang học thi ở nơi thanh vắng, hoang vu. Họ vốn là những con mọt sách, thân thể ẻo lả, độc thân, ý chí (hay nghị lực) yếu đuối. Chính vì thế, khi bị thôi thúc tính dục (*sex drive*), họ đã tìm cách tự xử với loài khác giống một cách bệnh hoạn, và Bồ Tùng Linh đã khéo tưởng tượng, thêm thắt cho ly kỳ, hấp dẫn.

Ngày nay, các nhà giáo dục giới tính (*sex educators*) luôn luôn khuyên thanh thiếu niên đang tuổi phát dục phải tập sống lành mạnh như chơi thể dục, thể thao, tham gia sinh hoạt xã hội... Bằng cách này, tuổi trẻ có thể tắt bớt ngòi nổ, xả

bớt năng lượng vào một hoạt động khác nhằm đánh lạc hướng ham muốn tình dục, nhờ đó giới trẻ khỏi vướng vào những nẻo tối tăm của hành vi tính dục không bình thường.

Báo *NLD*, 06-8-2006

11.

MỘT THẮT LƯNG ONG

Nguyên Sa Trần Bích Lan (1932 - 1998) có bài thơ *Năm Ngón Tay* như sau:

Trên bàn tay năm ngón

Cả ngón dài, ngón ngắn

Có ngón chỉ đường đi

Có ngón tay đeo nhẫn

Ngón tay tô môi

Ngón tay đánh phấn

Ngón tay chải đầu

Ngón tay đếm tiền

Ngón tay lái xe

Ngón tay thử coóc-xê

Ngón tay cài khuy áo

Em còn ngón tay nào

Để giữ lấy tay anh?

Chiếc *coóc-xê* nhà thơ nói trên đây chính là mảnh áo ngực *soutien-gorge* (tiếng Pháp) hay *brassière, bra* (tiếng Anh). Nó không phải là cái *corset* được đạo diễn Gregor Verbinski đưa vào phần mở đầu phim Những Tên Cướp Biển Caribbean: Lời Nguyền Ngọc Trai Đen (*Pirates of the Caribbean: The Curse of the Black Pearl*). Trong phim, tiểu thư Elizabeth (con quan tổng trấn Swann) đang đứng trên bờ tường pháo đài phòng thủ cảng Royal (đảo Jamaica, biển Caribbean) đã ngắt xiủ rơi tòm xuống biển



ngay khi viên sĩ quan hải quân Norrington mới ngỏ lời cầu hôn. Nàng xiủ bởi vì các nữ tỳ đã mặc cho tiểu thư cái *corset* và siết vòng eo quá chặt, khiến nàng nghẹt thở.

Một kiểu *corset* nhìn từ sau lưng.

Ảnh tài liệu

Corset là loại áo lót bó sát người, sau lưng cột bằng sợi dây dài luôn qua hai hàng lỗ dày khít, chẳng khác gì dây cột giày boots của lính. Một minh họa của Ingersoll (1899) cho thấy người mặc corset cần có một bà khỏe



Giúp mặc corset,
minh họa của Ingersoll (1899)

mạnh đứng sau lưng ghệt chặt hai đầu dây, siết mạnh để bóp thắt vòng eo lại, nhờ thế phần hông và ngực dường như “nở” ra, trông to thêm, đẹp và gợi cảm hơn.

Cô đào lừng danh Marilyn Monroe (1926 - 1962, Mỹ) được xem là một biểu tượng tính dục (*sex symbol*) trong thế kỷ 20 một phần do thân hình gợi dục (*sex appeal*). Tuy nhiên, có nhà nhiếp ảnh chứng minh rằng cô đào sắc nước hương trời này đã mặc *corset* để tạo hiệu ứng đặc biệt ở ba vòng trên thân thể. Thật vậy, so sánh tấm ảnh nàng chỉ mặc hai mảnh (*bikini*) với lúc mặc *corset* thì rõ ràng số đo của vòng eo chênh nhau rất nhiều.



Vòng eo của Marilyn Monroe
khi mặc corset (trái), và khi mặc bikini (phải). Ảnh tài liệu

Người ta ước chừng corset xuất hiện rất sớm, và đã thành một trong khoảng 1820 - 1910 vì bấy giờ corset là món “phụ tùng” không thể thiếu của hàng nữ lưu thanh lịch. Bởi muốn eo càng nhỏ để càng hấp dẫn mà phụ nữ càng bị “bó rọ” rất khó chịu. Sau Thế Chiến Thứ Nhất (1914 - 1918) phụ nữ không chuộng corset nữa, ngoại trừ những nàng muốn lợi dụng nó để quyến rũ đàn ông. Các nhà làm phim cũng khai thác khía cạnh này để câu khách và corset



Nicole Kidman mặc corset đen
Trong phim Cối Xay Đỏ
(*Moulin Rouge*, 2001).
Ảnh tài liệu

trở thành một biểu tượng tính dục (*sex symbol*). Cho nên không chỉ Marilyn Monroe mà nhiều cô đào lừng danh khác cũng mặc *corset* đóng phim, Sophia Loren (sinh năm 1934, Ý) chẳng hạn.

Phong trào giải phóng phụ nữ vào thập niên 1970 đã giúp phái đẹp phương Tây tháo bỏ giày cao gót, nịt ngực... để buông

thả cho cơ thể thoải mái. Ai cũng ngỡ *corset* sẽ cáo chung. Nào ngờ *corset* lại tái xuất giang hồ trong phim Mỹ ở thập niên 1990. Đầu thế kỷ 21, đạo diễn Baz Luhrmann (người Úc) làm phim Cối Xay Đỏ (*Moulin Rouge*, 2001) đã cho cô đào Nicole Kidman (sinh năm 1967, Úc) mặc *corset* đen trong vai nàng Satine, ca sĩ chính của quán rượu Cối Xay Đỏ.

Ngày nay các cô mặc *corset* làm bằng chất liệu mềm mại và dễ chịu hơn *corset* thời nữ hoàng Victoria (Anh, thế kỷ 19). Cái eo Monroe, Loren, Kidman... lúc mặc *corset* khiến người ta nghĩ tới thân hình con ong, và nhớ ca dao Việt Nam:

Những người thắt đáy lưng ong,

Đã giỏi chiêu chồng lại khéo nuôi con.

Ba chữ “giỏi chiêu chồng” dĩ nhiên hàm ngụ nhiều phương diện, nhưng khía cạnh chẵn gối có lẽ là điều cổ nhân muốn nhấn nhủ. Các nhà tính dục học (*sexologists*) nhận thấy ham muốn tính dục có liên quan với việc hành xác phụ nữ. Chiếc *corset* ở Âu Mỹ, tục bó chân phụ nữ của Trung Hoa và hành vi xiềng xích, trói buộc bần tình ở Nhật (*sexual bondage*), v.v... phải chăng đều có bà con với nhau?

Báo *NLD*, 03-9-2006

12.

MƯỢN MÂY VẼ TRĂNG

Gười vẽ tranh thủy mặc Trung Quốc từng truyền tụng giai thoại về một bậc thầy trong nghề. Ông vẽ cảnh đêm trăng nhưng nhìn mãi không thấy trăng ở đâu. Họa sư bèn chỉ vào đám mây trên nền trời, giải thích: “Đêm tối mà nhìn thấy mây nhờ có trăng sáng; vậy, thấy mây là có trăng.” Từ giai thoại này, người ta gọi thủ pháp miêu tả gián tiếp là “mượn mây vẽ trăng”. Thủ pháp này thông dụng trong mọi thể loại văn học, nghệ thuật. Sally Gall là một ví dụ.

Sally Gall (người Mỹ, sinh năm 1956) nổi tiếng nhờ ảnh nghệ thuật đen trắng. Ảnh của bà luôn bàng bạc không khí hư ảo, siêu thoát. Bà giành được nhiều giải thưởng lớn, trong đó có cả giải National Endowment for the Arts Visual Artist’s Fellowship

(tôn vinh tài năng quốc gia của các nghệ sĩ sáng tạo tranh ảnh). Ảnh bà chụp được các viện bảo tàng danh tiếng sưu tập như: The San Francisco Museum of Modern Art (Bảo Tàng Nghệ Thuật Hiện Đại tại Thành Phố San Francisco), The Museum of Fine Arts in Houston (Bảo Tàng Mỹ Thuật tại Thành Phố Houston) và Viện Bảo Tàng Quốc Gia Pháp tại Paris.



Residue of Dream (1997), của Sally Gall

Tác phẩm *Residue of Dream* (Tàn Tích Sau Mơ) của Sally Gall sáng tác năm 1997 đẹp như tranh tĩnh vật, cho thấy cảnh mùng mền, gối, drap xô lệch, nhàu nát. Đó là phần sót lại sau khi tàn một giấc mộng xuân. Bằng ngôn ngữ hình ảnh, Gall đã lặng lẽ nói đến giường chiếu, gối chăn – những thứ cảm dỗ dễ

gợi cho người xem lớn vồn trong đầu nhiều ý tưởng gần xa. Nó giàu tính hàm ngụ, nên bà vô ngôn mà tác phẩm đa ngôn.

Các tổ sư trong nghệ thuật quảng cáo rất sành sỏi thủ pháp mượn mây vẽ trăng. Trong thiên nhiên và cuộc sống đời thường nhan nhản những món vật, những hoa quả mà màu sắc và hình dáng rất giống các bộ phận tính dục trên thân xác. Đó là lý do ảnh quảng cáo sinh đặt quả dâu tây hồ hững bên miệng người đẹp. Trong trường hợp này, họ không cần mượn trợn gương mặt người mẫu mà chỉ cốt nhấn mạnh ở hàng răng trắng bóng để tôn lên màu đỏ chót của quả dâu cũng như màu son thắm trên làn môi đầy nhục cảm.



Quảng cáo sinh đặt quả dâu tây hồ hững bên miệng người đẹp

Phơi bày giữa công chúng hình ảnh một phụ nữ thực hiện hành vi tính dục bằng miệng (*oral sex*) chắc chắn sẽ gây nên hậu quả khó lường. Thế nhưng, thương hiệu cà-rem Magnum vẫn an toàn khi quảng cáo sản phẩm bằng nét mặt đam mê của cô gái đang mút cà-rem.



Quảng cáo cà-rem Magnum

Cũng mượn mây vẽ trăng, năm 1972, hãng mỹ phẩm Love quảng cáo sản phẩm mà chả thèm khai thác các bộ phận gợi cảm của cơ thể nam nữ. Những tuýp hàng được dựng đứng kề nhau, với nắp chụp tròn, nhìn chẳng khác chi những *lingam* (hay *linga*, sinh thực khí nam) trong Ấn Độ Giáo được thu nhỏ. Chưa hết, với thương hiệu có tên là *Fresh Lemon* (chanh tươi), họ cắt đôi một trái chanh để làm hậu

cảnh. Bằng nghệ thuật sắp đặt, nhiếp ảnh gia chọn một góc nhìn sao cho cái núm trên vỏ chanh không đơn giản chỉ là cái núm vô tri của thực vật.

Các nhà luân lý cố gắng ngăn cấm phô bày hình ảnh khiếm nhã nơi công cộng nhưng nhà quảng cáo vẫn thừa sức tìm ra cách gián tiếp mà hiệu quả để không bị buộc vào tội xúc phạm thuần phong mỹ tục.



Love's Fresh Lemon is the freshest, brightest, sunniest lemon you can use.
Love's Fresh Lemon makes all of you feel fresh and light. It makes your hair specially clean and shiny. Your face soft and sunny. And your body fresh and smooth. There's only one Love's Fresh Lemon, but there are 13 different ways to use it.

Love Cosmetics by Montley & James.

Quảng cáo mỹ phẩm *Fresh Lemon*

Tuần san *SGGP Thứ Bảy*, 04-3-2006

13.

NĂM NGÓN CHÂN THƯƠNG

Ở Trung Quốc, suốt nhiều thế kỷ xa xưa vẫn xem bàn chân phụ nữ là nơi rất gợi dục, đặc biệt là bàn chân bị bó vải từ thuở bé. Khi cô gái bằng lòng cho đàn ông nắm bàn chân mình tức là nàng đã khứng chịu và ngầm bảo rằng: “Tôi luôn bác tài!”

Truyện chương Ý Thiên Đồ Long Ký 倚天屠龍記 (1961 - 1963) của Kim Dung 金庸 (1924 - 2018) có đoạn kể Trương Vô Kỵ tháo giày quận chúa Triệu Mẫn và cù gan bàn chân cho nàng nhột trong khi cả hai cùng ngồi sát bên nhau dưới đáy gian hầm tối tăm, chật hẹp. Lúc đó, cô Triệu rất giận cậu Trương nhưng thâm tâm, nói như câu dân ca Nghệ Tĩnh, nàng “giận thì giận mà thương thì thương”. Kim Dung đã khéo lồng vào tiểu thuyết kiếm hiệp cái

truyền thống cũ kỹ của tổ tiên ông, đó là một góc cạnh văn hóa tính dục được phương Tây gọi là xu hướng sùng bái bàn chân (*foot fetishism*).

Khi tục bó chân của đàn bà Trung Quốc bị phương Tây chỉ trích, dường như Lâm Ngữ Đường 林語堂 nổi máu tự ái dân tộc. Ông bẻ lại rằng phương Tây nào có hơn gì, bởi lẽ bắt phụ nữ xỏ giày cao gót hay mang vớ lụa và múa ballet trên mấy đầu ngón chân, chung quy vẫn chỉ là sùng bái bàn chân.

Các nhà tính dục học (*sexologists*) thấy rằng trong sinh hoạt chăn gối, người sùng bái bàn chân (*foot fetishist*) chỉ cần ngắm bàn chân bạn tình, vượt ve mơn trớn nó, hay thao tác bằng bất kỳ kiểu nào tùy thích, họ vẫn đủ sướng khoái chẳng kém hiệu quả mang lại do các chiêu thức thi thố ở những khu vực khác trên thân thể. Dĩ nhiên, người sùng bái bàn chân cũng rất thích thú khi bàn chân của họ được đối tác đáp lễ xứng đáng.

Xu hướng sùng bái bàn chân có nhiều biểu hiện khác nhau. Có người đề quyết rằng dân Trung Quốc bó chân phụ nữ vì chuộng bàn chân nhỏ bé và có lẽ còn vì ghiền cái mùi “sầu riêng” thum thum do chân bị ủ lâu trong mấy lớp vải dày (?). Nhiều người ưa



Hai phụ nữ đồng tính sùng bái bàn chân.
Tranh của Pierre Mac Orlan, *La Comtesse au fouet*



Sùng bái bàn chân phụ nữ

bàn chân trần trụi, nhưng lắm kẻ lại thích bàn chân đang mang giày xinh hay vớ đẹp. Chính vì thế, các nhà sản xuất giày dép, vớ lụa, bút tất ny lông, v.v... đã khai thác xu hướng sùng bái bàn chân để quảng cáo sản phẩm. Thay vì phô bày trọn vẹn cô người mẫu xinh tươi, họ chỉ cần nhấn mạnh vào một bàn chân thôn gợi cảm hay đôi chân dài quyến rũ.

Ngày nay, các nhà tính dục học thấy rằng xu hướng sùng bái bàn chân vừa có ở đôi bạn tình khác giới tính (*heteros*), vừa có ở người đồng tính nam (*gays*) lẫn đồng tính nữ (*lesbos*). Tuy nhiên, tại Ấn Độ vào thế kỷ 4 trước Công Nguyên, dường như người ta chỉ chú ý tới hiệu ứng gây “phê” ở các vị trí trên đôi chân phụ nữ. Hơn hai ngàn năm qua, *Kama Sutra* (Kinh Yêu Đương, người Hoa dịch là Dục Kinh 欲經) của Mallanaga Vatsyayana chỉ dẫn đàn ông Ấn Độ rất tỉ mỉ về các vị trí đặc biệt này. Vào mỗi đầu tháng âm lịch chúng nằm trên chân phải, rồi sẽ di chuyển từ ngón chân cái (mùng 1) tiến lên bàn chân (mùng 2), lên bắp chân (mùng 3), cuối cùng tiến tới đầu gối (mùng 4). Sau đó các vị trí này sẽ nằm trên chân trái, và chúng di chuyển từ đầu gối (ngày 12) xuống bắp chân (ngày 13), xuống bàn chân (ngày 14), rồi dừng lại ở ngón chân cái (ngày rằm).

Lạ thay, sự khôn ngoan của người Ấn Độ cổ đại trong thuật phòng the dường như có phần nào tương đồng với quẻ Hàm 咸 (quẻ thứ ba mươi một trong Kinh Dịch) mà Văn Vương đã sáng tạo vào khoảng năm 1150 trước Công Nguyên. Quẻ Hàm có sáu vạch (hay hào), tượng trưng cho cảm xúc tương tác giữa nam nữ. Theo nguyên tắc xét quẻ Dịch đi từ dưới (hào 1) ngược dần lên trên (các hào 2, 3, 4, 5, 6) thì người ta có thể khêu gợi cảm giác của bạn tình bắt đầu bằng cách khều ngón chân (hào 1), sờ bắp chân (hào 2), mò lên bắp vế (hào 3), mơn trớn trên ngực (hào 4), vuốt ve dọc theo sống lưng (hào 5), rồi kết thúc với nụ hôn ở má, môi và lưỡi (hào 6).

	6. Hôn má, môi, và lưỡi
	5. Vuốt ve dọc sống lưng
	4. Mơn trớn trên ngực
	3. Mò lên bắp vế
	2. Sờ bắp chân
	1. Khều ngón chân

Quẻ Hàm (*cảm xúc tương tác giữa nam nữ*)

Độc Kinh Dịch hay Kama Sutra, ai dám bảo rằng cổ nhân phương Đông mấy ngàn năm trước không phải là người rất sành điệu?

Báo NLD, 23-7-2006

14.

NEM CHẢ CUỘC ĐỜI

Bây giờ, thử vào trang báo điện tử tiếng Việt, hầu như dễ tìm thấy rất nhiều phóng sự về ngoại tình trong xã hội hiện nay.

Mỗi báo tùy theo đối tượng độc giả “ruột”, thường phơi bày, giải lý vấn nạn này theo cách riêng của mình. Có báo lên án nghiêm khắc, xem ngoại tình là một sai trái đạo đức. Có báo thì thông cảm, bao dung nhiều hơn phê phán, bởi lẽ họ xem ngoại tình là hậu quả của một lầm lẫn trong tình cảm, một ngõ thoát cho cuộc hôn nhân xộc xệch...

Luật pháp Đông Tây xưa nay không có chỗ để cảm thông hay khoan thứ ngoại tình, cái tội mà chế độ hôn nhân một vợ một chồng (*monogamy*) kết án cho ông có vợ (hay bà có chồng) lại trót quan hệ yêu đương với kẻ thứ ba.



Một phụ nữ ngoại tình bị dẫn đến trước Đức Giêsu,
nhưng Chúa không xét xử chị ấy. (Gioan 8:1-11)

Ảnh tài liệu

Thay vì nói ngoại tình (*adultery*), có khi người ta nói giảm là không chung thủy (*infidelity, unfaithfulness*), là lừa dối (*cheating*). Qua nhiều thời đại, không ngạc nhiên rằng ngoại tình là một chủ đề thường có mặt trong văn học Đông Tây. Bởi đó là một góc cuộc sống con người, song hành cùng đời sống hôn nhân.

Vì hôn nhân và gia đình được xem là nền tảng xã hội, văn học viết về ngoại tình thường phơi bày nổi xung đột, giằng xé của những kẻ trong cuộc khi họ phải đứng giữa áp lực xã hội và sự đấu tranh của bản thân để tìm cái mà họ cho là hạnh phúc.

Kinh Thánh Cựu Ước được xem là một trong các thư tịch cổ xưa nhất sớm chép về ngoại tình. Quyển Sáng Thế Ký (*Genesis*, 12:10-20) kể việc ông Abraham trốn nạn đói đã sang Ai Cập. Sợ bị người Ai Cập giết để đoạt vợ ông là Sarah xinh đẹp, ông bảo bà hãy khai với người Ai Cập rằng họ là hai anh em. Bà nghe lời, và sau đó được đưa vào đền vua (*Pharaoh*); vua tặng Abraham nhiều chiên, dê, bò, lừa, lạc đà, tôi trai tớ gái. Một số nhà bình giảng Kinh Thánh đã xem đây là sự kiện ngoại tình (dẫu Sarah ở vào tình thế bắt buộc).

Ngoại tình cũng là tình tiết cốt lõi mà William Shakespeare (1564 - 1616) viết trong ba vở kịch:

- Các Bà Vợ Vui Vẻ Ở Thị Trấn Winsor (*The Merry Wives of Windsor*, 1602);

- *Othello* (1603);

- Câu Chuyện Mùa Đông (*The Winter's Tale*, 1623);

Trong các tiểu thuyết nước ngoài sau đây, nhân vật ngoại tình là chồng:

- Nàng Liza Ở Khu Lambeth (*Liza of Lambeth*, 1897), của Somerset Maugham (1874 - 1965, Anh);

- Bác Sĩ Zhivago (*Doctor Zhivago*, 1956), của Boris Pasternak (1890 - 1960, Nga);

- Tầm Truồng (*Skinny Dip*, 2004), của Carl Hiaasen (sinh năm 1953, Mỹ), v.v...

Nhưng cũng lắm kẻ ngoại tình là vợ:

- Con Chũ Đỏ Thắm (*The Scarlet Letter*, 1850), của Nathaniel Hawthorne (1804 - 1864, Mỹ);

- Bà Bovary (*Madame Bovary*, 1857), của Gustave Flaubert (1821 - 1880, Pháp);

- Anna Karenina (1875 - 1877), của Leo Tolstoy (1828-1910, Nga);

- Gia Đình Và Thế Giới (*The Home and the World*, 1916), của Rabindranath Tagore (1861 - 1941, Ấn Độ);

- Người Tình Của Phu Nhân Chatterley (*Lady Chatterley's Lover*, 1928), của David Herbert Lawrence (1885 - 1930, Anh), v.v...

Và chẳng loại trừ cảnh ông ăn chả bà ăn nem:

- Chàng Gatsby Tuyệt Vời (*The Great Gatsby*, 1925), của F. Scott Fitzgerald (1896 - 1940, Mỹ);

- Cái Đầu Chia Ba Xẻ Bảy (*A Severed Head*, 1961), của Iris Murdoch (1919 - 1999, nữ sĩ Ái Nhĩ Lan);

- Trời Đất Ghen Tuông (*The Jealous God*, 1964), của John Braine (1922 - 1986, Anh), v.v...

Ngoại tình thường được hiểu là hành vi cấu thành khi hai bên nam nữ liên can có quan hệ xác thịt. Tuy nhiên đôi lúc người ta còn nói tới “ngoại tình trong tâm tưởng” (*adultery in one's heart*), tức là không vi phạm luật hôn nhân và gia đình mà chỉ có thể vi phạm giáo luật hay luân lý xã hội.

Xét về phương diện ngoại tình trong tâm tưởng, người điển đạt tài tình nhất có lẽ là nhà thơ Trương Tích 張籍 (khoảng 766 - 830) sống vào đời nhà Đường (Trung Quốc). Ông viết bài thơ *Tiết Phụ Ngâm* 節婦吟, là lời tâm sự của người đàn bà đẹp, không dám phụ chồng mà cũng chẳng nỡ cự tuyệt nữ trang của kẻ chậm chân. Nàng ủ món quà trong áo lót lụa hồng để tắm ướp hơi hướm rồi mới đem trả lại người ấy, khóc hận cho duyên phận bẽ bàng. Ngô Tất Tố (1894 - 1954) dịch:

*Chàng hay em có chồng rồi,
Yêu em chàng tặng một đôi ngọc lành.
Vấn vương những mối cảm tình,
Em đeo trong áo lót mình màu sen.
Nhà em vườn ngự kể bên,
Chồng em cầm kích trong đền Minh Quang.
Như gương, vâng biết lòng chàng,*

Thờ chồng quyết chẳng phụ phàng thế xưa.

Trả ngọc chàng, lệ như mưa,

Giận không gặp gỡ khi chưa có chồng.

Ông Trương thơ đã hay, ông Ngô dịch càng khéo. Và người đẹp nào ở đời Đường sao lại đa tình đến thế? Ôi, thật cảm thương cho một chữ tình éo le trong vòng nhân gian hệ lụy!

Báo *NLD*, 09-7-2006

15.

PHIM HÌNH SỰ PHA TÍNH DỤC

Thể loại phim hình sự pha tính dục (*sex*) phát triển gần như song hành với tiểu thuyết cũng mang màu sắc bạo lực, điều tra phá án, và tính dục. Cả hai (phim và tiểu thuyết) đều cùng được gọi tên là *erotic thriller*. Các tiểu thuyết này thường bán rất chạy (*bestseller*) nên dễ dàng được chuyển thể thành phim và đưa các nữ diễn viên thủ vai chính lên đài danh vọng. Sharon Stone (sinh năm 1958, Mỹ) với phim Bản Năng Gốc 1 (*Basic Instinct 1*) sản xuất năm 1992, do đạo diễn Paul Verhoeven (sinh năm 1938, Hà Lan) là một thí dụ điển hình. Tiêu biểu cho thể loại này, hai phim khác tóm lược như sau:

Tìm Kiếm Ông Goodbar (*Looking for Mr. Goodbar*) là một phim Mỹ sản xuất năm 1977

do đạo diễn Richard Brooks (1912 - 1992, Mỹ), dựa theo quyển tiểu thuyết cùng nhan đề in năm 1975 của nữ sĩ Judith Rossner (1935 - 2005, Mỹ), căn cứ trên những sự kiện có thật xoay quanh vụ thảm sát cô giáo trẻ xinh đẹp Roseann Quinn (1944 - 1973), ở thành phố New York. Trong tiểu thuyết và phim, vai chính là Theresa Dunn, cô giáo dạy học sinh khiếm thính cho một trường Công Giáo. Những đêm mất ngủ, Theresa la cà ở quán rượu đến khuya, rồi đưa đàn ông về nhà. Sau khi thỏa mãn nhục dục, cô tổng cổ họ, không bao giờ để ai được nán lại qua đêm. Thế rồi cái đêm định mạng đã đến. Khi bị xua đuổi như những kẻ khác trước đó, gã đàn ông nổi điên lên, dùng cây đèn đập vào đầu cô, lấy gối úp lên mặt cho cô ngạt thở, lại còn đâm cô liên tiếp nhiều nhát dao. Nữ diễn viên Diane Keaton (sinh 1946, Mỹ) đóng vai Theresa Dunn đã đoạt giải Quả Cầu Vàng (*Golden Globe*) dành cho nữ diễn viên chính xuất sắc.

Vết Dao (*In the Cut*) sản xuất năm 2003 là một phim tâm lý, hình sự pha tính dục do nữ đạo diễn Jane Campion (sinh năm 1954, Tân Tây Lan) thực hiện. Phim dựa theo tiểu thuyết bán chạy có cùng nhan đề của nữ sĩ Susanna Moore (sinh năm 1947, Mỹ),

nói về một vụ điều tra sát nhân hàng loạt rất rùng rợn mà kẻ điều tra lại chính là sát thủ (do nam diễn viên Mark Ruffalo, sinh năm 1967, Mỹ). Trong vai cô giáo cô đơn Frannie, dạy tiếng Anh ở trường trung học thành phố New York, nữ diễn viên Meg Ryan (sinh năm 1961, Mỹ) lần đầu tiên khỏa thân khi đóng phim này, và thậm chí cô còn biểu diễn màn khẩu đàm (*oral sex*) với một đồ chơi tình dục (*sex toy*) dành cho nữ, nhưng trong tiểu thuyết thì không phải là đồ chơi.



Bìa hai hộp phim (DVD) “Tim Kiếm Ông Goodbar” và “Vết Dao”

Phim Hình Sự Pha Tính Dục Trong Điện Ảnh Hiện Đại (*The Erotic Thriller in Contemporary Cinema*) là cuốn sách thứ tư (2005) của nữ giáo sư Linda Ruth Williams (sinh năm 1961, Anh), dạy tại Trường Nhân Văn (*the School of Humanities*), thuộc Viện Đại Học Southampton (nước Anh), phụ trách môn phim truyện Mỹ cổ điển và hậu cổ điển. Bà khảo cứu thể loại phim này trong hai thập niên cuối thế kỷ 20, đặt nó trong mối tương quan văn hóa tính dục và sự ra đời băng video cũng như DVD. Cuốn sách này chỉ là một trong nhiều đầu sách tương tự của các tác giả khác nhau. Họ tìm hiểu về tận nguồn cội của việc khai thác phim ảnh đồi trụy kết hợp với thể loại trinh thám, phỏng vấn các nhà viết kịch bản, các đạo diễn, các diễn viên, nhất là những cô đào gọi cảm đã đóng những vai vừa nóng vừa thảm khốc trong phim.

Khi yếu tố lãng mạn của phim tình cảm kinh điển dường như không còn là ưu thế thu hút khán giả, khi mà những hành động bạo lực đơn thuần trở nên nhàm chán, khi mà phim sex chỉ có sex cũng hóa ra đơn điệu, nhà văn, tác giả kịch bản và đạo diễn đã cùng nhau tạo bộ mặt và sức hút mới của điện ảnh bằng cách trộn lộn tất cả các yếu tố đó lại như một dạng ba-trong-một. Sự ra đời của DVD

đã giúp các phim thể loại này dễ dàng đi vào các gia đình và lan truyền rộng ra các nước thông qua thương mại điện tử và nạn sao chép lậu. Tất cả đã tác động xấu đến xã hội ngày nay vì bằng cách giải trí ba-trong-một như thế, con người thời đại càng dễ chai lì trước cái ác trong sự tìm kiếm khoái lạc bản thân.

Báo *NLD*, 24-6-2007

16.

PHONG THỦY VÀ YÊU ĐƯƠNG

Phong thủy là gì?

Phong thủy 風水 (gió và nước) là kinh nghiệm lâu đời được dân tộc Trung Hoa đúc kết thành một ngành đặc biệt. Thoạt đầu phương Tây gọi là *Chinese geomancy* (Anh), *géomancie chinoise* (Pháp) nhưng lâu nay có xu hướng mượn luôn cách phiên âm của Bắc Kinh và gọi là *feng shui*, hay *fengshui*. Cũng như Việt Nam, vốn là đồng văn với Trung Hoa, nên hai nước Hàn, Nhật lấy luôn thuật ngữ phong thủy và viết theo mẫu tự Latin là *pung-su* (Hàn), *fuusui* (Nhật).

Dựa trên niềm tin và phối hợp lý thuyết nhiều lãnh vực (địa lý, tôn giáo, triết học, toán học, mỹ học, thiên văn học, tâm lý học...), khoa phong thủy

thật sự là nghệ thuật thiết kế nhà cửa, bài trí phòng ốc, sắp đặt sân vườn... sao cho hòa hợp với môi trường chung quanh để đạt được hiệu ứng thuận lợi cho cuộc sống của chủ nhà và gia đình. Do đó, bản thân phong thủy không phải là ngành trang trí nội thất (室内装潢: *thất nội trang hoàng*) nhưng lại gắn liền với khoa kiến trúc.

Phong thủy cũng không phải là ma thuật, mặc dù xưa nay phân đông người ta tin tưởng nó có tác dụng nhất định đối với cuộc sống, từ công việc làm ăn, sức khỏe, thậm chí cho đến chuyện tình cảm yêu đương. Do đó, ở một số nước, kể cả phương Tây, trong thời @ vẫn còn những thầy phong thủy được khách hàng tham vấn với mong muốn cải thiện quan hệ yêu đương bằng cách thực hành đúng theo hướng dẫn của thầy.

Phong thủy trong phòng ngủ

Khi tư vấn một người thất bại trên đường tình, thầy phong thủy sẽ hỏi thăm tỉ mỉ cách bố trí phòng ngủ, giường chiếu để rồi khuyên đương sự phải thay đổi ngay cách bày biện, sắp đặt. Tất cả những vật gì có liên quan tới tình cảm không suôn sẻ trong dĩ vãng đều phải mang hết ra khỏi phòng ngủ. Người

ta tin rằng tà khí 邪氣 (*evil influence*: tức những ảnh hưởng không tốt) còn ám vào các vật ấy (chẳng hạn thư từ, nhật ký, vật lưu niệm, hình ảnh, v.v...) sẽ tiếp tục chi phối tình cảm hiện tại của đương sự, thế nên phải dẹp bỏ chúng để trừ khử tà khí, tạo cơ hội cho sinh khí, vượng khí (chính khí 正氣: *vital energy*) phát triển.

Phong thủy khuyên kẻ cô đơn muốn tìm được bạn tình phải dẹp bỏ hết mọi đồ vật mang tính cách lẻ loi, đơn chiếc. Chẳng hạn, trong bình không nên cắm duy nhất một cành hoa. Ảnh chụp đương sự treo trong phòng phải là ảnh chụp chung với một người thứ hai (người đó là ai, nam hay nữ được tất, miễn sao trong ảnh đương sự phải có đôi). Hai bên giường phải đặt cho đủ hai chiếc bàn đêm (*tables de nuit*),

Một phòng ngủ theo phong thủy, dành cho người sợ lẻ loi: trừ giường ngủ, mọi thứ đều có đôi, kể cả trên đầu hươu phải đủ cặp sừng.
Ảnh tài liệu



đèn ngủ phải đúng một cặp, dù ngủ một mình cũng cần có sẵn trên giường hai cái gối, v.v... Nói gọn, mọi vật không đủ cặp đều tượng trưng cho sự đơn chiếc, chúng đều xui xẻo vì sẽ duy trì tình trạng cô đơn, lẻ bóng của đương sự.

Tuy nhiên chỉ được đặt một chiếc giường, vì đặt hai giường chung một phòng ngủ thì đó là điềm xấu, sẽ cắt đứt mối quan hệ lứa đôi đang tốt đẹp. Nếu vợ chồng có thói quen ngủ riêng giường thì hãy bố trí mỗi người một giường ở hai phòng tách biệt. Chớ nên đặt một tấm gương trực diện với giường ngủ vì gương luôn phản chiếu, do đó các yếu tố thuận lợi đang có trong cuộc sống gối chăn sẽ bị hoán đổi thành bất lợi.

Phòng ngủ đừng chứa dao kéo và các vật bén nhọn. Tính sắc nhọn của kim loại sẽ gây tổn thương cho các mối quan hệ mà đương sự đang muốn xây dựng, vun đắp hoặc duy trì. Nếu cần thiết phải để sẵn dao (thí dụ, dùng gọt trái cây) thì hãy lựa dao mũi tròn, tốt hơn cả là loại có vỏ chụp bên ngoài lưỡi dao.

Người Trung Hoa vốn chuộng màu đỏ nên phong thủy khuyên rằng trong phòng ngủ hãy dùng màu đỏ. Màu đỏ hàm ý son sắt, tức vững bền tình

cảm. Nếu e ngại nó chói quá, có thể dùng màu hồng nhạt. Ngoài ra, đồ vật trong nhà nên có màu vàng, thả đèn ánh sáng vàng, cắm hoa vàng, v.v... bởi lẽ phong thủy bảo màu vàng tượng trưng cho cảm thông và tình tương giao.

Phong thủy là thật hay giả?

Các thầy bói toán luôn khuyên thân chủ rằng đức năng thắng số; thiện tâm thay đổi được định mạng. Tương tự, thầy phong thủy bao giờ cũng dành cho khách hàng một lời khuyên nhấn mạnh tới vai trò chủ động của chính đương sự. Tức là, dù phong thủy hiệu nghiệm tới đâu chăng nữa mà bản thân đương sự không thật sự tỏ ra dễ thương, dễ gần gũi thì phong thủy cũng không phát huy tác dụng cải thiện hoàn cảnh. Nói khác đi, bạn muốn được yêu thì trước tiên bạn hãy cố tỏ ra là người đáng yêu thật sự.

Khó có thể kết luận phong thủy là khoa học đích thực hay chỉ là phương cách khéo léo tạo cho con người một niềm tin theo kiểu tự ngã ám thị 自我暗示 (*autosuggestion*). Tuy nhiên, về mặt tâm lý, phong thủy có thể trấn an những ai tin tưởng nó. Không nói tới tổn phí tiền bạc, sự thay đổi cách bố trí nhà cửa, phòng ngủ, v.v... xét ra vô hại; nó giúp chủ nhà

đổi thay một hình ảnh cũ đã quen mắt. Cuộc sống vốn gấp rút, sau những giờ căng thẳng vì phải bươn chải cho kịp bước với nhịp sống hối hả của thời đại, con người cũng nên biết dành ra chút thời gian làm mới môi trường sống trong chính ngôi nhà của mình để khỏi nhàm chán. Đó cũng là “lối thoát” thứ tư trong sáu lời khuyên dành cho đôi lứa không còn trẻ (xem bài *Yêu Lúc Thu Sang*).

Báo *NLD*, 24-9-2006

17.

THÚ ĐAU THƯƠNG

Để chần gối im nằm chỗ cũ

Hãy lịm người trong thú đau thương.

Hai câu dẫn trên có lẽ từng khiến không ít người yêu thơ Lưu Trọng Lư (1912 - 1991) phải sững sốt rồi phân vân tự hỏi: Đau thương lại là cái thú sướng khoái lịm người ư? Thật chẳng hay chỉ là ảo tưởng? Câu trả lời chưa cần biết vội, mà nên nhớ rằng vần điệu song thất lục bát của nhà thơ đất Cao La Hạ (Bố Trạch, Quảng Bình) càng đi sâu hơn vào lòng người, sau khi bài thơ trở thành ca từ với nét nhạc Phạm Duy (1921 - 2013), người tán tụng thơ Lưu có “lãng mạn tính tuyệt vời”.

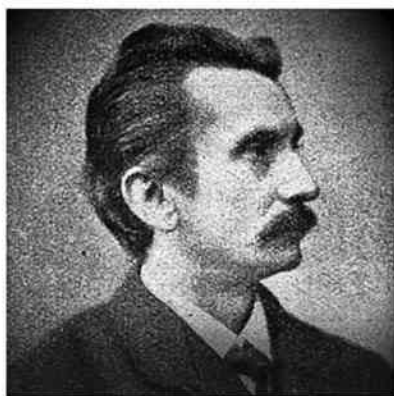
Giờ đây, tạm mượn ba chữ thú đau thương của Lưu để nói tới hiện tượng có thật mà các nhà

tâm lý trị liệu (*psychiatrists*) vẫn xem là bệnh lý (*pathology*) trong hành vi tính dục, với tên gọi *sadism*, *masochism*, và *sadomasochism*.

Sadism là thói ác dâm của kẻ tìm khoái lạc nhục dục bằng cách hành hạ cho bạn tình đau đớn, khổ sở cùng cực. Thuật ngữ này mượn tên của hầu tước De Sade (1740 - 1814), một quý tộc Pháp bệnh hoạn, tai tiếng. Chẳng những viết tiểu thuyết kèm tranh minh họa về thói ác dâm, bản thân y còn bị tòa án lăm lăm kết tội bày trò nhục hình với phụ nữ.



De Sade
(1740 - 1814)



Leopold von Sacher-Masoch
(1836 - 1895)

Đổi nghịch lại, *masochism* là thói *thống dâm* của kẻ tìm khoái lạc nhục dục bằng cách bản thân khứng chịu đau đớn, khổ sở hoặc tự nguyện chấp nhận bị giày vò, nhục nhã. Thuật ngữ này mượn tên

của quý tộc Leopold von Sacher-Masoch (1836 - 1895), sinh tại Lemberg, Áo - Hung (nay thuộc Ukraine), tác giả tiểu thuyết *Venus im Pelz* (Người Đẹp Khoác Áo Choàng Lông), kể chuyện có kẻ say đắm một phụ nữ, nài xin bà ta ngược đãi hẳn như nô lệ. Về sau, bà ấy lại thuận lòng để cho gã đàn ông khác hành hạ.

Sự kết hợp cùng lúc cả hai bệnh lý trên được gọi là *sadomasochism* hay *SM*. *SM* (ác thống dâm) chính là chủ đề của phim truyện *Seom* (tức *The Isle*, hay *Cô Lái Đò*, 2000), tác phẩm thứ năm của đạo diễn kiêm biên kịch Hàn Quốc Kim Ki-duk (Kim Cơ Đức 金基德, sinh năm 1960). Phim này như sau:

Trông coi khu resort cho người thích câu cá và nghỉ dưỡng trong những căn chòi nổi bồng bênh trên mặt nước mênh mông, hằng ngày cô gái câm Hee-jin (diễn viên Jung Suh) lái ca nô đưa rước khách, cung cấp cho họ món ăn, thức uống, mỗi câu và kể cả thân xác chính cô. Một hôm, chàng trai Hyun-shik



Hee-jin đang kim
gắp ra từng chiếc lưới câu
Hyun-shik đã nuốt

(diễn viên Kim Yu-seok) tìm đến chỗ cô để trốn tránh pháp luật. Giữa hai người dần dần nảy sinh mối quan hệ yêu thương bi đát trong hoàn cảnh éo le.

Một hôm, để khỏi sa vào tay cảnh sát truy tìm đến tận căn chòi, Hyun-shik bèn bỏ vào miệng nuốt nguyên cả chùm năm, sáu chiếc lưỡi câu sắc nhọn do anh tự tạo. Hee-jin xô anh xuống nước qua cái lỗ xí vuông vẫn khoét trên sàn căn chòi. Cảnh sát bỏ về, cô bèn dùng cần câu kéo anh lên, cũng qua lỗ xí ấy, rồi khéo léo dùng kìm gấp ra cho kỳ hết từng chiếc lưỡi câu nhầy nhựa máu thịt của kẻ hủy mình. Liên sau đó, trong lúc Hyun-shik vẫn còn đau đớn, đang là người nằm sóng soài trên sàn gỗ sũng nước, cô gái đã chủ động cưỡng bức anh.

Một lần khác, sau khi được Hee-jin cứu cho khỏi chết đuối và đưa về căn chòi nổi, Hyun-shik liền chiếm đoạt cô, xong rồi lại cướp ca nô bỏ đi. Tuyệt vọng, cô gái cắm nhét vào bộ phận sinh dục nguyên chùm lưỡi câu của Hyun-shik, rồi cắn răng giật mạnh. Cô ngã xuống nước, Hyun-shik bèn quây thuyền lại cứu, và kéo cô lên bằng chính sợi dây câu mà chùm lưỡi câu vẫn còn nằm trong thân thể cô.

Hai cảnh khủng khiếp trên khiến khán giả rùng mình, buồn nôn. Có lẽ đó là lý do chủ yếu khiến phim *Seom* không được công chúng Hàn Quốc hoan nghênh, tuy nó được tuyên dương đặc biệt (*special mention*) tại Liên Hoan Phim Quốc Tế Venice (Ý, 2000). Năm 2001, *Seom* lần lượt được khen ở Liên Hoan Phim Sundance (Mỹ), đoạt giải Con Quạ Vàng (*Golden Crow*) cho phim hay nhất tại Liên Hoan Phim Quốc Tế Brussels (Bỉ), giải đặc biệt của ban giám khảo và giải nữ diễn viên xuất sắc nhất tại Liên Hoan Phim Quốc Tế Oporto (Bồ Đào Nha), giải đặc biệt của ban giám khảo tại Liên Hoan Phim Quốc Tế Moscow (Nga).

Báo *NLD*, 17-9-2006

18.

THÚ GIAN

Kinh Thánh Cựu Ước (Sáng Thế Ký 19:1-5) có chép về thói quan hệ tính dục đồng giới nam của bọn đàn ông ở thành Sodoma (xem bài “*Tình Yêu Đồng Phái Là Tội Lỗi?*”). Do tích này mà các nhà tính dục học tạo ra thuật ngữ *sodomy*, thoát đầu để gọi tên hành vi quan hệ tính dục đồng giới nam. Mượn hình ảnh gà trống đập mái, chữ Hán gọi hành vi tính dục đồng giới nam là *kê gian* 雞姦.

Ngày nay, thuật ngữ *sodomy* không giới hạn ở đồng giới nam, mà nói chung là đồng giới (giữa nam với nam: *male homosexuality*; hay giữa nữ với nữ: *female homosexuality*), và còn mở rộng sang cả quan hệ với người khác giới (giữa nam và nữ: *heterosexuality*); bởi thế, từ điển *Merriam-Webster* danh giá của Mỹ diễn tả *sodomy* là “*copulation with*

a member of the same or opposite sex” (quan hệ tính dục giữa người đồng giới hay khác giới).

Chưa hết! Sodomy từ phạm vi con người với con người đã biến thái sang mối quan hệ giữa con người với thú vật. Vì thế từ điển Merriam-Webster cho thêm một giải thích nữa, bảo sodomy là “*copulation with an animal*” (giao cấu với một con thú). Chữ Hán gọi tên hành vi này là “*nhân thú tính giao*” 人獸性交 (người và thú quan hệ tính dục), nói gọn lại là “*thú gian*” 獸姦 (tức là gian dâm với thú vật). Tiếng Anh gọi nó là *bestiality*, mà xét về từ nguyên Latin thì *bestial* do chữ *bestialis*, mà gốc của nó là *bestia* (con thú, tiếng Anh là *beast*).

Ở phương Tây đã có không ít tài liệu ghi chép về sự xuất hiện của hành vi thú gian, xác định rằng nó có từ rất xa xưa, được truyền tụng qua kinh điển một số tôn giáo và thần thoại, được diễn tả qua nét vẽ khắc trên vách hang động, tranh vẽ cổ xưa, và cũng được đắp thành tượng, v.v...

Có thể nhắc tới một thần thoại Hy Lạp tiêu biểu liên quan tới thú gian là chuyện hoàng hậu Leda, vợ vua Tyndareus (nước Sparta) và chim thiên nga (hóa thân của thần Zeus).

Thiên tài Michelangelo (1475 - 1564), người Ý, có vẽ lại tích nàng Leda năm 1530, nhưng tranh ấy bị mất. Về sau, danh họa Peter Paul Rubens (1577 - 1640), người xứ Flanders (giữa Bỉ, Hà Lan, và Pháp), đã vẽ lại một tranh khác, được trưng bày tại Phòng Tranh Quốc Gia (*National Gallery*), tại Thủ đô London (nước Anh). Tranh này rất đẹp, nhưng quá đổi nhạy cảm, không tiện in lại đây.

Vào thế kỷ thứ 4 trước Công Nguyên (TCN), điêu khắc gia Hy Lạp Timotheus có tạc một tượng về tích mỹ nhân Leda và chim thiên nga. Tượng này không còn, người ta đã mô phỏng và tạc lại một tượng khác bằng cẩm thạch và được trưng bày tại viện bảo tàng mỹ thuật quốc gia Prado tại Thủ đô Madrid (Tây Ban Nha). Tượng này xét ra “hiền lành” hơn các tranh vẽ về cùng chủ đề.



Tượng nàng Leda và thiên nga, mô phỏng theo tác phẩm của Timotheus

Qua kinh điển nhà Phật, một vị hoàng hậu khác cũng được biết tới với tội thú gian là nàng Mạt Lợi 末利 (Mallika, hay Malika). Bà là vợ vua Ba Tư Nặc 波斯匿 (Prasenajit) cai trị nước Kiều Tát La 憍薩羅 (Kosala). Nhà vua sinh cùng năm với Đức Phật Thích Ca Mâu Ni (thế kỷ 6 trước Công Nguyên). Cả vua và hậu đều là đệ tử của Phật, rất sùng đạo.

Trong tích truyện Kinh Pháp Cú (*Dhammpada*) ở Chương Mười Một, nhan đề “Phẩm Già”, tích thứ sáu, có nhắc tới sự kiện một hôm hoàng hậu Mạt Lợi vừa mới tắm xong; trong lúc bà đang lom khom cúi người xuống để lau chân, thì con chó cưng của bà bỗng nhảy chồm lên lưng nữ chủ... Không nghĩ rằng đó là điều trái đạo đức, hoàng hậu cứ để yên cho con chó tiếp tục... Nào ngờ hành vi đó bị nhà vua tình cờ đi qua phòng tắm, nhìn vào cửa sổ và bắt quả tang. Tức giận, vua Ba Tư Nặc bèn mắng nhiếc nàng. Hoàng hậu quyết liệt phủ nhận, một mực đổ thừa rằng từ cửa sổ nhìn vào phòng tắm sẽ không thấy rõ, dễ bị lầm lẫn. Để chứng minh, nàng yêu cầu ông chồng hãy bước vào trong phòng tắm, còn nàng ở bên ngoài sẽ nhìn qua cửa sổ. Nhà vua đồng ý. Nào ngờ hoàng hậu vừa nhìn qua cửa sổ phòng tắm liền lớn tiếng lu loa rằng nhà vua đang giao cấu với một con dê cái. Vua cãi, hoàng

hậu cứ buộc tội. Rốt cuộc, hai bên phải thỏa hiệp là đã nhìn lầm. Nhờ vậy nàng dễ dàng thoát khỏi lời buộc tội của chồng.

Tuy nhiên, do hai lần phạm tội (vừa thú gian vừa vu khống), sau khi chết linh hồn hoàng hậu Mạt Lợi liền bị giam trong ngục A Tỳ bảy ngày vô cùng đau khổ. Nhưng nhờ có quá trình tu hành, hết lòng ủng hộ Phật pháp, sau khi trả xong nghiệp quả xấu, nàng Mạt Lợi được Đức Phật cứu độ, đưa linh hồn về cung trời Đâu Suất hưởng cảnh an nhàn trong cõi thần tiên.

Tích nàng Mạt Lợi lược kể như trên rất nổi tiếng; do đó, khi soạn quyển *The Princeton Dictionary of Buddhism* (Từ Điển Phật Học Của Viện Đại Học Princeton), hai tác giả là Giáo sư Robert E. Buswell Jr. (Viện Đại Học California), và Giáo sư Donald S. Lopez Jr. (Viện Đại Học Michigan), đã đưa mục từ *Mallika* vào trang 521, kể rõ lai lịch của hoàng hậu và vụ việc tai tiếng dính líu tới con chó. Năm 2015, quyển từ điển ấy được Hiệp Hội Thư Viện Hoa Kỳ (the American Library Association) trao tặng huy chương vàng Darthmouth danh giá. Một số bản dịch tích truyện Kinh Pháp Cú sang tiếng Việt, tiếng Anh, v.v... cũng không bỏ qua câu chuyện nàng Mạt Lợi, có thể dễ dàng tìm đọc trên Internet.

Bước qua lãnh vực lịch sử Trung Quốc, một điển tích nổi tiếng liên quan tới sodomy là chuyện Tô Vũ Chăn Dê (*Tô Vũ Mục Dương 蘇武牧羊*).



Tô Vũ chăn dê

Tô Vũ 蘇武 (140 - 60 trước Công Nguyên), tự là Tử Khanh 子卿 (người đất Đỗ Lăng) làm quan dưới triều Hán Vũ Đế (trị vì từ năm 141 đến năm 87 trước Công Nguyên). Bấy giờ quân Hung Nô ở phương Bắc thường hay sang quấy nhiễu biên giới. Hán Vũ Đế phải sai Tô Vũ đi sứ sang Hung Nô để dùng ngoại giao dàn xếp những xung đột liên miên nơi vùng biên tái.

Nào ngờ vua Hung Nô bất chấp các quy tắc ngoại giao, cho bắt giữ ngay sứ thần Tô Vũ, rồi đem

đày lên phương Bắc giá lạnh. Nghiệt ngã hơn, vua Hung Nô còn buộc Tô Vũ phải chẵn một đàn dê đực, giao ước rằng chừng nào dê đực đẻ con thì sẽ phóng thích cho ông trở về cố quốc.

Sống cô độc nhiều năm giữa chốn hoang vu không một bóng người thứ hai, Tô Vũ đã kết bạn với một con vượn cái. Sử sách Trung Quốc chép rằng nàng vượn này đã sinh được một con.

Sau khi Tô Vũ bị đày mười chín năm, Hán Vũ Đế mới can thiệp được với Hung Nô để đưa ông hồi hương. Dĩ nhiên Tô Vũ phải bỏ lại mẹ con nàng vượn nơi phương Bắc hoang lạnh.

*

Dâm là một bản tính của con người. Suy ra từ Sáng Thế Ký (2: 16-17) thì nó có nguồn gốc sâu xa từ trái cấm trong vườn Eden, rồi di truyền mãi từ Adam và Eve cho tới tận thời đại ngày nay. Trong các hành vi thỏa mãn tính dâm của con người, thì thú gian đã xuất hiện rất sớm, có từ thời tiền sử.

Kinh Thánh Cựu Ước là một bằng chứng cho thấy hành vi thú gian được người Do Thái ghi chép rất sớm. Sách Lê-vi (18:23) viết:

“Người không được giao hợp với bất cứ con vật nào, để khỏi ra ô uế vì nó; đàn bà không được đứng trước thú vật để giao cấu với nó: Đó là điều quái đản.”

Cũng sách Lê-vi (20: 15-16), lại viết:

“Khi người đàn ông nào giao hợp với con vật, thì phải bị xử tử và các người sẽ giết con vật. Khi người đàn bà nào đến gần bất cứ con vật nào để giao cấu với nó, thì các người phải giết người đàn bà và con vật; chúng phải bị xử tử, máu chúng đổ xuống đầu chúng.”

Trong nhiều thế kỷ, thú gian là hành vi trái pháp luật, một tội lỗi trái với tự nhiên (*crime against nature*); nó còn bị các nhà hoạt động bảo vệ quyền của động vật chống đối với lý do bảo vệ động vật khỏi bị lạm dụng.

Theo Wikipedia,⁽¹⁾ thú gian đã bị luật pháp ngăn cấm ở nhiều nước như: Na Uy (năm 2008), Hà Lan (2010), Úc (2011), Thụy Điển (2013), và Đan Mạch (2015)...

Ở Hoa Kỳ, thú gian bị ngăn cấm ở nhiều bang như: Pennsylvania (năm 1999), Iowa (2001), Illinois (2002), Maryland (2002), Washington (2006),

1. https://en.wikipedia.org/wiki/Zoophilia_and_the_law. Truy cập 02-9-2015.

Arizona (2006), Indiana (2007), Tennessee và Colorado (2007), Alaska (2010), và Florida (2011). Từ năm 2012 thú gian bị cấm ở ba mươi bảy bang của Hoa Kỳ.

Đạo đức học, giáo lý các tôn giáo, luật pháp từ xa xưa đến nay tuy đã cố gắng để “quản lý” tính dâm của con người, giúp cho nó khỏi lệch hướng và không bị biến thái, nhưng xem chừng sự thành công vẫn chưa tới đâu, cho nên thú gian vẫn chưa được xóa bỏ trên trần gian vốn dĩ lắm trò quái đản trong ham muốn xác thịt.

Nguyệt san *CGvDT*, Số 248, tháng 8-2015

19.

TÍNH DỤC ĐỒNG GIỚI Ở HY LẠP CỔ

Tính dục đồng giới nam

Được viết ở Athens (Hy Lạp) vào thế kỷ 4 trước Công Nguyên (TCN), tác phẩm *Phaedrus* của triết gia Plato (khoảng 427 - 347 TCN) ghi lại những cuộc bàn luận giữa thầy mình là triết gia Socrates (khoảng 470 - 399 TCN) và Phaedrus về yêu đương đồng giới (*homosexuality*). Đây là bằng chứng lịch sử cho thấy tính dục đồng giới nam (*pederasty*) rất phổ biến trong xã hội Hy Lạp cổ.

Tiếng Việt gọi người yêu đương đồng giới nam là *pê-đê*, và tiếng lóng này có nguồn gốc sâu xa từ tiếng Hy Lạp (*paiderates*).

Tiếng Hy Lạp gọi con trai dưới hai mươi tuổi là *epebos*, biến thể của nó là *epebe* hay *epebus* và

tính từ là *ephebic*. Ái tình *ephebic* (hay *pederasty*) của người Hy Lạp cổ chính là quan hệ tính dục giữa đàn ông (*pederast*) với nam thiếu niên (thường từ mười hai tới mười bảy tuổi). *Pederast* là biến thể của *paidērates*; âm tiết *ped-* (hay *paid-*) là do tiền tố *pedo-* có nghĩa là *đứa trẻ*.



Một bình gốm Hy Lạp cổ miêu tả tính dục đồng giới nam (ở đây đã che bớt phần nhạy cảm)

Quan hệ tính dục đồng giới nam còn được phản ánh qua hình vẽ trần trụi trên các bình gốm Hy Lạp cổ. Trái nhiều thế kỷ, luân lý Hy Lạp cổ chấp nhận

quan hệ đồng giới nam giữa các công dân tự do nhưng cấm quan hệ với nô lệ. Điều này không cản trở đời sống gia đình: Các công dân Hy Lạp thời cổ cứ cưới vợ, nuôi con và cùng lúc yêu đương một cậu bé mà họ có quan hệ mật thiết trước hay sau hôn nhân.

Vợ không có quyền can thiệp chuyện yêu đương đồng giới của chồng, vì trong văn hóa Hy Lạp cổ, phụ nữ là công dân hạng hai, không được tôn trọng, bị gạt ra ngoài hoạt động chính trị, xã hội. Vợ hầu như chỉ là phương tiện để sinh con, duy trì nòi giống. Chồng vẫn chăn gối với vợ hay một phụ nữ khác (*heterosexuality*) nhưng không từ bỏ yêu thương anh bạn nhỏ (*homosexuality*), như vậy đã cấu thành hành vi tính dục lưỡng tính (*bisexuality*).

Ở Hy Lạp cổ, cộng đồng quan trọng hơn gia đình, quan hệ giữa con trai và cha đẻ cũng kém hơn quan hệ giữa cậu ấy với *pederast* (ông tình nhân) của cậu. Quan hệ này không đơn thuần là sinh lý mà là một phức hợp mang tính xã hội, sư phạm và luân lý. Như thế, yêu đương đồng giới nam của người Hy Lạp cổ khác xa quan niệm của xã hội thời nay về tính dục đồng giới.

Thật vậy, bằng cách quan hệ với một quý tộc, cậu bé sẽ có đường tiến thân sau này trong xã hội vì theo luật tục Hy Lạp cổ, chính người đàn ông quan hệ tính dục với cậu mới thực sự là người có trách nhiệm dạy dỗ cậu học hành, hướng dẫn trí thức và tâm linh để khi trưởng thành cậu trở thành công dân xứng đáng gia nhập cộng đồng.

Vì thế, các học giả nghĩ rằng quan hệ thầy trò giữa hai triết gia Socrates (469 - 399 TCN) và Plato (428 - 347 TCN) cũng như đời sống nhà hùng biện Aeschines (389 - 314 TCN) hay sử gia Pausanias (thế kỷ 2 Công Nguyên) có lẽ đều không ra ngoài quan hệ đồng giới nam, một quan hệ mà Plato cho là ái tình tinh khiết nhất, nếu nuôi dưỡng đúng cách.

Các học giả cho rằng yêu đương đồng tính nam của người Hy Lạp bắt nguồn từ thần thoại của dân tộc họ. Thần Zeus cai quản chư thần trên núi Olympus, là chúa tể cõi trời và cõi người. Zeus hóa làm đại bàng quắp lấy hoàng tử Ganymede ở thành Troy mang lên núi Olympus. Zeus rất sủng ái chú bé đẹp trai này nên ban cho cục cứng quyền năng bất tử. Vào thập niên 1790, dựa theo thần thoại ấy, một họa sĩ Đức là Wilhelm Böttner (1752 - 1805) đã tĩ mĩ vẽ thần Zeus ngồi trên lưng đại bàng và hôn Ganymede.



Thần Zeus và hoàng tử Ganymede.
Tranh Wilhelm Böttner, cuối thế kỷ 18

Tính dục đồng giới nữ

Ở Hy Lạp, quan hệ tính dục giữa hai phụ nữ đã sớm được biết tới với nhà thơ nữ Sappho người đảo Lesbos (thế kỷ 7 trước Công Nguyên). Tiếng Anh gọi những phụ nữ yêu đương đồng phái là *lesbians*, *lesbos* (tiếng Pháp: *lesbiennes*); thuật ngữ này phát sinh từ tên đảo Lesbos nói trên.

Họa sĩ Pháp Pierre Claude Francois Delorme (1783 - 1859) khoảng năm 1833 đã vẽ bức tranh Sappho và Phaon miêu tả cảnh tình tứ của hai mỹ nhân. Trong tranh, Sappho dễ nhận ra, vì nàng luôn có cây đàn lyre (lý lạp cầm 里拉琴) bên cạnh.



"Sappho và Phaon", tranh của Pierre Claude Francois Delorme

Tuần san *SGGP Thứ Bảy*, 11-02-2006

20.

TÍNH DỤC ĐỒNG GIỚI NAM Ở LA MÃ CỔ

Ở xã hội La Mã cổ, tính dục đồng giới nam và đồng giới nữ là việc bình thường và phổ biến, nhất là trong giới thượng lưu, quý tộc. Phản ánh sở thích tính dục đó, hai cảnh quan hệ tính dục đồng giới nam được chạm nổi với đường nét rất sắc sảo trên một cổ vật nổi tiếng là cái cốc uống rượu bằng bạc mang tên Warren.

Cốc bạc Warren

Edward Perry Warren (1860 - 1928) là nhà sưu tập mỹ thuật người Mỹ. Ông là người đầu tiên sở hữu một cái cốc bằng bạc được cho là cổ vật La Mã (thế kỷ 1, đầu Công Nguyên). Cốc này vì vậy mang tên ông, gọi là cốc Warren. Để làm chủ nó, năm

1999 Viện Bảo Tàng Anh (*the British Museum*) phải trả với cái giá cao ngất là 1,8 triệu bảng (*pounds*). Cốc này có hai hình chạm nổi miêu tả hành vi tính dục đồng giới nam của người La Mã cổ.

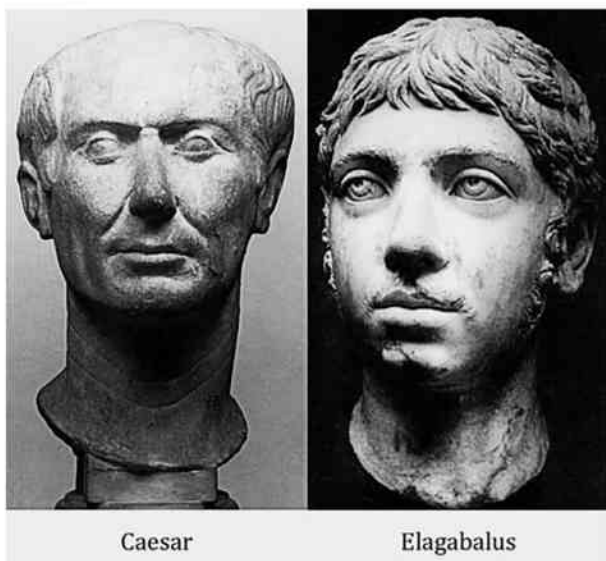


Một trong hai hình chạm nổi trên cốc bạc Warren
(đã che bớt phần nhạy cảm)

Khác với luật tục Hy Lạp cổ, người La Mã cổ không cấm các ông quý tộc quan hệ tính dục với nam nô lệ. Vì thế, mặc dù đang có vợ con, quý tộc La Mã còn mua nam nô lệ để thỏa mãn sở thích tình dục. Tuy nhiên công luận đả kích quý tộc (hoặc nam công dân tự do) hứng chịu tư thế thụ động khi

chấp nhận cho bạn tình quan hệ qua đường đại tiện (*sodomy, kê gian* 雞奸: ăn nằm với nhau theo kiểu gà); tư thế thụ động của kẻ ấy được người La Mã xem là sự tòng phục đáng xấu hổ, vì tự biến mình trở thành nô lệ của kẻ kia.

Hai ví dụ điển hình cho sở thích tính dục đồng giới nam của người La Mã cổ là danh tướng Julius Caesar và hoàng đế Elagabalus.



Julius Caesar

Vào những năm trước Công Nguyên (TCN), Caesar (100 - 44) có ba vợ chính thức. Bà đầu là Cornelia Cinnilla, qua đời khoảng năm 69 TCN. Vài

năm sau ông tục huyền với Pompeia Sulla. Năm 59 TCN, ông cưới Calpurnia Pisonis. Ông có hai tình nhân: nữ hoàng Ai Cập Cleopatra (69 - 30 TCN), và Servilia Caepionis (lớn tuổi hơn Caesar).

Năm 80 TCN, với vai trò sứ thần, Caesar được phái tới xứ Bithynia nằm ở Tây Bắc Tiểu Á. Tại đó Caesar và vua Nicomedes III (128 - 94 TCN) đã có quan hệ kê gian mà kẻ thụ động dĩ nhiên là Caesar, nhỏ hơn Nicomedes tám tuổi. Thế nên thiên hạ đàm tiếu rằng Caesar chinh phục dân xứ Gaul nhưng Nicomedes lại chinh phục Caesar.

Khi Caesar bị ám sát, cháu của ông là Octavius (63 - 14 TCN) đang du học ở Apollonia (nay là Albania). Vì không có con hợp pháp, trước đó Caesar đã lập di chúc nhận Octavius làm con nuôi và cho thừa kế chính thức. Danh tướng kiêm chính trị gia Marcus Antonius (83 - 30 TCN) rêu rao rằng Octavius được Caesar chọn làm con nuôi chỉ vì xưa kia chú nhỏ đã có quan hệ kê gian với dưỡng phụ.

Elagabalus

Elagabalus hay Heliogabalus (khoảng năm 203 - 222) là một hoàng đế La Mã có đời sống tình dục lập dị nhất. Trong thời gian trị vì (218 - 222), ông

đã bốn lần ly dị vợ. Hoàng hậu thứ hai nữ danh Aquilia Severa sau khi ly dị đã trở thành hoàng hậu thứ tư bởi vì Elagabalus quay lại. Nhưng ông ly dị bà lần nữa, rồi cưới vợ khác (hoàng hậu thứ năm). Ông vua này có bạn tình là gã xà ích tóc vàng Hierocles, vốn là một nô lệ quê ở Caria thuộc Tiểu Á.

Báo *NLD*, 11-6-2006

21.

TÍNH DỤC ĐỒNG GIỚI NAM Ở TRUNG HOA CỔ

Tương tự như Hy Lạp và La Mã, yêu đương đồng giới (hay đồng phái) nam của người Trung Hoa vốn có từ thời khuyết sử. Truyền Tào chép chuyện nhiều ông vua sủng ái thái giám đến mất nước. Ngày nay các nhà tính dục học đều hiểu đó là tình yêu đồng giới nam.

Hòa Bang Ngạch 和邦額 đời Thanh (giữa thế kỷ 18) viết *Dạ Đàm Tùy Lục* 夜譚隨錄 (*Chép Theo Những Chuyện Kể Ban Đêm*), gồm hơn 140 truyện. Trong đó, truyện *Bích Bích* kể rằng tú tài Tôn Khắc Phục là một tay hiếu sắc hạng nặng và đặc biệt là nam sắc chứ không phải nữ sắc. Phục đến Giới Châu, ngụ ở một thôn nhỏ trong vùng núi hẻo lánh. Một

hôm Phục nhìn thấy anh chàng trắng trẻo, tuấn tú, khoảng mười bảy, mười tám tuổi đi qua nhà. Phục vội vàng chạy ra, ân cần chào đón, cố mời vào nhà chơi; thiếu niên bằng lòng. Thế là Phục liền nhào tới ôm chặt, vuốt ve, hôn hít tới tấp, bắt chấp khách lạ kháng cự quyết liệt.

Hòa Bang Ngạch lại kể tiếp chuyện *Thượng Quan Sinh*, người Lạc Dương, đẹp trai, khéo chăm chút bề ngoài thật bảnh bao. Sinh kết bạn với thiếu niên Cẩm cùng thôn, xinh đẹp lạ thường. Một hôm, Sinh dựa sát vào ghế Cẩm ngồi, nói: “Hiền đệ đẹp đẽ, thông minh, văn nhã. Ta là đàn bà con gái ắt phải tương tư hiền đệ mà chết mất!” Cẩm cười: “Chú kể mày râu nam tử không thể chết vì tương tư đệ sao?” Sinh bèn thú thực: “Lần đầu gặp đệ, ta thần hồn điên đảo, gối chăn xô lệch, hai đêm liền không sao ngủ được!” Cẩm nghe thế, bèn ngả người vào lòng Sinh, lả lơ trêu ghẹo.

Trong truyện *Bạch Bình*, Hòa Bang Ngạch nói tới thư sinh Lâm Đạm Nhân, người phủ Diên Bình (tỉnh Phúc Kiến), dáng vóc nhỏ nhắn, bảnh trai, da thịt nõn nà như gái dậy thì. Đàn ông gặp chàng đều say mê. Hòa Bang Ngạch giải thích rằng thời đó tỉnh Phúc Kiến rất sùng thượng nam sắc.

Tiểu thuyết danh tiếng *Đông Chu Liệt Quốc* 東周列國志 chép về 867 năm nhà Chu từ thế kỷ 11 trước Công Nguyên (TCN) tới năm 256 TCN. Tác giả Phùng Mộng Long 馮夢龍 (1574 - 1646) thuật chuyện Vệ Linh Công (thế kỷ 6 TCN) tuy có nhiều cung phi mỹ nữ nhưng chỉ sủng ái gã Di Tử Hà đẹp trai. Theo luật nước Vệ, ai tự tiện dùng xe của vua thì bị chặt chân. Một đêm, nghe tin mẹ đổ bệnh, Di Tử Hà liền lấy xe ngựa của vua về thăm. Vệ Linh Công không bắt tội lại còn khen là chỉ vì hiếu thảo mà Hà quên cả sợ bị chặt chân. Lần khác, vua và Hà dạo chơi trong vườn, Hà cắn một trái đào, thấy ngon liền trao lại cho vua ăn. Vua sung sướng khen: “Anh ta yêu ta lắm. Có miếng ngon cũng nhường.” Tuy nhiên, khi Di Tử Hà tàn phai nhan sắc, Vệ Linh Công bèn đem cả hai chuyện cũ ra để kết tội bạn tình khi quân. Quả là: “*Ví dầu tình bậu muốn thôi / Bậu gieo tiếng dữ cho rồi bậu ra...*” Gã đàn ông thế vào vị trí của Di Tử Hà là công tử Triều.

Sử sách Trung Quốc chép không ít những mối tình éo le của vua chúa nước họ. Mấy ông hoàng đế này tuy đang sống giữa tam cung lục viện ê hề cung phi mỹ nữ, muốn gì được nấy, nhưng lại đem lòng sủng ái một gã đàn ông khác. Chẳng

hạn, vào đời Thanh, vua Càn Long (trị vì 1735 - 1796) và hoạn quan Hòa Thân là một cặp nhân tình đồng giới.

Có thể kể thêm hai gương mặt đình đám khác trong đời Hán (260 TCN - 220 Công Nguyên) như sau: Một là vua Hán Văn Đế (Lưu Hằng, trị vì 180 - 157 TCN) đem lòng yêu đương gã chèo thuyền Đặng Thông. Hai là vua Hán Ai Đế (Lưu Hân, trị vì 7 - 1 TCN) yêu mê mọt chàng trai Đổng Hiền đến nỗi hai người ngủ chung, vua lấy cánh tay làm gối cho Hiền kê đầu. Hiền ngủ say, vua thức dậy trước, không nỡ đánh thức bạn tình, bèn nhờ một kẻ hầu lấy kéo cắt giùm tay áo của mình rồi nhẹ nhàng rút cánh tay ra. Cuối đời Minh, họa sĩ Trần Hồng Thụ 陳洪綬 (1598 - 1652) vẽ lại cảnh ấy như sau:



Tranh của Trần Hồng Thụ, 1651

Khi bàn tới tính dục, người Trung Quốc nói trại đi là *xuân*; dân thư gọi là *xuân sách* 春冊, *xuân thư* 春書, việc chăn gối gọi là *xuân sự* 春事, v.v... Tranh miêu tả sinh hoạt tính dục của Trung Quốc rất nổi tiếng, gọi là *Xuân Cung Đồ* 春宮圖 (tiếng Anh dịch là *Spring Palace Paintings*).

Xuân Cung Đồ (cũng gọi *Xuân Họa* 春畫) có nguồn gốc rất xưa, cách nay khoảng hai ngàn năm, và là một phần di sản văn hóa Trung Quốc. Xuân Cung Đồ được lưu truyền với lý do biện minh là giúp những người trẻ tuổi thiếu kinh nghiệm hoặc thẹn thùng biết cách sinh hoạt phòng the. Xuân Cung Đồ thịnh hành cùng với sự hình thành các thành phố buôn bán sầm uất, giàu có ở phía Nam Trung Quốc, kể từ thế kỷ 10 trở đi, như Tô Châu, Hàng Châu và Quảng Châu. Sang cuối đời nhà Minh (1368 - 1644) thì càng cực thịnh và bấy giờ các họa sĩ có thể ký tên vào tranh mà không còn sợ bị triều đình khép tội.

Đề tài tính dục trong Xuân Cung Đồ rất phong phú, đặc biệt có nhiều tranh màu tươi thắm, vẽ tỉ mỉ cảnh hoan lạc giữa hai gã đàn ông, hoặc cả một đám đông nho sinh trong nhà trọ (ký túc xá). Âu cũng là thêm một bằng chứng xác định rằng

yêu đương đồng giới nam đã có lịch sử lâu đời ở Trung Quốc.



Tranh vẽ đời Thanh, trích trong sách của Louis Crompton:
Homosexuality and Civilisation, 2003

Trong quyển *Tính Dục Đồng Giới Và Văn Minh* (*Homosexuality and Civilisation*, Harvard University Press, 2003, trang 232), Louis Crompton cho in lại một tranh màu đời Thanh, trưng bày tại Viện Bảo Tàng Văn Hóa Tính Dục Trung Quốc (*Chinese Sexual Culture Museum*) ở Thượng Hải. Tranh ấy miêu tả một phụ nữ rình mò hai kẻ đàn ông đang yêu nhau theo cái kiểu mà người Hoa gọi là *kê gian*

雞姦. *Kê* là con gà; *gian* là quan hệ xằng bậy, bất chánh, bại hoại. Có lẽ con gà trống đập mái đã gợi ý cho người Hoa tạo nên hai chữ *kê gian*, và nó tượng hình hơn hai chữ *nam phong* 男風 (*buggery, male homosexuality, sodomy*) cũng đồng nghĩa.

Báo *NLD*, 13-8-2006

22.

TÌNH YÊU ĐỒNG GIỚI LÀ TỘI LỖI?

Tuần báo *Công Giáo Và Dân Tộc*, số 2016, ngày 24-7-2015, đưa tin rằng hôm 26-6-2015, Tối Cao Pháp Viện Mỹ đã phán quyết hôn nhân đồng giới là điều hợp với Hiến Pháp Liên Bang (trang 24). Phán quyết này liền bị phản ứng. Chẳng hạn, Chủ Tịch Hội Đồng Giám Mục Hoa Kỳ (là Tổng Giám Mục Joseph Kurtz, sinh năm 1946) gọi phán quyết ấy là một sai lầm thê thảm, và còn khẳng định: *“Thật là một điều vô luân trầm trọng và bất chính từ phía chính quyền khi tuyên bố hai người đồng phái [đồng giới] có thể hợp thành một hôn nhân.”* Bài báo còn dẫn thêm một số phản ứng chống lại phán quyết ấy từ một số nước khác.

Giới lãnh đạo Công Giáo thế giới chỉ trích, lên án như thế là dễ hiểu, bởi lẽ theo Kinh Thánh, kể cả

Cựu Ước lẫn Tân Ước, quan hệ tính dục đồng giới (*homosexuality*) là một tội lỗi, ai phạm tội này thì không còn nẻo vào Nước Trời (1 Côrintô 6:10).

Ở Do Thái, Sáng Thế Ký (*Genesis 19:1-5*) đã sớm nói tới quan hệ tính dục đồng giới khi chép lại chuyện ông Lót tiếp hai sứ thần vừa tới thành Xơđôm (*Sodom*) vào buổi chiều. Ông Lót (*Lot*) khẩn khoản mời hai vị vào nhà để thết đãi trọng hậu. Nhưng đàn ông trong thành, già lẫn trẻ, đã sớm chú ý tới hai ông khách lạ, thế nên trước khi hai vị khách đi ngủ thì tất cả đàn ông từ mọi ngõ ngách trong thành cùng kéo tới nhà ông Lót, buộc ông phải giao nộp hai ông khách cho họ mang đi hành lạc.

Thành Xơđôm tức là Sodoma trong tiếng Latin. Do điển tích này mà trong tiếng Anh có thuật ngữ *Sodomy* (hay *sodomie*, tiếng Pháp) để chỉ hành vi tính dục giữa hai gã đàn ông.

Quyển sách thứ ba của Cựu Ước là *Lêvi* (*Leviticus*) có hai lần ngăn cấm hành vi tính dục giữa hai gã đàn ông, và đưa ra bản án tử hình cho kẻ phạm tội này:

- “Người không được nằm với đàn ông như nằm với đàn bà: Đó là điều ghê tởm.” (*Lêvi 18:22*).

- “*Khi người đàn ông nào nằm với một người đàn ông như nằm với đàn bà, thì cả hai đã làm điều ghê tởm; chúng phải bị xử tử, máu chúng đổ xuống đầu chúng.*” (Lêvi 20:13).

Dường như Cựu Ước không ghi chép một trường hợp cụ thể nào về quan hệ tính dục giữa hai phụ nữ. Chỉ trong thư Thánh Phaolô gửi tín hữu Rôma mới thấy nhắc tới cả hai giới *gays* (giữa đàn ông với nhau) và *lesbos* (giữa phụ nữ với nhau). Thánh Phaolô viết:

“*Đàn bà không quan hệ theo lẽ tự nhiên, mà lại làm điều trái tự nhiên. Đàn ông cũng vậy, không quan hệ với đàn bà theo lẽ tự nhiên, mà lại đem lòng thèm muốn lẫn nhau: Đàn ông bậy bạ với đàn ông. Như vậy là chuốc vào thân hình phạt xứng với sự lầm lạc của mình.*” (Rôma 1:26-27).

Quan hệ tính dục đồng giới là chuyện rất xưa cũ, được ghi chép trong sử sách, minh họa bằng tranh vẽ, tác phẩm điêu khắc, v.v... (Xem bài *Tính Dục Đồng Giới Nam Ở Hy Lạp Cổ*, *Tính Dục Đồng Giới Nam Ở La Mã Cổ*, *Tính Dục Đồng Giới Nam Ở Trung Hoa Cổ*.)

*

Trở lại với Kinh Thánh. Tội lỗi quan hệ tính dục đồng phái khiến tội nhân không được vào Nước Trời (1 Côrintô 6:10). *“Thiên Chúa đã để mặc họ buông theo dục vọng mà làm những điều ô uế, khiến thân thể họ ra hư hèn.”* (Rôma 1:24).

Chỉ khi nào con người tự chọn lựa một con đường đúng, thì bấy giờ họ sẽ được tha thứ: *“Trước kia, có vài người trong anh em đã là như thế. Nhưng anh em đã được tẩy rửa, được thánh hóa, được nên công chính nhờ danh Chúa Giê-su Kitô và nhờ Thần Khí của Thiên Chúa chúng ta!”* (1 Côrintô 6:11).

Trong lúc những người có tình yêu đồng phái chưa kịp chọn lựa cho mình một sự cải hối để mở lại cửa vào Thiên Quốc cho họ như Tân Ước khuyến dạy, thì phán quyết hôm 26-6-2015 của Tối Cao Pháp Viện Mỹ lại chẳng khác nào như vẽ đường cho hươu chạy, nó trái ngược hẳn những giáo huấn trong Kinh Thánh Cựu Ước và Tân Ước. Vì thế, dễ hiểu vì sao nhiều nhà lãnh đạo Công Giáo trên thế giới lập tức lên tiếng chỉ trích, phản kháng.

Nguyệt san *CGvDT*, Số 247, tháng 7-2015

23.

TÌNH MA SEX QUỶ

Nguyễn Dữ (thế kỷ 16), người xã Đỗ Tùng, huyện Trường Tân (nay thuộc tỉnh Hải Dương), thọ giáo với Nguyễn Bình Khiêm, và là bạn học với Phùng Khắc Khoan. Trong lúc ẩn cư ở rừng núi Thanh Hóa, Nguyễn Dữ viết *Truyền Kỳ Mạn Lục* 傳奇漫錄 (Sao chép tản mạn truyện lạ), được Nguyễn Thế Nghi sống cùng thời dịch từ Hán ra Nôm.

Lấy bối cảnh đời Lý, Trần, Hồ hoặc Lê sơ, từ Nghệ An trở ra Bắc, Nguyễn Dữ viết hai mươi truyện, trong đó truyện thứ ba là *Mộc Miên Thu Truyện* 木棉樹傳 (Truyện Cây Gạo) khá rùng rợn, kể tích lái buôn Trình Trung Ngộ đẹp trai, dừng thuyền dưới cầu Liễu Khê, huyện Nam Xương (tức huyện Lý Nhân, nay thuộc tỉnh Hà Nam). Tại đây

Trình gặp nàng Nhị Khanh xinh đẹp. Hơn cả tháng, đêm đêm họ cùng nhau vui vẻ rất thỏa mãn. Sau cùng Trình biết nàng là ma, nhưng không thể thoát thân, phải chết gục trên quan tài nàng, rồi cả hai thành yêu quái lộng hành khắp vùng.

Mô-típ như Mộc Miên Thụ Truyện hiện nay khá phổ biến trong các phim sex ma. Kinh dị, quái đản thường là phim Hồng Kông. Đạo diễn tự học Kim Ki-duk (Kim Cơ Đức 金基德, người Hàn Quốc, sinh năm 1960) lại làm phim sex ma theo một hướng khác. Thật vậy, trong phim Những Ngôi Nhà Trống Vắng (*Empty Homes*, hay *3-Iron*, 2004), tình yêu câm lặng giữa oan hồn chàng Tae-suk (diễn viên Jae Hee) và nàng Sun-hwa bất hạnh (cô đào Lee Seung-yeon) lại hiền lành và lãng mạn hơn. Chuyện tình Tae-suk và Sun-hwa mang hơi hướm *Liêu Trai Chí Dị* 聊齋志異 của Bồ Tùng Linh 蒲松齡 (1640 - 1715), chỉ khác là trong truyện Liêu Trai đời Thanh (Trung Quốc), ma thường là kiểu nữ thanh tân.



Một cảnh cuối phim *Những Ngôi Nhà Trống Vắng*:
nàng Sun-hwa mượn thân xác người chồng không yêu thương
(đeo kính) để tình tự với oan hồn chàng Tae-suk

Đơn cử truyện *Liên Hương* 蓮香, Bồ Tùng Linh viết rằng thư sinh Tang Hiếu thuê nhà tại bến nước Hồng Hoa. Đêm khuya, chàng ngồi một mình, đang trầm tư mặc tưởng thì cô gái khoảng mười lăm, mười sáu tuổi bước vào, tự giới thiệu họ Lý, con nhà lương thiện. Tang Hiếu cầm tay, hỏi: “Sao lạnh thế?” Nàng đáp: “Vóc người mảnh dẻ, đi đêm dầm sương khuya, không lạnh sao được!”. Hai người bèn vui vẻ với nhau. Gà vừa gáy sáng, sắp từ biệt, nàng tặng chàng một chiếc hài thêu.

Từ đó, hễ vắng người, Tang Hiếu lại mang hài ra mân mê thì cô Lý liền hiện ra, hai bên bèn quấn quít yêu đương. Được ít lâu, thần sắc anh chàng trông rất

tiểu tụy, mạch đập tán loạn, như tơ rối. Có lúc đôi bên sớm tối cận kề luôn hai tháng, anh chàng cảm thấy người mệt rũ, ngày càng gầy rộc đi, chỉ húp được chút cháo loãng, rồi trở bệnh mê mết, không sao ngồi dậy. Hóa ra cô Lý là ma, trước kia chết yếu, xác còn chôn phía ngoài bờ tường ngôi nhà Tang Hiếu đang trọ học.

Ai cũng hiểu ma là một ảo ảnh, không mang xác thịt hữu cơ; như thế làm sao có được sự chung chạ với con người cụ thể? Truyện hay phim ma thường hư cấu nhiều chi tiết ly kỳ cho lôi cuốn, nếu bỏ hết các chỗ thêm thắt ấy, rốt lại thực chất những cảnh hoan lạc với ma chỉ là ảo ảnh trong mơ, mà kết cuộc thì kẻ nằm mộng xuất tinh dầm dề. Đêm nào cũng nằm mơ, cũng xuất tinh dài ngày như Tang Hiếu thì hỏi sao không liệt giường liệt chiếu? Thậm chí xuất tinh liên tiếp đến cả tháng hơn như Trình Trung Ngộ (Truyện Cây Gạo của Nguyễn Dữ) thì hỏi sao không chết rũ như xác khô?

Hiện tượng sex với ma như Liêu Trai hư cấu được y học gọi tên là *spermatorrhea*. Tiến sĩ Paul J. Gillette trong *Từ Điển Đầy Đủ Về Sex* nói gọn rằng nó là sự vô tình xuất tinh ở đàn ông con trai, không do cực khoái gây ra (*The Complete Sex Dictionary*. New York: Award Books, 1981, tr. 266).

Spermatorrhea được danh y Tuệ Tĩnh (Nguyễn Bá Tĩnh, đời Trần, thế kỷ 14) giải thích như sau: “Phàm người trai tráng khỏe mạnh mà ở nề [ở không] một mình, vì mơ tưởng dục tình, hoặc nằm mộng thấy gái thì xuất tinh, đấy là tinh khí vì đầy tràn mà tiết ra...”. Ông lại viết: “Còn người nguyên khí hư kém, tâm không tàng thần, thận không tàng tinh mà di tinh, nằm mơ thấy giao hợp mà xuất tinh...” (Tuệ Tĩnh Toàn Tập, bản in 1990 của Hội Y Học Dân Tộc Thành phố Hồ Chí Minh, tr. 233).

Giải thích “nằm mộng thấy gái thì xuất tinh, nằm mơ thấy giao hợp mà xuất tinh” như dẫn trên cho thấy vì sao người Việt gọi *spermatorrhea* là *mộng tinh*; nhưng người Hoa gọi là *mộng di* 夢遺. Chữ *di* này cũng là chữ *di* trong *di tinh* 遺精. Tinh theo người Hoa là một trong tam bảo (ba món quý: tinh, khí, thần) của con người, khi nằm mơ mà để nó chảy lọt ra ngoài tức là làm rơi rớt của quý, thế nên chữ Hán viết *di* 遺 gồm chữ *quý* 貴 (quý báu) đi với bộ *sước* 辵. *Di* có nghĩa là văng vãi ra ngoài; là bỏ sót, đánh mất; là vô ý bỏ mất đi (nên Tiến sĩ Paul J. Gillette gọi là vô tình xuất tinh: *involuntary seminal emission*).

Đời Hậu Lê, danh y Hải Thượng Lãn Ông (Lê Hữu Trác, 1721 - 1791) giải thích: “Lòng dục động

thì hỏa bốc lên, hỏa bốc lên thì tinh thần mỗi mệt, tinh thần mỗi mệt thì tinh hoạt mà hóa thành di tinh, mộng tinh...” (Vệ Sinh Yếu Quyết, quyển thượng). Chữ *tinh hoạt* 精滑 của Lãn Ông có lẽ liên quan tới khái niệm *hoạt tinh* của người Việt, tức là tình trạng tệt hại hơn di tinh, nó chảy dầm dề không dứt, rất nguy hại sức khỏe, tổn thọ. Đó là lý do truyện sex ma hay phim sex quỷ thường có kết cục là kẻ hiếu sắc (như Trình Trung Ngộ) phải bỏ mạng vì tinh khí cạn kiệt.

Tóm lại, ma là cái không thực có. Sex với ma chỉ là sự huyền hoặc nhằm diễn bày cho ly kỳ hiện tượng mộng tinh, di tinh, hoạt tinh. Tuổi trẻ chưa có gia đình, thời @ lại rất dễ tiếp cận các trang web XXX trên Internet, chắc chắn họ sẽ bị kích dục, những dồn nén ấy đi vào mộng mị và sẽ xảy ra cuộc tình yêu ma như Liêu Trai thêu dệt. Kẻ cô đơn bị sex thôi thúc, phải “tự xử” (*masturbation*: thủ dâm) lâu ngày cũng dễ đi tới cuộc tình ảo hóa trong giấc bướm hỗn hoa. Đó cũng là lý do các thư sinh của Bồ Tùng Linh chỉ gặp ma nữ khi họ đang sống lẻ loi nơi cô quạnh! Danh y Tuệ Tĩnh, trích dẫn bên trên, gọi cách sống đó là “ở nẽ”. Nẽ là tiếng Việt cổ, có nghĩa là ở không, rảnh rang; thế nên, trong *Tự Vị An Nam - Pha Lang Sa. Dictionnaire annamite-français* (Tân

Định: Imprimerie de la Mission, 1877, tr. 489), thừa sai J.F.M. cho “ở nề” đồng nghĩa với “ở không” (rảnh rang) và dịch ra tiếng Pháp là “prendre ses loisirs” hay “être oisif”.

Giáo dục giới tính cho tuổi trẻ thời @ vì thế cần kết hợp với luân lý đạo đức, xây dựng ý thức làm chủ bản thân để họ biết giữ gìn nhân cách. Thay vì sống biệt lập với các trang web XXX, các tài liệu “porno” kêu gọi ham muốn thân xác... tuổi trẻ ngày nay rất cần tham gia sinh hoạt xã hội, thể dục, thể thao.

Ngoài giờ học tập, lao động, họ cần xả bớt năng lượng sung mãn vào chỗ có ích, lành mạnh. Trong *Vệ Sinh Yếu Quyết* (quyển thượng), danh y Hải Thượng Lãn Ông khuyên: “*Khi đi ngủ phải dẹp suy nghĩ để an thân.*” Thật vậy, trước giờ đi ngủ, giới trẻ cần giữ tinh thần trong sạch, không được xem sách truyện, phim ảnh khiêu dâm (*erotica*). Đó là cách họ tự làm đạo sĩ, tự vẽ bùa trấn yểm, không cho ma nữ khuấy phá trong đêm.

Báo *NLD*, 20-8-2006
(Có sửa chữa)

24.

TỔ NỮ KINH

Một nhóm đạo sĩ Trung Quốc đời Đông Hán (thế kỷ 1 - 3) đã hiệp nhau viết *Tổ Nữ Kinh* 素女經. Về nội dung tổng quát, cảm nang tính dục này hầu như không khác những chủ điểm được bàn luận tỉ mỉ trong Vườn Thơm (*Hương Viên* 香園, *The Perfumed Garden*, của Ả Rập) hay Kinh Yêu Đương (*Kama Sutra*, *Dục Kinh* 欲經, của Ấn Độ), tức là nó cũng chỉ dẫn cặn kẽ các lý thuyết và kỹ thuật chăn gối, cộng thêm mấy bài thuốc yểm trợ...



thực hiện đời nhà Thanh,
năm Quang Tự thứ ba mươi
(Giáp Thìn, 1904)

Điểm dị biệt duy nhất chính là óc tưởng tượng siêu thực của các đạo sĩ Trung Quốc. Họ cường điệu rằng việc giao hợp không chỉ làm vui cuộc sống mà còn giúp trường sinh bất tử. Bí quyết nhiệm mầu gói gọn trong thuật *bế tinh* 閉精 (ngăn chặn sự phóng tinh, *semen holdback*). Bế tinh thật ra là một phiên bản đảo nghịch 180° của đạo Lão, một tôn giáo mà người thực hành có hai xu hướng chính: đạo gia và đạo sĩ.

Nguyên ủy, các đạo gia chủ trương tu tiên để trường sinh bất tử bằng cách tham thiền, tịnh luyện. Vì đối với người luyện đạo (hành giả 行者), tinh là một trong ba món quý báu (tam bảo: tinh, khí, thần 精氣神) của con người. Họ phải tuyệt dục để giữ không cho tinh lọt ra ngoài (bảo tinh 保精: *semen preservation*), củng cố không cho tinh hư hỏng (cố tinh 固精: *semen strengthening*). Thân xác con người có đủ âm dương, ngũ hành chính là lò nấu thuốc trường sinh bất tử. Lò nấu thuốc nằm ở hạ đan điền 下丹田 mà đạo gia gọi là *khôn lô* 坤爐 (lò âm), và họ hô hấp để tạo thành lửa (hỏa hậu 火候) nấu các dược liệu đã sẵn chứa trong cơ thể (*nội dược* 內藥). Đây chính là phép luyện nội đan 內丹 (*interior alchemy*) mà người hành giả phải ăn chay trường, giữ nhiều giới cấm mà giới căn bản nhất là không được hành dâm.

Trái lại, giới đạo sĩ thời Đông Hán đã bẻ quặt các khái niệm tu tiên của đạo gia để vẽ ra con đường trường sinh bất tử hoàn toàn ngược lại. Họ giảng rằng đàn bà là âm (*khôn* 坤), đàn ông là dương (*càn* 乾), mà luật trời đất buộc âm dương phải



hòa hợp, thế nên thay vì cấm dục thì phải quan hệ tính dục để càn khôn tương giao, âm dương hòa hợp. Nhằm bồi bổ thân thể thì thay vì ăn chay hãy biết tìm ăn một số động vật có dược tính đặc trị. *Khôn lô* (lò âm) được hiểu chệch đi là thân thể phụ nữ, và họ chủ trương dùng thiếu nữ nhỏ tuổi để lấy âm bổ dương. Thế là thay vì bảo tinh, cố tinh và hành thiện thì đạo sĩ cổ súy cho kỹ thuật hành lạc và bế tinh.

Với hình thức đối thoại theo kiểu hỏi đáp, thuật phòng the lần lượt được trình bày qua miệng Tố Nữ 素女 và Huyền Nữ 玄女. Ngoài hai nàng hư cấu này, các đạo sĩ còn gán nhiều lời lẽ trong Tố Nữ Kinh cho

hai nhân vật huyền thoại là Hoàng Đế và Bành Tổ. Theo huyền sử Trung Quốc, Hoàng Đế sống vào thế kỷ 27 trước Công Nguyên (TCN); Bành Tổ thì vào lúc nhà Ân của vua Trụ sụp đổ (thế kỷ 13 TCN) đã sống thọ 767 năm. Thủ pháp mượn tên ẩn dạng này rất phổ biến ở Trung Quốc, nó được các đạo sĩ áp dụng để Tổ Nữ Kinh có sức thuyết phục và thu hút các vua chúa Đông Hán vốn rất sùng bái đạo Lão, vừa say mê tìm thuốc trường sinh, vừa nuôi đầy mỹ nữ trong chốn thâm cung.

Giới đạo sĩ thời Đông Hán đã mở ra khoa phòng trung bí thuật 房中祕術 (*secret art of the bedchamber*) gây ảnh hưởng lâu dài và rộng khắp. Trong *La Sơn Phu Tử*, Hoàng Xuân Hãn (1908 - 1996) cho biết rằng Nguyễn Hoãn là quan Bộ Lễ triều Lê Cảnh Hưng (1740 - 1786) có nuôi nhiều hầu non gái nhỏ trong nhà để luyện phép trường sinh, hậu quả là Hoãn hóa điên mà chết.

Tuần san *SGGP Thứ Bảy*, 18-02-2006

25.

XUÂN SỰ

Xuân sự 春事 (việc xuân) mấy ngàn năm nay vẫn được con người tùy theo ngẫu hứng mà hành xử bất kể giờ khắc nào chứ chẳng cần phải đợi đúng ba tháng mùa xuân mới ra chiêu thi thố bản năng.

Từ xa xưa người Trung Quốc đã dùng chữ *xuân* (mùa xuân) để làm một định ngữ (*modifier*) cho khá nhiều từ liên quan đến tính dục, chẳng hạn:

- Tình ham muốn giữa trai gái (*erotic feelings*) gọi là *xuân tâm* 春心, *xuân tình* 春情, *xuân ý* 春意.

- Tranh vẽ sinh hoạt tính dục (*erotic pictures*) gọi là *xuân công* 春功, *xuân cung* 春宮, *xuân họa* 春畫; người Nhật theo đó gọi là *shunga* (*xuân họa*).

- Sách sưu tập loại tranh này là *xuân sách* 春册, *xuân thư* 春書.

- Các loại thuốc trợ giúp sinh hoạt tính dục (*aphrodisiacs*) là *xuân dược* 春藥, *xuân phương* 春方.

- Thú vui chăn gối là *xuân sự* 春事.



Từ trái sang: Ba bức xuân họa điển lành của Ấn, Hoa, và Nhật

Có hiểu ý nghĩa đặc biệt trên đây của *xuân* thì sẽ rõ vì sao Nguyễn Du dùng hai chữ *đêm xuân* để gọi cái đêm Thúy Kiều bị tên vô lại Mã Giám Sinh làm cái chuyện “con ong đã tỏ đường đi lối về”: *Đêm xuân một giấc mơ màng...*

Cũng vậy, tả cảnh Kiều gặp Thúc Sinh và thỏa tình hoan lạc, thì Tố Như cũng áp dụng thủ pháp nói ít hiểu nhiều, dùng những uyển ngữ *ngày xuân mưa gió, đêm xuân* như sau:

*Hải đường mơn mớn cảnh tơ
Ngày xuân càng gió càng mưa càng nồng
Nguyệt hoa hoa nguyệt nã nùng
Đêm xuân ai dễ cầm lòng được chăng!*

Cổ nhân thường kiệm lời trong văn chương thi phú. Đọc cổ nhân phải đọc giữa hai hàng chữ. Như xem tranh người xưa vẽ vầng mây trên khung trời đêm thì nên hiểu là đang miêu tả vầng trăng ẩn sau đám mây, chứ chẳng phải cốt ý vẽ mây (xem bài *Mượn Mây Vẽ Trăng*). Bởi vậy, nhà thơ Lý Bạch 李白 (701 - 762) đời Đường có bài thơ *Xuân Tư* 春思 (Ý Xuân) là mượn ngọn gió xuân để nhắc tới nỗi lòng người vợ nhưng nhớ người chồng cách trở phương xa, lâu ngày không được ôm ấp, gần gũi:

*Yên thảo như bích ty
Tần tang đê lục chi
Đương quân hoài quy nhật
Thị thiếp đoạn trường thì
Xuân phong bất tương thức
Hà sự nhập la vi.*

Tản Đà dịch:

*Cỏ non xanh biếc vùng Yên
Cành dâu xanh ngả ở bên đất Tần
Lòng em đau đớn muôn phần
Phải chăng là lúc phu quân nhớ nhà
Gió xuân quen biết chi mà
Cớ chi lọt bức màn là tới ai?*

Cái định ngữ *xuân* ấy tương đồng với chữ *porn* hay *porno* trong tiếng Anh, rút gọn từ *pornography*. Truy nguyên, *pornography* do tiếng Hy Lạp: *pornē* (gái bán phấn buôn hương) + *graphein* (viết). Có thể ban đầu từ này chỉ nói tới các sáng tác mà các nhà luân lý quen gọi là *dâm thư* (*pornographic literature*), nhưng đến nay nó được dùng để gọi chung phim ảnh, sách báo, tranh ảnh, hay bất cứ thứ gì dính dáng đến *xuân sự* (*erotica*).

Một số nước phương Tây có tiếng là thoáng và sự cởi mở của họ trong lãnh vực xuân sự đã làm chính quyền phải rối rắm khi pornography là loại sản phẩm đồi trụy gây ra những hậu quả tai hại và tạo nên đề tài tranh luận gay gắt của nhiều giới khác nhau. Ở nhiều nước, người ta vẫn tranh cãi xem có nên kiểm duyệt thứ sản phẩm quá nhạy cảm này hay không. Vấn đề khó khăn là làm sao phân biệt được sự khác nhau giữa nghệ thuật và đồi trụy. Chưa hết, khá đông giới mày râu tự nhận họ là *feminists*, tức là họ tôn trọng nam nữ bình quyền (*feminism*), và họ biện bạch rằng khi phô bày làn thu thủy, nét xuân sơn của các kiều nữ thì chẳng qua chỉ là trân trọng tôn vinh những góc cạnh quá mỹ miều mà Tạo Hóa đã khéo ban cho cõi người ta.

Trở lại ngôn ngữ Trung Quốc, mùa xuân được mượn để ám chỉ tính dục (*sex*) vì xuân là mùa mà con người, thú cầm, thảo mộc đều được tiếp trợ nguồn sinh lực mới. Các loài động vật thường tìm bạn giao phối vào mùa xuân theo bản năng tự nhiên (nên chữ Hán gọi mùa động dục đòi hỏi giao phối là *xuân kỳ* 春期). Đó cũng là lý do trai gái hay cưới hỏi vào cuối năm để sang xuân thì được hưởng thú vui trần gian.

Năm 1835, khi sáng tác bài thơ *Locksley Hall* (một cái tên hư cấu), nhà thơ Anh danh tiếng Alfred

Tennyson (1809 - 1892) hạ bút viết câu này: “Trong mùa xuân có chàng trai trẻ mơ màng tơ tưởng những chuyện yêu đương./ *In the spring a young man's fancy lightly turns to thoughts of love.*”

Xem thế, Đông Tây đều thấy rạo rức lúc xuân về, và có lẽ đó là lý do để cổ nhân mượn chữ xuân mà nói bóng bẩy đến những chuyện mà loài người có thể ham muốn bất kỳ lúc nào, đâu cứ nhất thiết phải chờ cho đến đúng lúc xuân sang.

Hiểu lý và sự của chữ xuân như thế, người ta sẽ càng thích thú hơn khi nghe lại bản *Xuân Ca* bất hủ của Phạm Duy (1921 - 2013). Quả vậy, ngay từ khúc nhạc mở đầu đã rộn rã reo vui lời hoan lạc của xác thịt yêu đương:

Xuân trong tôi...

đã khơi trong một đêm vui,

một đêm...

một đêm gối chăn phòng the đón cha mẹ về...

Ở những câu tiếp theo, lời ca như hừng hực những hơi thở tràn trề nhựa sống (bão xuân) đang đòi hỏi một gió trăng đáp ứng:

Xuân tôi sang

bến yêu tôi tìm gió trăng

*Tình xuân
là xuân có khi mừng với có khi sầu đầy
Xuân yêu đương
muốn căng lên nhựa sống ngon
Tìm em
gặp em đón xuân nghìn năm bão xuân ngập
lòng...*

Báo *NLD*, 11-02-2007

26.

XUÂN HỌA PHÙ TANG

Nhân nói tới xuân họa của Trung Quốc, cũng nên nhắc qua *shunga* (xuân họa 春畫) ở Nhật Bản (xưa còn gọi là Phù Tang 扶桑), thường là tranh khắc gỗ (mộc bản), in nhiều màu, hầu hết được chế tác tại thành phố Edo (Giang Hộ 江戸) nay gọi là Tokyo (Đông Kinh 東京). Hai thành phố khác cũng có chế tác loại tranh này là Osaka (Đại Phản 大阪) và Kyoto (Kinh Đô 京都).

Shunga của Nhật luôn có xu hướng cường điệu, tức là cố ý phô bày các cơ quan sinh dục to, khỏe. Người ta bảo đây là bằng chứng cho thấy họa sĩ Nhật chịu nhiều ảnh hưởng phong cách phóng đại của Chu Phưởng 周昉 (khoảng 740 - 800), một danh gia xuân họa thời nhà Đường (Trung Quốc).

Các nhà khảo cứu cho rằng shunga xuất hiện trên đất Phù Tang từ cuối thời tướng quân Muromachi (Thất Đinh 室町, 1336 - 1573), do cảm hứng từ xuân họa của Trung Quốc.

Shunga tiếp tục thịnh hành suốt thời đại Edo (Giang Hộ, 1603 - 1867) mãi tới thời Meiji (Minh Trị 明治, 1868 - 1912) mới chịu nhường bước cho nhiếp ảnh gợi dục (xuân ảnh 春影, *erotic photographs*).

Như vậy shunga được sáng tác trong các thế kỷ 16 - 19. Người ta dễ dàng bán các tranh mộc bản này với giá cao và thị trường có cả tranh lẻ (in từng tấm rời) hoặc nguyên cả một tập khá dày, trong đó mỗi tranh thường chiếm trọn hai trang giấy. Tuy nhiên đắt tiền hơn cả vẫn là tranh lụa vẽ tay, hai đầu có trục để treo thòng xuống (*scrolls*) mà người Hoa gọi là *quyển trục* 捲軸 hay *quải trục* 掛軸 (tranh cuộn) còn người Nhật gọi là *kakemono-e* hay *kakejiku-e* (*quải vật* 掛物 hay *quải trục* 掛軸).

Cũng như phần đông tác giả dân thi thường giấu tên, các họa sĩ vẽ shunga hiếm khi ký tên lên tranh. Tuy thế, ngày nay vẫn biết rằng bốn danh gia vẽ shunga của Nhật là: Hishikawa Moronobu (Lăng Xuyên Sư Tuyên 菱川師宣, 1618 - 1694); Katsushika Hokusai (Cát Súc Bắc Trai 葛飾北齋, 1760 - 1849);

Miyagawa Isshō (Cung Xuyên Nhất Tiếu 宮川一笑, 1689 - 1780) và Yanagawa Shigenobu (Liễu Xuyên Trùng Tín 柳川重信, 1787 - 1832), vốn là học trò của Hokusai (Bắc Trai).

Các danh gia vẽ shunga thường có thân chủ là giới quý tộc giàu có. Shunga được dùng làm bí kíp hướng dẫn họ và con cái họ thực hành sinh hoạt chăn gối. Tương truyền, hễ bán được một tranh, họa sĩ đủ sống nửa năm. Những shunga còn lưu giữ tới ngày nay đều cho thấy nét vẽ rất tỉ mỉ, khắc bản rất công phu.

Một tranh có nhiều màu sinh động, mỗi màu cần một bản khắc gỗ. Chẳng hạn, một shunga danh tiếng của Katsushika Hokusai (Cát Súc Bắc Trai) vẽ cảnh vợ một ngư phủ đang bị hai con bạch tuộc (*octopuses*) cùng lúc cưỡng bức (xem bài *Giấc Mơ Vợ Ngư Phủ*). Vào năm 2001, để nhái lại tranh này, họa sĩ Masami Teraoka (sinh năm 1936) phải dùng đến hai mươi chín bản khắc gỗ (26,5x40cm) để in cho đủ hai mươi chín màu.

Shunga miêu tả rất sinh động và tỉ mỉ những tập quán tính dục của người Nhật, bao gồm đủ thể loại như: lưỡng giới (nam và nữ, *heterosexuality*), đồng giới nữ (*lesbians, lesbos*), đồng giới nam (*gays*), lạm

dụng trẻ em (ấu dâm, *pederosis*), quan hệ tính dục trong lúc đang mặc đồng phục (*buru sera*), v.v...

Xem qua các bộ sưu tập shunga đắt giá hiện nay còn lưu giữ, giới nghiên cứu tính dục học không những biết được tập quán tính dục của người Nhật từ thời xa xưa mà còn thấy được ảnh hưởng của nó di truyền sang các thể loại hiện đại như: phim hoạt hình sex (*eroanime*), truyện tranh sex của Nhật được gọi là *manga* (mạn họa 漫畫), trò chơi sex (*sex games*) trên computer. Người Nhật gọi chung ba thể loại vừa kể là *hentai* (biến thái 變態), tức là không bình thường (*abnormal*), lệch lạc (*perverted*).



Bức shunga của Kitagawa Utamaro
(Hỷ Đa Xuyên Ca Ma 喜多川歌磨, 1753 - 1806)
là tranh mộc bản, đã che bớt chỗ nhạy cảm

Quả thật không tiện sao chép các shunga rất nóng bỏng của Nhật, nên chỉ có thể giới thiệu thêm một tranh tương đối ít dữ dằn, được vẽ dưới thời vua Minh Trị (1868 - 1912). Lúc này nước Nhật đang canh tân theo phương Tây, cho nên người đàn ông trong tranh đã cắt tóc ngắn, còn người phụ nữ vẫn mặc trang phục truyền thống nước Nhật. Không rõ tên họa sĩ sáng tác, và tranh này khi in lại nơi đây đã được cắt bớt một phần quá lộ liễu (xem ảnh dưới đây).



Báo *NLD*, 15-3-2006

27.

YÊU LÚC THU SANG

Nếu ví tuổi trung niên là lúc thu về, thì tình yêu tuổi sang thu hoặc sẽ vẫn đủ lãng mạn hoặc sẽ phôi pha. Hiểu biết để còn mãi yêu nhau khi không còn trẻ nữa đang là một vấn nạn khá phổ biến ở nhiều xã hội Đông Tây.

Con người kết hôn là tạo ra một ràng buộc quan hệ. Sự ràng buộc này thể hiện bằng giá thú dân sự (*civil marriage*) mang tính pháp lý, nghĩa là luật pháp quốc gia bảo vệ quyền lợi và hạnh phúc của hai vợ chồng. Ngoài ra, ở nhiều xã hội, còn có thêm giá thú tôn giáo (*religious marriage*), nghĩa là một nghi thức hôn phối cử hành trước bàn thờ có sự chủ trì của chức sắc, mang tính thiêng liêng. Tuy nhiên, dù một hay hai mối ràng buộc như nói trên cũng chưa phải là cái gì thật sự bền vững tuyệt đối để đủ

sức cột chặt vợ chồng lại với nhau mãi mãi. Thật vậy, giá thú dân sự vẫn có thể bị hủy; luật tục một số tôn giáo có thể cấm ly dị nhưng hai kẻ trong cuộc đều có thể thỏa thuận một giải pháp thay thế khi cuộc sống lứa đôi đã vô phương cứu vãn.

Không phải luôn luôn, nhưng một trong nhiều nguyên nhân thông thường có thể phá vỡ mối quan hệ hôn nhân của hai vợ chồng chính là tình dục (*sex*). Như mọi hiện tượng trên cõi đời này luôn tuân theo quy luật thành, trụ, hoại, diệt (nghĩa là từ có sẽ trở thành không), tình dục cũng vậy. Nó rất nông nản, rồi có xu hướng nhạt phai, nhàm chán, và tắt lịm. Chính khi ấy, nguy cơ tan vỡ hôn nhân thường khó tránh khỏi ở một số gia đình.

Đó là lý do ngày nay các nhà tâm lý trị liệu tư vấn hôn nhân luôn quan tâm giúp các cặp vợ chồng thấu hiểu được yếu tố tình dục trong gia đình, nhất là khi đôi lứa đã chung sống bên nhau rất nhiều năm, tình hoặc càng thắm thêm, hoặc dễ nhạt đi. Sau đây là một số tư vấn hữu ích, được đúc kết đơn giản, dễ áp dụng cho mọi người.

Tình dục

1. Tình dục là một phần quan trọng của quan hệ vợ chồng. Tuy nhiên đừng bao giờ đặt tình dục

vượt lên trên tình yêu. Ham muốn tình dục không phải là tình yêu mà tình dục chỉ nên là một trong nhiều hành vi thể hiện tình yêu.

2. Sự lỗi điều giữa hai thân xác khiến vợ chồng không thỏa mãn về tình dục. Nó thường được xem là kẻ thù nguy hiểm nhất phá hoại đời sống hôn nhân. Tuy nhiên, thông thường hôn nhân đổ vỡ lại là hậu quả của sự thiếu thấu hiểu nhau mà cả hai phía vợ lẫn chồng đều không đủ thiện chí tìm cách giúp nhau nhẫn nại khắc phục. Phải chịu khó trò chuyện để biết sở trường, sở đoản, sở thích, cấm kỵ... của nhau ngõ hầu giúp nhau duy trì quan hệ hôn nhân, quan hệ chăn gối.

3. Nhóm lửa đã khó, giữ lửa càng khó hơn vì tối thiểu phải có đủ chất đốt để duy trì ngọn lửa. Trong tình chăn gối cũng tương tự như thế. Y học và tính dục học (*sexology*) hiện đại có thể giúp các cặp vợ chồng thoát khỏi những bế tắc. Đọc sách chuyên khoa, tham vấn chuyên gia ngày nay không còn là việc ngoài tầm tay. Thuốc men trợ lực cũng không còn là vấn đề khó khăn. Khó khăn rốt lại chính là thái độ người trong cuộc: Họ có đủ dũng cảm thoát khỏi sự rụt rè, tính e thẹn hay không khi buộc phải chia sẻ chuyện thầm kín với người thứ ba (nhà chuyên môn đáng tin cậy) để nhận được lời tư vấn đáng tin và đúng đắn.

Chướng ngại

1. Người chồng quá lo toan cho sự nghiệp bản thân, cho sự ổn định tài chánh của gia đình. Cũng thế, người vợ hoặc bị cuốn hút vào việc nội trợ hoặc bồn phận làm mẹ. Hai vợ chồng đang đi ngược chiều nhau theo hai lối khác nhau. Họ không còn quan tâm nhau nữa. Đây là lúc họ phải tự điều chỉnh để thật sự vẫn còn là bạn đồng hành (bạn đời) của nhau.

2. Quá đam mê một công việc hay quá tham vọng vào sự nghiệp sẽ làm tăng thêm trở ngại cho quan hệ vợ chồng. Nhiều vợ chồng tan vỡ hạnh phúc ngay khi một trong hai người quá thành đạt. Nếu họ còn khá trẻ, và chưa có con, hoặc con cái không đủ sức cột họ lại (dù miễn cưỡng, vì trách nhiệm với con hơn là với bạn đời) thì chắc chắn họ sẽ chia tay nhau dễ dàng khi vật chất sung túc, dư dật mặc dầu trước đây họ đã thành thật, khao khát tìm đến nhau trong lúc cả hai còn thiếu thốn, chật vật.

3. Phải cố tìm cách để có thể dành thời gian bên nhau. Trước hôn nhân, đôi lứa ngồi với nhau rủ rỉ hàng nhiều giờ liền, vẫn than là ít. Mía mai thay, sau hôn nhân, ngồi nhìn nhau dăm mười phút, trao đổi qua quýt vài câu cụt lủn lại thấy đã quá nhiều. Đó

là lý do người ta thường mỉa mai rằng muốn hủy diệt lệ tình yêu đôi lứa, hãy sớm cưới nhau. Và phải chăng vì vợ chồng ngồi nhìn nhau để chán mà nhà văn Pháp kiêm phi công Antoine de Saint-Exupery (1900 - 1944) khuyên:

“Yêu nhau không cứ phải chăm chăm ngó nhau, mà cốt ở chỗ nhìn ra ngoài theo cùng một hướng./ Love does not consist in gazing at each other, but in looking outward together in the same direction.”

Lối thoát

1. Để thay đổi môi trường sống quá quen thuộc đã trở thành nhàm chán, hai vợ chồng nên du lịch để thay đổi không khí, tìm lại lòng ham muốn nhau khi cùng chia sẻ một khung cảnh lạ, thưởng thức các món ăn mới. Lúc ấy, họ không còn bận rộn với việc riêng mỗi người, và dĩ nhiên là có nhiều thời gian gần gũi, cận kề hơn so với khi ở nhà. Ở giữa chốn toàn những người xa lạ, họ dễ tập trung lòng quan tâm nhau chu đáo hơn.

2. Không đi du lịch được dài ngày thì nên rủ nhau đi xem ca nhạc ở những nơi hữu tình, nhất là những khung cảnh dễ gợi nhớ ngày xưa với nhiều kỷ niệm thân ái. Đi ăn hay uống cà phê ở những

khung cảnh lãng mạn cũng là một cách đơn giản để hâm nóng tình yêu, giữ lửa cho nhau.

3. Nếu cảnh nhà chật chội, phải chia sẻ không gian sống với con cái hay ông bà, anh em... thì cách đơn giản là thỉnh thoảng hai vợ chồng tìm cơ đi chơi để có dịp thuê phòng ở một khách sạn thanh lịch. Họ dễ có cảm giác mơ hồ như đang là đôi tình nhân của thuở đầu hò hẹn. Đó cũng là một cách nuôi dưỡng lãng mạn.

4. Thay đổi nhịp sống đơn điệu, nhàm chán hàng ngày bằng sự lãng mạn không nhất thiết phải tốn kém quá nhiều tiền. Tạo khoảng riêng ấm êm cho hai vợ chồng bằng chút hoa tươi, tí ánh nến lung linh chẳng hạn. Thay mới các chăn, gối, màn... cũ kỹ. Thỉnh thoảng cũng thay đổi cách trang hoàng trong nhà, phòng ngủ để tạo ra những góc nhìn mới. Thay đổi kiểu tóc, y phục, đổi mùi nước hoa cũng là yếu tố góp phần làm mới cuộc sống tình cảm.

5. Nên biết chủ động sắp xếp thời gian, công việc để có cơ hội chia sẻ với nhau trọn vẹn sự thân mật riêng tư mà không bị bất kỳ ngoại cảnh hay ngoại lực nào bất chợt xen vào, chi phối, phá đám.

6. Tuổi sang thu không có nghĩa là đánh mất tình yêu và sự lãng mạn. Biết nuôi dưỡng thì nó vẫn

say đắm, say êm, và say lâu như men rượu thơm ngon cất giữ đúng cách qua nhiều năm.

*

Nói về tình yêu lúc thu sang hay ở tuổi xế chiều, nhà văn kiêm kịch tác gia Mỹ là Newton Booth Tarkington (1869 - 1946) nói:

“Chính tình yêu ở tuổi già, không còn mù quáng nữa, mới là tình yêu đích thực. Vì mức độ mãnh liệt nhất của tình yêu không nhất thiết có nghĩa là chất lượng cao nhất./ It is love in old age, no longer blind, that is true love. For the love’s highest intensity doesn’t necessarily mean it’s highest quality.”

Báo NLD, 07-01-2007

28.

YOGA KHỎA THÂN

Yoga là phương pháp rèn luyện rất cổ xưa của người Ấn với bề dày lịch sử mấy ngàn năm. Yoga giúp kiểm soát hơi thở, làm chủ thân thể và định tĩnh tâm hồn...

Trong một mức độ giới hạn nào đó, có thể xem yoga tương đồng với phương pháp ngồi thiền hay tham thiền ở vài khía cạnh. Trước kia, vì mượn cách phiên âm ghi bằng chữ Hán của người Hoa, người Việt gọi yoga là *du già* 瑜伽. Người chuyên luyện yoga được gọi là *yogi*, người Hoa gọi họ là *du già tu hành giả* 瑜伽修行者.

Người phương Tây thuở mới đặt chân đến Ấn Độ đã không khỏi sửng sốt và thán phục khi mục kích những nhà tu hành du già khổ hạnh, chỉ có

mảnh khố che dưới bụng, thậm chí là khóa thân, đứng hay ngồi bất động hàng giờ, thậm chí nhiều ngày liền trong nắng mưa, sương tuyết. Nhiều học giả phương Tây viết sách về yoga đã góp công truyền bá phương pháp này vượt ra ngoài biên giới Ấn Độ, và nó sớm được chấp nhận, rồi mau chóng thịnh hành trên thế giới.

Thời nay, ở nhiều nước công nghiệp, nhằm giải tỏa sức ép của cuộc sống cạnh tranh quyết liệt, càng ngày càng có thêm nhiều người tìm tập yoga nhằm tăng cường sức khỏe, giữ gìn tuổi trẻ, giảm stress, tìm sự quân bình tâm hồn... Các lớp yoga, các câu lạc bộ dưỡng sinh yoga vì thế lần lượt xuất hiện nhiều nơi, nhiều nước, kể cả Việt Nam. Tuy nhiên, những góc cạnh tốt đẹp của yoga cuối cùng lại không thoát khỏi sự lạm dụng của người phương Tây.

Thật vậy, do nhìn thấy các nhà tu hành du già khóa thân ở Ấn Độ, người phương Tây lại có xu hướng thực hành yoga khóa thân hoàn toàn (*naked yoga*). Ngoài những người thực hành yoga khóa thân trong phòng riêng tại nhà còn có những nhóm đông người thực hành tập thể ở các phòng tập, thậm chí có khi họ ra ngoài bãi biển vắng hay một nơi thanh tĩnh, hữu tình như trên đồng cỏ.



Hai tư thế yoga khỏa thân. Ảnh tài liệu

Trong thập niên 1960, yoga khỏa thân đã có mặt ở bang California (Mỹ), sau đó nó được vài phim tài liệu quảng bá, tiêu biểu như phim Yoga Khỏa Thân (*Naked Yoga*, 1974), dài hai mươi bốn phút, do Paul Cordsen biên kịch kiêm đạo diễn. Phim miêu tả việc thực hành yoga khỏa thân của một số phụ nữ trên đảo quốc Cyprus (phía đông Địa Trung Hải) và trong phòng quay. Nữ diễn viên góp mặt có Elizabeth Taylor-Mead (Mỹ); danh ca Alexis Corner (1928 - 1984, Anh) đọc lời thoại. Phim này sau đó được phát trên truyền hình Anh.

Ở Mỹ có Tiến sĩ Ernesto Bustamante (sinh năm 1950 tại Peru) là người ủng hộ yoga khỏa thân, mở lớp dạy ở hai khu Chester và Basking Ridge trong bang New Jersey. Tại thành phố San Francisco (bang California, Mỹ) có George Monty Davis, nổi danh

với biệt hiệu “Anh Chàng Yoga Trần Trụi” (*Naked Yoga Guy*). Chẳng những hay phát biểu lung tung về xu hướng yoga khóa thân, Davis lại còn hứa hẹn viết sách truyền bá cho đại chúng hiểu biết triết lý sống của nó. Vì Davis hay biểu diễn yoga khóa thân nơi công cộng nên bị dân chúng kiện.

Luật pháp địa phương không dự trù trường hợp “naked yoga” nên rốt cuộc Tòa Án thành phố San Francisco chỉ xử ông ta về hành vi khóa thân nơi công cộng (*public nudity*) và tuyên bố ông vô tội bởi lẽ thành phố này không cho việc làm ấy là phạm pháp, trừ phi đương sự phô bày hành vi khiêu dâm, đồi bại.

Những người chủ trương trở về với tình trạng nguyên thủy loài người tức là sống như Adam và Eve trong vườn Địa Đàng (*Eden*) đã tạo thành phong trào *naturism* để cổ xúy cho xu hướng khóa thân (*nudism*); dĩ nhiên họ ủng hộ kiểu thực hành yoga khóa thân tập thể. Họ lập websites để trình bày quan điểm và chiêu mộ người gia nhập. Nhằm tạo cho cách sống của họ một thứ “triết lý” mang dáng vẻ siêu thoát, họ chẳng ngại gì lạm dụng tư tưởng của các hiền giả Đông Tây kim cổ, và Kahlil Gibran (1883 - 1931) là một “nạn nhân” của họ.

Gibran là họa sĩ, nhà thơ, triết gia nổi tiếng người Lebanon. Trong tập thơ Nhà Tiên Tri (*The Prophet*), có đoạn Gibran viết:

“Y phục che đậy hết cả vẻ đẹp của bạn mà không giấu giếm được những xấu xa. Dẫu muốn được thoải mái trong tư riêng kín đáo khi khoác lên lụa là vải vóc, bạn lại chuốc vào bao trói buộc lụy phiền. Giá như bạn trút bớt đi xiêm áo để thịt da phơi nắng gió nhiều hơn. (...) Chớ quên rằng đất thích sờ đôi bàn chân trần trụi, và làn gió thèm vờn làn tóc tung bay./ Your clothes conceal much of your beauty, yet they hide not the unbeautiful. And though you seek in garments the freedom of privacy you may find in them a harness and a chain. Would that you could meet the sun and the wind with more of your skin and less of your rainment. (...) And forget not that the earth delights to feel your bare feet and the winds long to play with your hair.”

Những dòng thơ ấy tỏ ra quá thích hợp, thế nên họ đã trích ngang như thế để mượn làm lời châu tiếng ngọc thay cho một thứ tuyên ngôn (*declaration*) của yoga khóa thân.

Có lẽ để tránh công luận chỉ trích, nhiều câu lạc bộ yoga khóa thân chỉ chấp nhận hội viên là người

cùng giới tính, nghĩa là toàn phái nam hay toàn phái nữ chứ không lẫn lộn. Tuy nhiên, không tránh khỏi thực trạng rằng điều ấy chẳng qua cũng chỉ là một lớp vỏ giả hiệu, vụng về.

Chẳng hạn, năm 1998, tại thành phố New York, Jayadev khởi xướng một nhóm đàn ông lấy tên là “Yoga nửa đêm dành cho đàn ông” (*Midnight Yoga for Men*), dĩ nhiên họ theo cách khóa thân. Nhiều người khác bắt chước, cũng lập nhóm, nhưng cuối cùng lại hóa ra những ổ yêu đương đồng tính nam.

Báo *NLD*, 22-10-2006

Trong thời @ vẫn còn những thầy phong thủy được khách hàng tham vấn với mong muốn cải thiện quan hệ yêu đương. . .
Thầy phong thủy bao giờ cũng dành cho khách hàng một lời khuyên nhấn mạnh tới vai trò chủ động của chính đương sự. Tức là, bản thân đương sự không thật sự tỏ ra dễ thương, dễ gần gũi thì phong thủy cũng không phát huy tác dụng. Nói khác đi, bạn muốn được yêu thì trước tiên bạn hãy là người đáng yêu thật sự.

(Trích: Phong thủy và yêu đương)



Câu chuyện tính dục ĐÔNG TÂY

CÂU CHUYỆN TÍNH DỤC ĐÔNG TÂY gồm hai mươi tám tản mạn về tính dục, được trình bày nhẹ nhàng, cẩn trọng, để bạn đọc vừa có thể vui vui với chút vị hương trần thế, vừa có thể suy gẫm thêm một vài góc cạnh đời sống hàng ngày vốn trực tiếp hay gián tiếp chịu ảnh hưởng của tính dục từ vật chất tới tinh thần, trong nhiều phạm vi khác nhau, mà lắm khi chúng ta không ngờ, không nghĩ tới các ảnh hưởng đó.

(Trần Thế Hương)

Câu chuyện tính dục Đông Tây



ISBN: 978-604-312-457-6



9 786043 124576

www.sachweb.vn